

LỊCH SỬ TRUYỀN THÔNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG (1930 – 1975)

LỜI NÓI ĐẦU

Thực hiện chỉ thị số 20 CT/TW ngày 18.1.2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc “Tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng”, Ban thường vụ Huyện Ủy thống nhất việc tiến hành bổ sung, chỉnh lý nội dung cuốn “Sơ thảo truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đơn Dương (1930-1975)”.

Cuốn sơ thảo “Truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đơn Dương (1930-1975)” đã thể hiện được truyền thống cách mạng vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân huyện Đơn Dương trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc, đã khơi dậy lòng tự hào của thế hệ hôm nay và mai sau đối với sự đóng góp, hy sinh xương máu của ông cha vì sự nghiệp cách mạng. Từ đó cổ vũ ý chí phấn đấu vươn lên và nâng cao tinh thần trách nhiệm của Đảng viên, cán bộ và nhân dân toàn huyện trong sự nghiệp xây dựng quê hương Đơn Dương ngày càng giàu đẹp.

Cuốn “Sơ thảo truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đơn Dương (1930-1975)” là cuốn sử được nghiên cứu, biên soạn công phu, có tác dụng giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, đã đi vào đời sống chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong toàn huyện.

Cuốn sách được hoàn thành và phát hành từ năm 1997. Trải qua hơn 20 năm, Đơn Dương đã có sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh, tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Tuy nhiên, cuốn “Truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đơn Dương (1930-1975)” còn ở dạng sơ thảo, chưa đáp ứng nguyện vọng của Đảng viên, cán bộ và nhân dân huyện nhà trong việc coi trọng, phát huy bản chất, truyền thống của các thế hệ ông cha trong sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc. Vì vậy, Ban Thường vụ Huyện Ủy Đơn Dương quyết định bổ sung, chỉnh lý nội dung cuốn “Sơ thảo truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đơn Dương (1930-1975)” thành cuốn “Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đơn Dương 1930-1975”. Ban thường vụ Huyện Ủy thống nhất nội dung, bố cục, văn phong của cuốn sách cũ, tiếp tục bổ sung một số nội dung còn thiếu hoặc chưa đầy đủ về

nhân vật, sự kiện lịch sử trong quá trình hoạt động cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đơn Dương.

Cuốn “Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đơn Dương 1930-1975” được sự góp ý chân tình của các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí từng tham gia chiến đấu, công tác trên địa bàn huyện qua các thời kỳ, của Đảng viên, cán bộ và nhân dân trong huyện, là cơ sở cho việc hoàn thành cuốn lịch sử Đảng có chất lượng cao.

Ban thường vụ Huyện Ủy Đơn Dương trân trọng giới thiệu cuốn “Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đơn Dương 1930-1975” đến Đảng viên, cán bộ, nhân dân trong và ngoài huyện. Mong được sự góp ý của các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí từng tham gia chiến đấu trên địa bàn huyện Đơn Dương qua các thời kỳ, của cán bộ và nhân dân về tư liệu để lần xuất bản sau cuốn sử có chất lượng cao hơn.

**Thay mặt Ban thường vụ Huyện Ủy
Bí thư**

PHẦN MỞ ĐẦU

VÙNG ĐẤT-CON NGƯỜI VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

I. Địa lý tự nhiên:

Huyện Đơn Dương nằm về phía Đông Bắc tỉnh Lâm Đồng, có diện tích tự nhiên 611,6 Km², phía Bắc và Tây Bắc giáp Đà Lạt và huyện Lạc Dương, phía Nam và Tây Nam giáp huyện Đức Trọng, phía Đông giáp tỉnh Ninh Thuận.

Ở phía Đông cao nguyên Lang Bian, có độ cao từ 950 mét đến 1200 mét so với mực nước biển, Đơn Dương có nhiệt độ trung bình hàng năm 22 độ C, ít bị ảnh hưởng gió bão, mỗi năm chia làm hai mùa: Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10 và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Thời tiết tương đối ôn hòa, đất đai thích hợp cho trồng cây công nghiệp, lương thực, cây ăn trái. Rừng Đơn Dương có độ che phủ trên 60% diện tích tự nhiên, đa dạng về hệ thực vật và động vật, chia làm 3 loại là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn và rừng sản xuất, đã tạo cho huyện có đất rừng, đất sản xuất nông và lâm nghiệp .

Do địa hình đồi núi lượn sóng, thấp dần về hướng Tây, Đơn Dương có các ngọn núi cao trên 1400 mét (Yenpar, Kanan) nằm về hướng Đông và Tây Bắc, là nơi bắt nguồn của các con sông, suối lớn đổ về vùng đồng bằng các tỉnh phía Nam. Sông Đa Nhim bắt nguồn từ xã Đa Nhim, huyện Lạc Dương chảy qua phía Bắc thị trấn D'Ran, đi hết chiều dài của huyện xuống Đức Trọng rồi đổ về sông Đồng Nai. Nhờ có độ cao, năm 1961 được ngăn dòng để xây dựng một công trình thủy điện với công suất 16 KVA, hòa lưới điện quốc gia.

Ở vị trí cửa ngõ dẫn đến Đà Lạt, Đơn Dương có hệ thống giao thông thuận lợi giao lưu giữa các vùng trong tỉnh và các tỉnh bạn. Đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp mở đường tàu xe lửa răng cưa từ Tháp Chàm đi Đà Lạt. Về phía Đông, quốc lộ 11 nối liền thành phố Đà Lạt với Dran, qua đèo Krông pha xuống Phan Rang đi các tỉnh miền trung. Quốc lộ 21 Bis (nay gọi là đường 27) qua địa bàn huyện có chiều dài 26 Km từ D'ran đi Fi Nôm tiếp giáp đường 20 từ Đà Lạt về thành phố Hồ Chí Minh, nối liền các tỉnh phía Nam. Đường 412 chạy dọc sông Đa Nhim từ D'ran đến xã Tu Tra nối với quốc lộ 20 qua huyện Đức Trọng. Ngoài quốc lộ, tỉnh lộ, hệ thống đường liên thôn, liên xã, đường mòn qua các dãy núi tạo thành mạng lưới giao thông gắn liền địa bàn huyện với các huyện và tỉnh bạn, tạo thể hành lang

trong 2 cuộc kháng chiến, bảo đảm cho lực lượng của ta hoạt động, xây dựng cơ sở cách mạng vùng địch tạm chiếm.

II. Quá trình phát triển:

Về hành chính

Năm 1989, vùng đất Dran thuộc tỉnh Đồng Nai Thượng (Haut Don Nai). Năm 1905, tỉnh Đồng Nai Thượng bị bãi bỏ, nơi đây thuộc huyện Tân Khai tỉnh Ninh Thuận. Năm 1920, cùng với việc tái lập tỉnh Đồng Nai Thượng, quận Dran được thành lập. Ranh giới của quận lúc bấy giờ rất rộng. Phía Đông và Nam giáp với Ninh Thuận, Bình Thuận; phía Tây kéo dài đến Đại Ninh (giáp Di Linh), phía bắc giáp Đắk Lắk.

Theo sắc lệnh số 261/NV ngày 19-5-1958, chính quyền Ngô Đình Diệm thành lập tỉnh Tuyên Đức, chia Dran thành 3 quận Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương. Quận Đơn Dương trước năm 1975 có 3 tổng Xuân Lạc gồm các xã Lạc Nghiệp, Xuân Trường (Cầu Đất), tổng Lạc Mỹ gồm các xã Lạc Lâm, Thanh Mỹ, tổng Linh Nhân gồm các xã Kill Plagnol Thượng, Linh Gia⁽¹⁾.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, do yêu cầu chỉ đạo, Ban cán sự Đảng tỉnh Lâm Viên quyết định chia Dran thành 2 khu vực gọi là huyện Chiến Đấu (bao gồm huyện Đức Trọng, Lâm Hà, Đam Rông ngày nay) và huyện Chiến Thắng (gồm khu vực các xã Xuân Trường, Xuân Thọ, thị trấn Càn Rang của quận Dran và khu vực Trại Mát thuộc Đà Lạt).

Tháng 11 năm 1975, giải thể huyện Lạc Dương, nhập các xã Kill Plagnol Hạ, Xuân Trường, Xuân Thọ về huyện Đơn Dương. Huyện Đơn Dương lúc này có các xã Xuân Thọ, Xuân Trường, Kill Plagnol Hạ, Lạc Nghiệp, Lạc Xuân, Lạc Lâm, Thanh Mỹ, K'Đơn, Tu Tra, xã Loan.

Ngày 14 tháng 3 năm 1979, Hội đồng chính phủ có quyết định số 116-CP, chia tách một số huyện của tỉnh Lâm Đồng. Huyện Đơn Dương chia làm 2 huyện là Đơn Dương và Lạc Dương. Xã Xuân Trường, Xuân Thọ giao về thành phố Đà Lạt; xã Kill Plagnol Hạ giao cho huyện Lạc Dương. Huyện Đơn Dương gồm các xã Tu Tra, Ka Đơn, Thanh Mỹ, Ka Đô, Lạc Xuân, Lạc Nghiệp, Lạc Lâm, Loan và thị trấn Đơn Dương⁽²⁾.

Ngày 28 tháng 3 năm 1983, chia xã Loan thuộc huyện Đơn Dương thành xã Đà Loan và Ninh Loan. Ngày 6 tháng 6 năm 1986, Hội Đồng Bộ trưởng có quyết định số 67-HĐBT, điều chỉnh địa giới hành chính xã Đà Loan thành 2 đơn vị hành chính là xã Đà Loan và xã Tà Năng, xã Ninh Loan thành xã Ninh Loan và xã Tà Hine. Ngày 24 tháng 10 năm 1987, Hội đồng Bộ trưởng ra quyết định số 157-HĐBT tách 4 xã Đà Loan, Ninh Loan, Tà Hine, Tà Năng của huyện Đơn Dương sáp nhập vào huyện Đức Trọng⁽³⁾.

(1) *Địa chí Lâm Đồng, nhà xuất bản văn hóa dân tộc, Hà Nội 2001, trang 21*

(2)(3) *Địa chí Lâm Đồng, nhà xuất bản văn hóa dân tộc, Hà Nội 2001, trang 22-23-24*

Năm 1987, giải thể xã Thạnh Mỹ để thành lập thị trấn Thạnh Mỹ.

Năm 1989, tách xã Ka Đô thành 2 đơn vị hành chính là xã Ka Đô và Quảng Lập; tách xã Ka Đơn thành 2 xã Ka Đơn và Proh.

Năm 2000, tách thị trấn Thạnh Mỹ thành 2 đơn vị hành chính là thị trấn Thạnh Mỹ và xã Đa Ròn.

Tháng 4/1977 huyện lỵ Đơn Dương chuyển từ Càn Rang (Lạc Nghiệp) về Thạnh Mỹ, tạo thuận lợi cho sự chỉ đạo và phát triển.

Qua nhiều thay đổi, huyện Đơn Dương hiện nay có hai thị trấn D'Rand, Thạnh Mỹ và 8 đơn vị hành chính cấp xã là Lạc Xuân, Lạc Lâm, Ka Đô, Quảng Lập, Proh, Ka Đơn, Tu Tra, Đa Ròn.

Dân tộc, dân cư

Từ cuối thế kỷ XIX, Đơn Dương có nhiều dân tộc ít người cư trú nhưng đông nhất là K'Ho, Churu, Cil, Stiêng... Phong tục tập quán lạc hậu, sống du canh du cư, kinh tế tự cung, tự cấp; tín ngưỡng, tôn giáo còn nặng về thờ cúng thần linh, quan hệ gia đình theo chế độ mẫu hệ. Mỗi quan hệ trong buôn, làng do tộc trưởng, già làng điều khiển chặt chẽ nhưng phần nào cũng giữ được nét riêng bản sắc từng dân tộc.

Quá trình hình thành và phát triển, dân số ở Đơn Dương tăng thêm nhưng biến động qua mỗi thời kỳ. Đầu thế kỷ XX, cư dân còn thưa thớt và chỉ có đồng bào các dân tộc ít người sống rải rác tại các vùng sâu, dân số tăng ít. Từ năm 1917, thực dân Pháp đến mở đồn điền, nhà máy, mộ phu ở nhiều miền đất nước, đông nhất là người các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên. Khi đường sá, đồn điền đã được xây dựng xong, người kinh ở lại khai khẩn đất đai, lập làng sinh sống. Một số địa danh đã hình thành: Làng Cầu Đất, Lạc Xuân thành lập năm 1929; làng Thạnh Hòa, Lạc Nghĩa (Thạnh Nghĩa ngày nay), Lạc Lâm Làng thành lập năm 1935, Đồng Thạnh thành lập năm 1940. Đến năm 1945, dân số quận Dran có khoảng 20.000 người, tập trung đông nhất ở thị trấn Dran. Năm 1946, khi Pháp tái chiếm Dran phần đông dân cư ở đây tản cư xuống Phan Rang, Phan Thiết. Cùng với việc biến động xã hội qua từng thời kỳ, dân số tăng dần. Năm 1954, một lượng đông đồng bào theo đạo thiên chúa từ miền Bắc di cư vào Nam được chính quyền Ngô Đình Diệm đưa lên Đơn Dương. Sau năm 1975, một bộ phận dân cư ở miền Bắc và Đà Lạt vào xây dựng vùng kinh tế mới xã Loan; một số xã trong huyện đưa dân vào vùng nam sông, ở xen kẽ giữa người kinh với người dân tộc. Trước năm 1975 dân số ở Đơn Dương đã lên tới 47.717 người, cuối năm 1993 toàn huyện có 70.700 người và theo điều tra dân số năm 2018 tổng dân số toàn huyện là 103.346 người.

Về văn hóa xã hội, chính sách “khai hóa” của thực dân Pháp đã kìm hãm nhân dân trong vòng ngu dốt. Trước năm 1945, tại Dran 95% người dân bị mù chữ, toàn quận có 2 trường sơ học yếu lược chỉ mở đến lớp 3, chương

trình học chủ yếu dạy bằng tiếng Pháp, học sinh là con em những gia đình giàu có. Sau năm 1946, chính quyền thực dân mới mở thêm lớp bốn, lớp năm ở trường tiểu học. Về y tế, cuộc sống của người dân ở Đôn Dương dưới thời Pháp thuộc rất khổ cực vì lao động nặng nhọc nhưng khi bị ốm đau, bệnh tật chỉ có một cơ sở chữa bệnh với vài y tá, thuốc men thiếu, người dân không có điều kiện đến bệnh viện. Đã hạn chế việc học hành chữa bệnh lại bị thực dân, đế quốc dùng thần quyền giáo lý lừa bịp, mở rộng hệ thống nhà thờ ở khắp nơi nên đời sống văn hóa của nhân dân Đôn Dương rất thấp kém.

Về tôn giáo, từ lâu đời, đồng bào các dân tộc ít người ở Đôn Dương chịu ảnh hưởng văn hóa Chăm. Từ khi đến Đôn Dương, nhiều linh mục người Pháp mở nhà thờ, truyền đạo thiên chúa giáo nhưng số người theo còn ít. Năm 1954, Mỹ- Diệm đưa đồng bào miền Bắc di cư vào và thực hiện nhiều đặc quyền nên thiên chúa giáo phát triển, nhà thờ được xây dựng ở Lạc Lâm, Châu Sơn, Lạc Nghiệp, Phát Chi. Khi đế quốc Mỹ xâm lược miền Nam, các chức sắc tôn giáo đã truyền bá, lôi kéo đồng bào dân tộc theo đạo tin lành. Người miền Trung vào Đôn Dương sinh sống theo đạo Phật và đạo Cao Đài. Là cộng đồng đa sắc tộc, đa tôn giáo nhưng đời sống văn hóa của nhân dân Đôn Dương rất phong phú, đan xen và vẫn giữ được văn hóa từng vùng miền, từng dân tộc.

Về giai cấp, với chính sách xâm lược và khai thác tài nguyên xứ thuộc địa của thực dân Pháp, ở Đôn Dương đã hình thành giai cấp.

Giai cấp tư sản thực dân hình thành cùng với việc chính quyền thực dân Pháp mở mang đồn điền, nhà máy ở Đôn Dương. Mặc dầu có số lượng ít nhưng được chính quyền thực dân bảo trợ, che chở giai cấp tư sản thực dân ở các đồn điền, nhà máy đã dùng các thủ đoạn bóc lột công nhân và nhân dân lao động. Vì vậy, mâu thuẫn giữa công nhân, nhân dân lao động với giai cấp tư sản thực dân ngày càng gay gắt.

Quá trình phát triển, ở Đôn Dương đã hình thành giai cấp tư sản. Họ là những chủ đồn điền, nhà máy nhỏ, số lượng công nhân ở những nơi này ít. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản dân tộc và công nhân chưa trở nên gay gắt.

Giai cấp tiểu tư sản ở Đôn Dương gồm có công chức, trí thức, tiểu thương, thợ thủ công. Họ vốn xuất thân từ những người lao động, họ cũng bị áp bức, bóc lột, chèn ép nên có tinh thần yêu nước. Trong quá trình vận động cách mạng ở Đôn Dương, ta đã giác ngộ họ và nhiều công chức, trí thức đã tích cực tham gia vào phong trào khởi nghĩa giành chính quyền tại địa phương năm 1945.

Giai cấp công nhân hình thành từ khi thực dân Pháp mở mang khai thác tài nguyên ở quận Dran (Đôn Dương). Họ phân đông làm trong các đồn điền (chè Cầu Đất), nhà máy, nhà ga xe lửa, trong ngành xây dựng. Họ bị chính quyền thực dân và tư sản Pháp bóc lột nặng nề về kinh tế và đàn áp về chính

trị nên đoàn kết chặt chẽ trong quá trình đấu tranh đòi dân sinh dân chủ. Tuy công nhân ở Đon Dương hạn chế về số lượng nhưng có mối liên hệ chặt chẽ với công nhân trong nước và mang đầy đủ bản chất của giai cấp công nhân.

Giai cấp nông dân Đon Dương hầu hết là những người từ các địa phương khác đến làm ăn sinh sống từ đầu thế kỷ XX. Họ bị chính quyền thực dân, phong kiến bóc lột nặng nề, sưu cao thuế nặng, đời sống khó khăn. Giai cấp nông dân ở Đon Dương có tinh thần yêu nước, truyền thống cách mạng, đã góp phần to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc ở địa phương.

Phong trào cách mạng của Đon Dương có mối liên hệ chặt chẽ, mật thiết với sự chỉ đạo của Đảng từ Đà Lạt trong hai cuộc kháng chiến. Đon Dương là bàn đạp, là vùng đứng chân, đường dây liên lạc với phong trào Đà Lạt, và ngược lại, sự chỉ đạo thống nhất của Đảng và phong trào cách mạng của Đà Lạt ảnh hưởng trực tiếp phong trào Đon Dương trong suốt quá trình vận động cách mạng.

PHẦN THỨ NHẤT

NHÂN DÂN ĐƠN DƯƠNG ĐẤU TRANH CHỐNG ÁP BỨC, NỔI DẬY GIÀNH CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1930-1954)

CHƯƠNG I

ĐẤU TRANH CHỐNG ÁP BỨC VÀ NỔI DẬY GIÀNH CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG (1930-1945)

I. Những cuộc đấu tranh chống áp bức từ năm 1930 đến năm 1945:

Đầu thế kỷ 20, thực dân Pháp đẩy mạnh tốc độ khai thác kinh tế ở Việt Nam. Nhà máy, đồn điền, đường giao thông được mở mang, nhân dân ta bị bóc lột nặng nề hơn, phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân có những bước phát triển, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa thực dân và nhân dân lao động càng thêm sâu sắc.

Tại quận Dran thuộc tỉnh Đồng Nai Thượng, chính quyền thực dân khởi công xây dựng nhà máy, đồn điền, đường giao thông và chỉ một thời gian sau các công trình trên đã hoàn thành và đưa vào khai thác. Do nhu cầu lao động ở các cơ sở kinh tế, giới chủ tư sản thực dân tuyển mộ người kinh, người dân tộc, áp dụng các biện pháp bóc lột tham lam và tàn bạo. Công nhân trong các nhà máy, công nhân làm đường xe hơi, xe lửa phải lao động nặng nhọc từ 10-12 giờ/ngày nhưng tiền lương thấp, thường xuyên bị giới chủ đánh đập, hạ lương, cúp lương hoặc sa thải. Phải chịu khí hậu vùng rừng thiêng nước độc, nhiều người bị bệnh tật, bị chết, cuộc sống vô cùng đen tối. Đi đôi với việc bóc lột về kinh tế và chính sách xâu thuế nặng nề, chính quyền thực dân thiết lập một hệ thống gồm mật thám, cò cảm khép chặt để đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân ta. Người Pháp đứng đầu bộ máy cai trị và làm chủ các cơ sở kinh tế ở quận Dran. Chúng thực hiện thủ đoạn chia để trị, tranh thủ lôi kéo, mua chuộc các tầng lớp trên trong vùng đồng bào dân tộc ít người làm tay sai, làm chỗ dựa cho chính quyền thực dân; chúng khuyến khích các tệ nạn cờ bạc, rượu chè, mở nhà thờ, truyền đạo giáo hòng mê muội và thủ tiêu tinh thần đấu tranh của nhân dân. Cuộc sống của người dân mất nước dưới sự áp bức của thực dân Pháp đã nhen lên ngọn lửa căm thù trong lòng nhân dân các dân tộc ở quận Dran, chờ thời cơ là bùng lên mạnh mẽ.

Vào thời điểm trước năm 1930, cách mạng nước ta đã có những biến đổi sâu sắc, các tổ chức cộng sản lần lượt ra đời để lãnh đạo phong trào công nhân và phong trào yêu nước đang lên mạnh. Để thống nhất sự lãnh đạo của

một chính đảng, ngày 3 tháng 2 Đảng cộng sản Việt Nam ra đời trên cơ sở hợp nhất 3 tổ chức cộng sản trong nước. Đây là một sự kiện quan trọng nhằm xác lập vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, đưa phong trào của công nhân, nông dân và những người lao động bị áp bức tiến lên trên con đường giải phóng dân tộc.

Chịu ảnh hưởng của phong trào đấu tranh từ các địa phương khác, làn sóng cách mạng nhanh chóng lan rộng tại Đà Lạt (Lâm Viên), thức tỉnh tinh thần yêu nước của công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động. Nhiều cuộc đấu tranh của công nhân nổ ra ở các nhà máy, đồn điền, công trường xây dựng. Để kịp thời lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương, tháng 4/1930, chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên của Đà Lạt thành lập, có 3 Đảng viên, đồng chí Trần Diễm được cử làm bí thư.

Vừa mới thành lập, chi bộ Đảng cộng sản Việt Nam tại Đà Lạt đã tích cực xây dựng các tổ chức công hội đỏ trong công nhân nhà máy đèn, hãng thầu xây dựng, khách sạn Palát, thành lập hội tương tế, hội ái hữu, hội đồng hương ở Xuân Thọ (Trạm Bò). Quận D'ran tuy thuộc tỉnh Đồng Nai Thượng và chưa có chi bộ Đảng cộng sản lãnh đạo nhưng chịu ảnh hưởng trực tiếp của phong trào cách mạng Đà Lạt, nhất là khu vực Cầu Đất, nơi tập trung các nhà máy, công trường xây dựng của giới chủ tư sản Pháp, có số lượng công nhân đông hàng ngàn người. Chính nơi đây, phong trào đấu tranh mạnh mẽ của công nhân đòi quyền lợi đã tiêu biểu cho phong trào cách mạng của nhân dân huyện nhà lúc bấy giờ.

Nhân ngày quốc tế lao động (1/5) chi bộ Đảng cộng sản Đà Lạt tổ chức các hoạt động kỷ niệm, qua đó cổ vũ tinh thần đấu tranh của giai cấp công nhân và tuyên cáo với nhân dân Đà Lạt-Lâm Viên về việc thành lập chi bộ Đảng cộng sản. Hưởng ứng chủ trương của Đảng, tối 30/4/1930, cờ đỏ búa liềm được treo ở chợ, ga Cầu Đất, truyền đơn xuất hiện tại Cầu đất, thị trấn Càn Rạng mang nội dung đánh đổ đế quốc, phong kiến, đòi hủy bỏ thuế chợ, thuế thân, thực hiện ngày làm việc 8 giờ...những nội dung đó đáp ứng nguyện vọng của nhân dân, gây được lòng tin của quần chúng đối với Đảng.

Trong tình hình bị thực dân Pháp khủng bố gắt gao, chi bộ Đảng cộng sản Đà Lạt vẫn tổ chức hoạt động tuyên truyền cách mạng. Nhân kỷ niệm cách mạng tháng mười Nga, chi bộ chỉ đạo rải truyền đơn ở Đà Lạt, Cầu đất kêu gọi nhân dân đấu tranh chống thực dân, phong kiến, giành độc lập, tự do. Tuy chỉ tồn tại hơn một năm nhưng chi bộ Đảng cộng sản Đà Lạt đã phát động quần chúng, gây được lòng tin không chỉ đối với nhân dân Đà Lạt mà còn lan rộng ảnh hưởng đến phong trào cách mạng ở Dran. Do đó, từ đầu năm 1930, phong trào đấu tranh của công nhân trong quận, đặc biệt là khu vực Cầu Đất có bước phát triển.

Tại đường hầm xe lửa Cầu Đất, một công trình lớn trên tuyến đường Đà Lạt-Tháp Chàm, tên chủ hãng Aviát bắt công nhân lao động nặng nhọc nhưng không có phương tiện bảo hộ, gây nên nạn sập hầm; bọn cai thầu,, đốc công đánh đập công nhân tàn nhẫn và tìm cách quỵt lương, trả lương thấp, bán hàng giá cao... Khí hậu khắc nghiệt của rừng núi cộng với điều kiện sống vô cùng gian khổ đã làm hàng trăm công nhân bị chết vì bệnh tật và tai nạn lao động. Căm tức trước sự đối xử của bọn chủ, sáng ngày 4-5-1930, khi hầm đường bị sập làm nhiều người chết và bị thương, bọn chủ bắt công nhân bới đất tìm xác chết và chống đỡ chỗ bị sập. Không chịu sự đối xử tàn nhẫn của bọn chủ, toàn công trường bãi công đòi trả những tháng lương còn thiếu, tịch thu tài sản của cai thầu chia cho những người gặp khó khăn và chặn xe của chủ hãng A-vi-a (Aviat) buộc trả lương thay cho cai thầu. Với tinh thần đoàn kết, đấu tranh quyết liệt của công nhân, chủ hãng phải nhượng bộ, nhận trả một nửa số lương mà tên cai thầu còn thiếu. Cuộc đấu tranh đã giành được thắng lợi.

Năm 1933, công nhân trà Cầu Đất đình công đòi quyền lợi nhưng chưa tập hợp được quần chúng rộng rãi.

Thời kỳ thành lập Mặt trận dân chủ Đông Dương, Đảng ta đã lợi dụng triệt để khả năng hợp pháp để tập hợp lực lượng chống chiến tranh, chống phản động thuộc địa, đòi quyền tự do dân chủ. Phong trào có tác động mạnh đến công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động. Trong lúc đó, mặc dù đã vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế, giới chủ tư sản vẫn trả lương thấp, điều kiện lao động không có gì khác trước. Vì vậy công nhân đã tổ chức những cuộc đấu tranh mạnh mẽ với ý thức giác ngộ cao hơn. Tại đồn điền chè Cầu Đất, bọn chủ thường cúp phạt và trả lương không đúng kỳ, nhiều người phải vay tiền của cai ký. Ngày 14 tháng 12 năm 1936, hơn 500 công nhân đồn điền chè Cầu Đất đình công đòi chủ trả lương đủ và đúng kỳ. Chiều hôm đó cuộc đình công thắng lợi, bọn chủ buộc phải chấp nhận yêu sách của công nhân. Phấn khởi trước kết quả đấu tranh, ngày 2 tháng 1 năm 1937, trên 1000 công nhân đồn điền chè Cầu Đất lại đình công đòi tăng lương, chính quyền thực dân huy động lực lượng lớn đàn áp. Chánh mật thám Trung kỳ, viên công sứ Đà Lạt cùng lực lượng cảnh sát Cầu Đất đã đến tại chỗ uy hiếp. Chúng không chấp nhận yêu sách và tìm cách chia rẽ, bắt ép công nhân. Sau 2 ngày căng thẳng, một số công nhân đi làm lại, đa số vẫn tiếp tục đấu tranh, cuộc đình công kéo dài trong 5 ngày. Ngày 3 tháng 9 năm 1938, hưởng ứng cuộc đình công của công nhân hãng thầu Xidéc (S.I.D.E.C), hơn 1900 công nhân đồn điền chè, xe lửa, xưởng cưa ở Cầu Đất đình công đòi tăng lương, giảm giờ làm. Đây là lần thứ 3 trong 3 năm liên tục công nhân Cầu Đất đứng lên đấu tranh. Cuộc đình công có quy mô lớn nhất lúc bấy giờ, đã phản ánh được nguyện vọng thiết tha của công nhân đòi quyền tự do, bình đẳng,

chống áp bức, chứng tỏ sự lớn mạnh của công nhân Cầu Đất. Đầu năm 1940, công nhân sở chè Cầu Đất đấu tranh thắng lợi đòi chủ tăng lương, cấp vải trong dịp tết. Năm 1942, công nhân sân bay Liên Khàng (nay là Liên Khương) nổi dậy đốt phá kho sân bay; cuối năm 1943, trên 100 công nhân xưởng chè Đê-phít (Defir) đốt kho của chủ; đầu năm 1945, công nhân đồn điền khai thác mỏ ngo Gù gà (Gougah) đốt cháy kho mỏ ngo, gây thiệt hại cho chủ.

Thời kỳ từ 1930 đến trước cách mạng tháng tám năm 1945, các cuộc đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động ở quận Dran liên tục nổ ra nhưng kết quả chưa cao. Tuy nhiên qua đấu tranh, giai cấp công nhân và nông dân, các tầng lớp nhân dân lao động đã thể hiện được tinh thần bất khuất, lòng yêu nước nồng nàn, đoàn kết gắn bó giữa các dân tộc chống kẻ thù chung, truyền thống đó là cơ sở cho cuộc vận động cách mạng giành chính quyền về tay nhân dân.

II. Chuẩn bị lực lượng và khởi nghĩa giành chính quyền cách mạng ở quận D'ran.

Trước năm 1945, một số Đảng viên làm việc trong ngành đường sắt tự liên hệ với nhau thành lập chi bộ Cầu Đất, lấy khu vực nhà ga Trạm Hành làm nơi sinh hoạt. Chi bộ Cầu Đất có 3 Đảng viên do đồng chí Trịnh Lý làm bí thư và 2 Đảng viên là Trần Diêu, Lê Trực. Trong năm 1944, chi bộ Cầu Đất đã tập hợp, giác ngộ được một số công chức, thanh niên tiến bộ làm nòng cốt xây dựng phong trào các đoàn thể. Thông qua các hình thức hoạt động từ thiện, thể dục, thể thao, các nhóm bình thơ, cứu bần... để tập hợp lực lượng, từng bước giáo dục quần chúng theo con đường cách mạng. Trong phong trào công nhân Cầu Đất thời kỳ này có một Đảng viên cộng sản Pháp là Ang-ti-pun (Antipoul). Chi bộ Cầu đất kết nạp thêm đồng chí Nguyễn Ngự vào Đảng. Đồng chí Cù Xuân Sắc, Đảng viên chi bộ ga xe lửa Đà Lạt được cử về sinh hoạt ở chi bộ Cầu Đất.

Đầu năm 1945, tình hình thế giới có bước chuyển biến quan trọng. Đêm 9 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chính lật đổ chính quyền Pháp ở Đông Dương. Tại Lâm Viên và Đồng Nai Thượng, Nhật bắt toàn bộ quan chức và kiều dân Pháp giam tại cư xá Đờ-cu (Decox), Ben-lơ-vuy (Bellevue) ở Đà Lạt và khách sạn Min-lơ-voa (Mill-voie) ở Di Linh.

Sau đảo chính Pháp, Nhật tập trung quân về Đà Lạt với ý đồ cố thủ đến cùng chống lại quân Đồng Minh. Ngoài số lính tại chỗ, chúng ráo riết bắt thêm lính là người địa phương, chuẩn bị địa đạo, hầm hào, xây dựng kho dự trữ lương thực, thực phẩm, tăng cường lực lượng chốt giữ sân bay, quận lỵ Dran và những vị trí quan trọng khác. Về chính trị, Nhật tuyên truyền thuyết “Đại Đông Á”, thuyết “Đồng chủng da vàng”, tập hợp thanh niên vào phong trào Đu co roay, hướng đạo sinh; thành lập tổ chức thanh niên Tiền Tuyến

của chính phủ Trần Trọng Kim thân Nhật (còn gọi là tổ chức thanh niên Phan Anh). Nhật đặt chức tổng đốc bốn tỉnh Lâm-Đồng-Ninh-Bình (Lâm Viên, Đồng Nai Thượng, Ninh Thuận, Bình Thuận). Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim đưa Trần Văn Lý làm tổng đốc, đưa Cao Minh Hiệu làm tỉnh trưởng Đồng Nai Thượng. Chúng sử dụng một số công chức người Việt làm việc cho Pháp giữ chức chánh mật thám, đồn trưởng đồn bảo an.

Về kinh tế, Nhật nắm ngân hàng, công sở bưu điện, đường sắt, giao thông đường bộ, cho các công ty của Nhật vào khai thác gỗ, nhựa thông, vơ vét tài nguyên, bóc lột nhân dân ta bằng sưu thuế.

Tháng 4 năm 1945, chính trị phạm tại nhà lao Buôn Mê Thuật đấu tranh thắng lợi, Nhật buộc phải thả hết tù chính trị. Được tổ chức Đảng phân công, các đồng chí Nguyễn Thê Tính, Ngô Huy Diễn về Đà Lạt xây dựng các tổ chức quần chúng, chuẩn bị lực lượng khởi nghĩa. Về đến Đà Lạt, các đồng chí đã khẩn trương tuyên truyền, vận động, xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng, phân phát điều lệ Việt Minh.

Tháng 5/1945, Ủy ban mặt trận Việt Minh Đà Lạt được thành lập do đồng chí Nguyễn Thê Tính làm thư ký và tỉnh bộ Việt Minh lâm thời tỉnh Lâm Viên thành lập do đồng chí Ngô Huy Diễn làm thư ký. Ủy ban Mặt trận Việt Minh Đà Lạt và Tỉnh bộ Việt Minh lâm thời tỉnh Lâm Viên đã đề ra chương trình công tác, tổ chức các đoàn thể quần chúng như công nhân cứu quốc, phụ nữ cứu quốc. Để tranh thủ nắm lực lượng thanh niên, tổ chức Việt Minh đã bố trí một số Đảng viên, thanh niên tiên bộ hoạt động, nắm giữ những cương vị chủ chốt trong đoàn thanh niên Tiền Tuyến.

Tại Dran, sau khi Nhật đầu hàng quân Đồng Minh, tổ chức thanh niên tiền tuyến ở quận đã tập hợp đông đảo lực lượng thanh niên tham gia các hoạt động xã hội. Đoàn thanh niên tiền tuyến ở quận Dran do ông Lê Văn Uẩn, một trí thức yêu nước có xu hướng tiến bộ phụ trách. Tháng 6/1945, đồng chí Lê Quang Liệu được phân công của tỉnh bộ Việt Minh về Dran hoạt động với danh nghĩa huấn luyện viên thể dục, thể thao. Thông qua hoạt động của đoàn thanh niên thị trấn, ta từng bước tuyên truyền đường lối của Đảng, ảnh hưởng của Mặt trận Việt Minh, tập hợp lực lượng thanh niên, biến tổ chức đoàn thanh niên trở thành đoàn thể cách mạng. Thời gian này, ta vận động được đồn trưởng Nguyễn Nhật Thăng và một số binh lính đồn bảo an huấn luyện quân sự cho lực lượng thanh niên.

Cuối tháng 6/1945, do có người phản bội khai báo, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của 2 tổ chức Việt Minh ở Đà Lạt và Lâm Viên cùng một số đồng chí cán bộ, đảng viên ở Đà Lạt bị địch bắt. Tuy vậy chương trình, kế hoạch hành động và phong trào Việt Minh đã phát triển rộng rãi, ảnh hưởng mạnh mẽ ở Đà Lạt và khu vực xung quanh, nhất là Cầu Đất, quận lỵ Dran. Cùng thời gian này, đồng chí Nguyễn Ngự được giao nhiệm vụ liên lạc với một số

thanh niên như Nguyễn Hữu Bác, Phan Bôi, Lê Văn Dụ, Tôn Thất Chúc... do đồng chí Trịnh Lý giác ngộ đưa vào hoạt động cách mạng ở Cầu Đất, Dran để tổ chức các đoàn thể, vận động binh lính, chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa.

Ngày 8 tháng 8 năm 1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật và chỉ trong mấy ngày, Hồng quân đã tiêu diệt hoàn toàn đội quân Quan Đông của Nhật ở Mãn Châu (Trung Quốc). Ngày 13 tháng 8 năm 1945, hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào nhận định: Điều kiện cho cuộc tổng khởi nghĩa đã chín muồi và chủ trương lãnh đạo tổng khởi nghĩa. Đêm 13 tháng 8 năm 1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ban hành lệnh tổng khởi nghĩa trong cả nước. Ngày 15 tháng 8 năm 1945, phát xít Nhật đầu hàng vô điều kiện quân Đồng minh. Tại Lâm Viên và Đồng Nai Thượng, quân Nhật tuy còn đông nhưng tinh thần chán nản, hoang mang cực độ, bỏ dở các công trình quân sự đang xây dựng, co cụm vào một số vị trí chờ ngày về nước.

Đêm 21 tháng 8 năm 1945, hội nghị bàn khởi nghĩa được tổ chức tại Đà Lạt với sự tham gia của một số đồng chí lãnh đạo, đảng viên và cơ sở nòng cốt, công chức có cảm tình với cách mạng. Hội nghị thống nhất phương hướng, chủ trương, phương pháp, kế hoạch vận động quần chúng khởi nghĩa, thành lập Ủy ban khởi nghĩa và quyết định khởi nghĩa giành chính quyền vào ngày 23 tháng 8 năm 1945.

Tại Cầu Đất và quận lỵ Dran, quân Pháp rút đi, bộ máy ngụy quyền tại quận tê liệt, không còn khả năng điều hành. Các tổ chức thanh niên, phụ nữ, nòng cốt cách mạng của ta sẵn sàng khí thế, chờ lệnh là khởi nghĩa giành chính quyền. Được tin các nơi giành chính quyền thắng lợi, Ban vận động khởi nghĩa tại quận Dran được thành lập, có 5 người do đồng chí Lê Quang Liệu làm Trưởng ban, Lê Văn Uẩn Phó ban và ba ủy viên. Ban vận động đã tiến hành hội nghị, phân công cụ thể cho từng người và quyết định thời gian khởi nghĩa vào lúc 17 giờ 30 phút ngày 22.8.1945.

Tại Cầu Đất-Trạm Hành, tuy không liên lạc được với trên nhưng do nhạy bén tình hình, tối 21/8/1945 đồng chí Trịnh Lý triệu tập cuộc họp chi bộ tại khu vực ga Trạm Hành để bàn kế hoạch khởi nghĩa. Sau khi đánh giá tình hình, hội nghị quán triệt phương châm hành động: Có thời cơ là tổ chức quần chúng kịp thời khởi nghĩa, giành chính quyền nhanh gọn, tránh đổ máu, làm xong nơi này tiếp tục làm sang nơi khác. Kế hoạch giành chính quyền dự kiến vào ngày 22 tháng 8 năm 1945, phân công nhiệm vụ như sau: Đồng chí Trịnh Lý, Lê Trực, Nguyễn Ngự phụ trách chung. Đồng chí Trần Luân và đồng chí Trịnh Lý trực tiếp vận động khởi nghĩa ở Cầu Đất; đồng chí Lê Trực, Trần Diêu, Nguyễn Ngự ở Trạm Hành. Khi xong các khu vực trên, đồng chí Trịnh Lý, Nguyễn Ngự, Lê Văn Dụ phối hợp với các đồng chí

Lê Quang Liệu, Lê Văn Uẩn, Nguyễn Hữu Bác, Phan Bôi tiến hành vận động khởi nghĩa ở D'Ran vào buổi chiều.

Thực hiện theo đúng kế hoạch, sáng 22/8/1945, đồng chí Trịnh Lý, Trần Luân vận động nhân dân, công nhân đồn điền chè Cầu Đất, công nhân hỏa xa khởi nghĩa giành chính quyền. Đích thân đồng chí Trịnh Lý vào đồn bảo an thuyết phục đội Nghĩa giao đồn, nộp 6 khẩu súng cho cách mạng. Khoảng 10 giờ sáng, nhân dân tập trung ở sân vận động, đồng chí Trịnh Lý tuyên bố xóa bỏ chính quyền cũ, thành lập chính quyền cách mạng do đồng chí Trần Luân làm chủ tịch, Nguyễn Đình Uyển (tức Túc) làm thư ký. Quần chúng vô cùng phấn khởi, chính quyền từ nay đã thực sự về tay nhân dân.

Tại Trạm Hành, các đồng chí Nguyễn Ngự, Lê Trực, Trần Diêu và một số cán bộ cốt cán vận động nhân dân, công nhân xe lửa chiếm nhà ga, buộc lý trưởng nộp con dấu. Trưa ngày 22/8/1945, nhân dân tập trung dự mít tinh, các đồng chí lãnh đạo khởi nghĩa tuyên bố xóa bỏ chính quyền địch, thành lập chính quyền nhân dân do đồng chí Nguyễn Đình Lịch làm chủ tịch, Hồ Văn Liên làm thư ký, thành lập lực lượng tự vệ gồm 13 người do Trịnh Cửu chỉ huy. Sau khi giành chính quyền thắng lợi ở Cầu Đất và Trạm Hành chiều 22/8/1945 đồng chí Trịnh Lý, Nguyễn Ngự cùng một số cốt cán và đội tự vệ xuống giành chính quyền ở Dran. Đoàn trung dụng một xe hơi, bốn súng trường, có khoảng 25 người, đi theo đường 11 và đường tắt xuống quận lỵ.

Tại Dran, để chủ động thời cơ, một số công chức, thanh niên khẩn trương vận động khởi nghĩa theo đúng kế hoạch. Khoảng 15 giờ ngày 22 tháng 8, lực lượng thanh niên tập trung huấn luyện quân sự và thể dục thể thao, sẵn sàng chờ lệnh là hành động. Đúng 17 giờ 30 phút, đồng chí Lê Quang Liệu chỉ huy lực lượng thanh niên chiếm đồn. Việc lấy đồn bảo an thuận lợi do ta đã vận động từ trước, đồn trưởng Nguyễn Nhật Thăng (Đội Thăng) thỏa thuận sẽ giao đồn cho lực lượng cách mạng khi thời cơ đến. Cùng lúc, đồng chí Lê Văn Uẩn dẫn một số anh em vây bắt bang tá Hoàng Hữu Thế, thu con dấu, giấy tờ, tài liệu của chính quyền địch, tiếp quản các công sở trong quận. Khi đoàn của các đồng chí ở Cầu Đất xuống đến nơi, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền tại quận Dran đã hoàn thành.

Tối 22/8, đồng chí Trịnh Lý và ban vận động khởi nghĩa cùng một số cơ sở cốt cán ở Dran hội ý bàn kế hoạch xuống Di Linh, chuẩn bị lễ ra mắt Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời, Ủy ban Mặt trận Việt Minh quận.

Đêm 22 tháng 8, đoàn đồng chí Trịnh Lý được bổ sung lực lượng D'Ran, có Đội Thăng và hai tiểu đội trang bị vũ khí, trung dụng 2 xe cơ giới của hãng Aviát, cắm cờ đỏ sao vàng tiến xuống giành chính quyền ở tỉnh lỵ Đồng Nai Thượng. Trên đường đi, đoàn đã thuyết phục và tước vũ khí của quân Nhật tại các trạm gác Finôm, Đại Ninh, Lang Hanh.

Đoàn đến Di Linh khoảng 22 giờ đêm ngày 22/8/1945. Với sự giúp đỡ của một số thanh niên, công chức tiến bộ ở đây, đồng chí Trịnh Lý phân công đội Thăng cùng một bộ phận vũ trang vào đồn bảo an thuyết phục, thúc ép đồn trưởng Quản Chấp giao đồn, nộp vũ khí. Đồng chí Trịnh Lý chỉ huy bộ phận còn lại bao vây dinh tỉnh trưởng (nay là trụ sở UBND huyện Di Linh). Trước khí thế của cách mạng, tỉnh trưởng Cao Minh Hiệu buộc phải đầu hàng, giao chính quyền, nộp con dấu, vũ khí và các giấy tờ quan trọng. Sau khi Cao Minh Hiệu chấp nhận thực hiện các yêu cầu của cách mạng, đồng chí Trịnh Lý giao cho Cao Minh Hiệu quản lý sổ công chức cũ, không được giải quyết bất kỳ việc gì, chờ Cách mạng cử người về tiếp quản sẽ bàn giao lại. Đoàn tiếp tục xuống B' Lao (Bảo Lộc) nhưng việc khởi nghĩa ở đây đã hoàn thành. Ngay trong đêm, đoàn trở lại D'Ran.

Như vậy, việc giành chính quyền về tay nhân dân ở Đồng Nai Thượng tuy đã làm xong trong đêm 22 tháng 8 năm 1945 nhưng chưa thành lập được chính quyền cách mạng vì chưa bố trí được cán bộ. Ngày 28/8/1945, Ủy ban nhân dân lâm thời Lâm Viên cử đồng chí Hồ Nhã Tránh (Hồng Nhật) xuống giúp Đồng Nai Thượng thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời, đồng chí Nguyễn Đại Hòa được cử làm chủ tịch.

Sáng 23/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa quận D'Ran tổ chức mít tinh tại ngã ba (nay là nơi tưởng niệm các liệt sĩ tại quận D'Ran). Các tầng lớp nhân dân từ các nơi trong quận tập trung đầy đủ, mang theo cờ đỏ sao vàng, khẩu hiệu, với khí thế hân hoan phấn khởi. Đồng chí Trịnh Lý tuyên bố cuộc khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân ở quận D'Ran đã thắng lợi, giới thiệu Ủy ban nhân dân lâm thời gồm các ông:

Phạm Tất Cung	Chủ tịch
Đoàn Cung	Phó chủ tịch
Touneh Hàn Đăng	Ủy Viên dân tộc
Lê Văn Uẩn	Ủy viên trị an (công an)
Lê Quang Liệu	Ủy viên quân sự
Lê Văn Xương	Ủy viên tư pháp
Hoàng Hữu Hưu	Ủy viên kinh tế

Đồng thời giới thiệu Ủy ban Mặt trận Việt Minh gồm:

Nguyễn Ngự	Chủ nhiệm
Lê Văn Dụ	Thư Ký
Đoàn Cung	Ủy viên
Lê Quang Liệu	Ủy viên
Lê Văn Uẩn	Ủy viên

Ban chấp hành các đoàn thể được giới thiệu ra mắt nhân dân tại cuộc mít tinh.

Những ngày tiếp theo, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời và Ủy ban mặt trận Việt Minh khẩn trương thành lập chính quyền cách mạng, cử người vào Ban chấp hành Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể quần chúng, phân công cán bộ xuống các xã bắt lý trưởng nộp con dấu, sổ sách, giấy tờ của chính quyền cũ.

Như vậy, chỉ trong ngày 22 tháng 8 năm 1945, với sự chỉ đạo của chỉ bộ Đảng Cầu Đất và khí thế cách mạng của quần chúng, lực lượng tự vệ, nhân dân quận D'ran đã khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.

Cách mạng tháng 8/1945 ở Đơn Dương đã đem lại cho nhân dân Đơn Dương quyền lợi chính đáng: Bình đẳng dân tộc, bình đẳng nam nữ, xóa bỏ thuế thân, xóa mù chữ, thực hiện quyền ứng cử, bầu cử. Lần đầu tiên trong lịch sử, chính quyền dân chủ nhân dân được thành lập, người dân làm chủ vận mệnh của mình, chấm dứt những ngày tủ nhục dưới ách áp bức của thực dân, phong kiến.

Cách mạng tháng 8/1945 ở Đơn Dương diễn ra trong lúc tổ chức Đảng có ít Đảng viên nhưng vẫn giữ vai trò lãnh đạo, tập hợp được lực lượng nòng cốt trong thanh niên, công nhân, trí thức, phát huy được sức mạnh tổng hợp các tầng lớp nhân dân, đưa cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi nhanh chóng, đã thể hiện được sức mạnh to lớn của nhân dân trong khí thế cách mạng hào hùng của dân tộc.

Thắng lợi của cách mạng tháng 8-1945 ở Đơn Dương lật đổ chính quyền của địch, thành lập chính quyền nhân dân đã cổ vũ tinh thần phấn khởi của đồng bào các dân tộc huyện nhà, tin tưởng vào sức mạnh đoàn kết toàn dân của mình, vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

CHƯƠNG II

XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN NHÂN DÂN, CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG VÀ TIẾN HÀNH CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

(Tháng 9/1945- 7/1954)

I. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, chiến đấu chống Pháp tái chiếm (9/1945-1/1946)

Cách mạng tháng 8 thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, Nhà nước cách mạng đề ra nhiệm vụ cấp bách trước mắt là diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm.

Hưởng ứng lời kêu gọi của chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, tại Lâm Viên và Đồng Nai Thượng, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời và Mặt trận Việt Minh tỉnh lãnh đạo thực hiện những nhiệm vụ trước mắt nhằm nhanh chóng khắc phục khó khăn, củng cố chính quyền nhân dân, bảo vệ những thành quả đạt được của cách mạng tháng Tám.

Chính quyền cách mạng tuyên bố giải tán bộ máy chính quyền cũ, thành lập chính quyền cách mạng từ tỉnh đến cơ sở, đưa đại biểu là người dân tộc, nhân sĩ, trí thức vào Mặt trận Việt Minh, củng cố các đoàn thể quần chúng các cấp; bãi bỏ thuế thân, xóa nợ cho đồng bào dân tộc còn nợ người kinh. Thực hiện sắc lệnh thanh toán nạn mù chữ, phát động phong trào bình dân học vụ. Tịch thu, sung công tài sản của thực dân, tư sản Pháp; công nhân ngày làm việc 8 giờ trong các nhà máy, công sở, thành lập tổ tự quản công nhân để tham gia quản lý đồn điền, xí nghiệp, tiếp tục sản xuất, làm việc. Kêu gọi nhân dân đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, góp phần xây dựng chế độ mới. Đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ trong các tầng lớp nhân dân. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Lâm Viên quyết định bắt giam và trừng trị những tên tay sai ác ôn như Trần Văn Lý, Ứng An, Cò Nồng, Kế Kinh...

Ngay sau ngày khởi nghĩa thắng lợi, tuy công việc mới mẻ, đội ngũ cán bộ thiếu, chưa có kinh nghiệm điều hành, nhưng được sự lãnh đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời và Mặt trận Việt Minh tỉnh Lâm Viên, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời và Mặt trận Việt Minh quận D'Rand đã kịp thời triển khai các chủ trương, chính sách nhằm ổn định đời sống nhân dân, xây dựng và củng cố chính quyền các cấp. Chỉ trong một thời gian ngắn, chính quyền cách mạng ở thị trấn Cà Rang, Cầu Đất, Lạc Xuân, Lạc Lâm Làng, Đồng Thạnh, M'Lộn được thành lập, hình thành chính quyền nhân dân từ huyện đến cơ sở. Đi đôi

với xây dựng hệ thống chính quyền, các đoàn thể quần chúng như thanh niên cứu quốc, công nhân, nông dân cứu quốc, phụ nữ cứu quốc⁽¹⁾... phát triển rộng rãi đến xã, thôn đi vào hoạt động, góp phần tích cực trong công tác vận động quần chúng tham gia xây dựng chính quyền mới. Không khí phấn khởi, tự hào bao trùm trong đồng bào các dân tộc, người kinh cũng như người thượng.

Không những chỉ quan tâm xây dựng bộ máy chính quyền, đoàn thể. Mặt trận Việt Minh quận cùng với tổ chức Đảng ở D’Ran còn tích cực trong công tác phát triển Đảng viên. Qua thử thách của phong trào cách mạng, có 7 quần chúng được kết nạp vào Đảng gồm các đồng chí Nguyễn Hữu Bác, Trần Đình Khảm, Lê Văn Dụ, Lê Quang Liệu, Lê Văn Uẩn, Phan Bôi, chị Lâm (Cháu).

Để từng bước khắc phục khó khăn về kinh tế, chính quyền cách mạng vận động nhân dân hăng hái tham gia sản xuất, hưởng ứng chương trình của Việt Minh xây dựng “quỹ độc lập”, “tuần lễ vàng”, giúp chính phủ tái thiết đất nước, củng cố quốc phòng an ninh, ổn định đời sống nhân dân. Trong phong trào đó, đồng bào các dân tộc quận D’Ran đã đóng góp tiền của, vật chất, nhiều người góp cả tư trang, lư đồng, đồ đồng. Tấm lòng yêu nước vì nền độc lập của nước nhà là tình cảm quý báu của nhân dân trong quận đối với cách mạng.

Hưởng ứng sắc lệnh “diệt giặc đói”, đồng bào các dân tộc trong quận hăng hái tham gia các lớp bình dân học vụ. Bằng cách dễ học, giản đơn, người biết chữ dạy người chưa biết chữ, tranh thủ học khi thời gian rảnh rỗi, tự giác học, phong trào xóa nạn mù chữ phát triển sôi nổi khắp buôn làng, thôn xóm, giúp cho nhiều người biết đọc, biết viết, góp phần nâng cao trình độ dân trí, giảm bớt hủ tục lạc hậu trong xã hội. Chính quyền tiếp tục mở cửa các trường học, thu nhận con em nhân dân lao động, cải tiến chương trình giảng dạy, bỏ những chương trình trái với đường lối cách mạng. Công tác y tế bước đầu được quan tâm, các lớp y tá, cứu thương đào tạo cấp tốc đã kịp thời đáp ứng nhu cầu phục vụ nhân dân; thuốc chữa bệnh thu của chính quyền cũ được phân phối cho các trạm xá mới mở. Phong trào thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú như tổ chức ca hát, huấn luyện đội ngũ... để động viên, cổ vũ nhân dân. Trong khí thế chung đầy phấn khởi, tin tưởng, chị em phụ nữ Cần Rang quyết góp mở một nhà ăn tập thể tại thị trấn phục vụ cán bộ đi công tác qua không thu tiền. Hình thức nhà ăn tập thể này tồn tại đến khi thực dân Pháp tái chiếm Dran thì giải tán.

(1) Phụ trách các đoàn thể có : Thanh niên: Phan Bôi, phụ nữ: Chị Lâm (tức Cháu hoặc Nhâm), công nhân: Nguyễn Hữu Bác, Trần Đình Khảm, công thương: Võ Quang Trình, Bùi Khuyên.

Trong bề bộn công việc để xây dựng chế độ mới, chính quyền và Mặt trận Việt Minh quận vẫn rất quan tâm tổ chức lực lượng vũ trang, coi đây là nhiệm vụ hàng đầu cấp bách. Trên 100 người mà nòng cốt là thanh niên và binh lính đã hăng hái tham gia đơn vị giải phóng quân (đến tháng 10 năm 1945 đổi tên là Vệ Quốc Đoàn). Huấn luyện cho lực lượng quân sự là Nguyễn Nhật Thăng. Cách mạng đã cử cán bộ đi dự các lớp quân chính của tỉnh và trung ương để chuẩn bị xây dựng lực lượng quân đội ở địa phương. Lực lượng dân quân tự vệ thu hút đông đảo thanh niên tham gia, phát triển đến xã, thôn, sử dụng vũ khí thô sơ và súng đạn thu được của địch. Ta còn tranh thủ lúc quân Nhật thất trận, hoang mang, thiếu nguồn cung cấp vật chất đã trao đổi lương thực, thực phẩm với lính Nhật đóng ở sân bay Liên Khàng lấy súng đạn trang bị cho lực lượng vũ trang. Nhờ vậy, bộ đội và dân quân của quận có một số vũ khí tương đối đủ để luyện tập và sẵn sàng chiến đấu.

Được sống trong độc lập, tự do chưa được bao lâu, thành quả cách mạng mới được hưởng trong một thời gian ngắn, thực dân Pháp đã rắp tâm cướp nước ta một lần nữa, nhân dân Đơn Dương chuẩn bị bước vào cuộc chiến đấu mới.

Thực hiện âm mưu thôn tính Việt Nam, dưới sự bảo trợ của quân Anh, ngày 23/9/1945 thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn. Ngày 24/9/1945, quân Nhật đòi chính quyền tỉnh Lâm Viên giải tán lực lượng vũ trang, giao nộp vũ khí. Trước yêu cầu vô lý của chúng, Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh đã gửi thư bác bỏ và chỉ đạo tiến hành các biện pháp đấu tranh khôn khéo; quan hệ hai bên trở nên căng thẳng, quân Nhật có hành động khiêu khích và vi phạm chủ quyền của ta.

Sáng ngày 23/10/1945, nhân dân Đà Lạt mít tinh ủng hộ kháng chiến, quân Nhật ngang ngược nổ súng vào đoàn biểu tình từ Trại Mát lên. Căm thù dâng cao, nhân dân Đà Lạt tổ chức chiến đấu chống Nhật nhiều nơi trong thị xã. Theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân lâm thời Lâm Viên, quận Dran cử 2 trung đội tự vệ ở Cầu Đất và La Ba lên sát cánh cùng quân dân Đà Lạt chiến đấu chống giặc, bảo vệ thành quả cách mạng. Đây là tinh thần hiệp đồng tác chiến của quân dân trong quận đối với Đà Lạt và được phát huy trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc sau này.

Sau khi nổ súng đánh chiếm Sài Gòn và Nam Bộ, thực dân Pháp dựa thế quân đông minh buộc Nhật phải giao lại những vùng do chúng chiếm đóng trước đây bị mất. Vì vậy, quân Nhật ở Lâm Viên và Đông Nai Thượng đưa số quân đã rút đi quay trở lại vị trí cũ, đào thêm hầm hào,

củng cố đồn bót, chốt giữ sân bay, sửa sang công sự, mở rộng phạm vi chiếm đóng dọc đường 21 Bis, tăng cường lực lượng đối phó với ta.

Những tháng cuối năm 1945, chiến sự ngày càng lan rộng, tình hình trở nên nghiêm trọng, âm mưu cướp nước ta một lần nữa của thực dân Pháp đã lộ rõ. Vì vậy, chính phủ Lâm Thời nước Việt Nam chỉ thị cho các tỉnh củng cố lực lượng, sẵn sàng chiến đấu.

Tại Đà Lạt, bọn Pháp được Nhật thả ra tập hợp lại, dùng lực lượng vũ trang hoạt động trong Đà Lạt và một số nơi vùng ven thị xã, bắt người ở Phú Hội, bắt người cướp của ở Gia Thạnh... Trước tình hình đó, giữa tháng 10.1945, Ủy ban kháng chiến tỉnh sơ tán lực lượng gồm các cơ quan hành chính, đoàn thể, người già, trẻ em xuống Cầu Đất, Càn Rang. Quận D'ran trở thành hậu cứ kháng chiến của tỉnh Lâm Viên. Cùng với việc sơ tán lực lượng, Ủy ban kháng chiến tỉnh động viên toàn dân và quân đội sẵn sàng đánh giặc, bảo vệ chính quyền cách mạng.

Tại D'ran, Ủy ban kháng chiến quận được thành lập, ông Phạm Tất Cung thôi làm chủ tịch để chuyển gia đình ra Bắc, ông Đoàn Cung thay làm chủ tịch. Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban kháng chiến quận, bộ đội địa phương phối hợp cùng lực lượng vũ trang của tỉnh lập phòng tuyến cản giặc trên địa bàn quận. Nhân dân đã cùng tự vệ, bộ đội địa phương ngã cây, đặt chướng ngại vật, xây dựng công sự dọc đường 21 Bis để ngăn chặn bước tiến của địch. Công tác hậu cần, lương thực thực phẩm được chính quyền, đoàn thể vận động quần chúng khẩn trương chuẩn bị, sẵn sàng phục vụ khi chiến sự xảy ra.

Dưới sự thúc ép của Pháp, ngày 9/11/1945, quân Nhật dùng 40 xe quân sự chở quân từ Sài Gòn lên chiếm Lâm Viên và Đồng Nai Thượng. Bị ta chặn đánh suốt dọc đường hành quân nên đến ngày 16/11/1945, quân Nhật mới chiếm được Đà Lạt. Chúng đóng thêm đồn bót ở Đà Lạt, tăng cường quân ở Fi Nôm và chốt giữ chặt sân bay, tiến hành càn quét vùng ven đóng quân, bắt bớ cán bộ, đồng bào ta.

Sau 11 ngày bị quân và dân ta bao vây cắt đứt nguồn lương thực ở Phan Rang, một đại đội quân Nhật rút chạy theo hướng Đường Lai-Proh lên hội quân với quân Nhật ở sân bay Liên Khàng (Liên Khương). Sáng ngày 29/11/1945, bộ đội địa phương quận Dran được lệnh chặn đánh địch. Nhờ sự giúp đỡ của nhân dân, ta bố trí đón địch ở Proh và Hòa Lạc. Chiều hôm đó, địch lọt vào vị trí phục kích, ta bắt sống một tên quan hai Nhật, thu một số vũ khí. Đồng bào dân tộc ít người ở Proh hiệp sức cùng bộ đội đánh Nhật, từ nắm tình hình đến liên lạc, tiếp tế hậu cần, canh giữ tù binh.

Để phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân, chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ công hòa tổ chức tổng tuyển cử trong cả nước ngày 6-1-1946 để bầu Quốc hội và chính phủ chính thức. Được sự chỉ đạo của Ủy ban kháng chiến tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng, chính quyền quận chuẩn bị chu đáo mọi mặt để nhân dân thực hiện quyền công dân của mình. Mặc dù trong vòng kèm tỏa của địch, công tác tuyên truyền vận động, tổ chức bỏ phiếu được tiến hành chặt chẽ, công khai, đúng thủ tục. Trong thời điểm lịch sử đó, nhân dân quận D'ran bầu cử ở hai đơn vị⁽¹⁾, bầu đại biểu của cả tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng. Kết quả đồng chí Ngô Huy Diễn đại biểu tỉnh Lâm Viên, đồng chí Hồ Nhã Tránh (Hồng Nhật) đại biểu tỉnh Đồng Nai Thượng trúng cử đại biểu quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Ngày 6/1/1946 thực sự là ngày hội của đồng bào các dân tộc quận D'ran. Trong không khí nô nức thực hiện quyền làm chủ của mình, nhân dân đã nêu cao tinh thần đoàn kết chiến đấu, lòng yêu nước, ý chí thống nhất, tin tưởng vào Đảng, trung thành với chế độ mới.

Sau khi đánh chiếm xong Nam Bộ và Sài Gòn, quân Pháp bắt đầu tiến quân lên các tỉnh Tây Nguyên. Tình hình Lâm Viên, Đồng Nai Thượng rất khẩn trương. Ủy ban kháng chiến tỉnh Lâm Viên lập 2 tuyến phòng ngự ở Fi Nôm và Trại Mát ngăn địch theo đường 21 Bis vào quận lỵ D'ran và chặn địch từ Đà Lạt xuống Cầu Đất. Tại Mát, Trại Bò (Xuân Thọ) ta bố trí một tuyến phòng ngự do một đại đội vũ trang và lực lượng tự vệ, thanh niên công nhân địa phương đảm nhiệm, chia thành nhiều tuyến, có hầm hào, công sự chiến đấu và chướng ngại vật.

Khu vực quận D'ran bố trí một đại đội có 3 trung đội. Trung đội 1 gồm lực lượng Đà Lạt do đồng chí Lộc chỉ huy, trung đội 2 gồm lực lượng Dran do đồng chí Cú Xuân Sắc chỉ huy, trung đội 3 phần đông là người Đà Lạt, một số ít ở Dran do đội Linh chỉ huy. Trước tháng 11 năm 1945, lực lượng vũ trang trên địa bàn quận do đồng chí Trịnh Lý, Trương Văn Hoàn chỉ huy. Từ tháng 12/1945, sau khi thống nhất vào chi đội Vệ quốc đoàn, đồng chí Trương Văn Diêu là người trực tiếp chỉ huy phòng tuyến Finôm. Về phía đông, ta bố trí một bộ phận nhỏ chốt giữ Eo Gió trên đèo Ngoạn mục. Lực lượng tự vệ có các trạm chiến đấu theo trục đường 21 Bis nhưng công sự sơ sài.

Nhiệm vụ lúc này rất nặng nề và khẩn trương. Lực lượng vũ trang của ta tập trung nhưng chưa từng trải qua tác chiến, chưa có thời gian huấn luyện đầy đủ. Nhờ làm tốt công tác tổ chức, giáo dục, giác ngộ nên tư tưởng, tinh thần của cán bộ, chiến sĩ rất hăng hái, sẵn sàng ra trận giết giặc lập công, bảo

(1) Khu vực huyện Đơn Dương ngày nay bầu đại biểu tỉnh Lâm Viên; khu vực Đức Trọng, Lâm Hà, Đam Rông bầu đại biểu tỉnh Đồng Nai Thượng.

bảo vệ thành quả cách mạng. Chính quyền, đoàn thể của quận một mặt động viên đồng bào tham gia tiếp tế, xây dựng tuyến phòng thủ cùng bộ đội, mặt khác giúp nhân dân tản cư xuống Ninh Thuận, thực hiện vườn không nhà trống khi quân Pháp đến.

Ngày 27/1/1946, thực dân Pháp huy động một lực lượng khoảng 140 xe quân sự chở quân theo đường 20 lên chiếm Lâm Viên, Đồng Nai Thượng. Phối hợp với quân Nhật ở Liên Khàng (Liên Khương), rạng sáng ngày 28/1/1946 chúng tấn công vào tuyến phòng ngự FiNôm. Lực lượng quân Pháp bao gồm một tiểu đoàn có pháo binh yểm trợ. Sau 2 giờ chiến đấu, địch vẫn không chọc thủng được phòng tuyến của ta. Tuy vũ khí ít và thô sơ nhưng với quyết tâm cao, dựa vào hầm hào, công sự vững chắc, bộ đội và dân quân tự vệ vừa phòng thủ vừa chia nhiều hướng phản kích. Quân Pháp phải dùng một mũi bọc sườn đánh úp và chiếm được tuyến chiến đấu ở FiNôm. Bộ đội rút về M'lon tiếp tục ngăn chặn làm chậm bước tiến của quân Pháp. Trước sức tấn công của địch ta được lệnh rút lui để bảo toàn lực lượng. Đồng bào các dân tộc ven đường 21 Bis đã kịp thời tiếp tế cơm nước cho bộ đội. Sau một ngày chiến đấu quyết liệt, quân Pháp bị nhiều thiệt hại, bên ta một số đồng chí hy sinh, trong đó có đồng chí Nguyễn Đình Uyển (tức Túc), trung đội phó chốt giữ FiNôm. Đêm 28/1/1946, lực lượng vũ trang và nhân dân quận D'ran theo đường Nam sông Đa Nhim tập kết về Bác D'ran hợp với lực lượng của Đà Lạt hành quân xuống chiến khu Trà Co (Ninh Thuận). Ở phòng tuyến phòng thủ Trại Mát, Trại Bò (Xuân Thọ), bộ đội và lực lượng tự vệ mặc dù đã chiến đấu dũng cảm nhưng do lực lượng chênh lệch, chiều 29/1/1946 ta rút xuống Cầu Đất (Xuân Trường).

Được thành lập và chiến đấu từ sau cách mạng tháng Tám, tuy thời gian ngắn (chỉ từ tháng 8/1945 đến tháng 1/1946), nhưng lực lượng vũ trang huyện nhà đã có những đóng góp to lớn vào cuộc đấu tranh bảo vệ Đảng, chính quyền và nhân dân trong thời kỳ đầu chống thực dân Pháp. Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang đã nêu cao tinh thần dũng cảm hy sinh, quyết tâm bảo vệ độc lập, tự do của tổ quốc.

II. Đấu tranh chống ách chiếm đóng của thực dân Pháp, củng cố và xây dựng lực lượng cách mạng (tháng 2/1946 đến tháng 1/1950):

Sau khi tái chiếm D’Ran, thực dân Pháp tăng cường bộ máy cai trị. Chúng lập tòa đốc lý sau đổi là quận hành chính, quận trưởng, quận phó là người Pháp⁽¹⁾. Để tranh thủ lôi kéo đồng bào dân tộc ít người, chúng còn lập thêm chức quận phó là người dân tộc bên cạnh người Pháp. Về quân sự, Pháp lập đồn điền ở Cầu Đất, D’Ran, Fy-an, đưa một đại đội lính Pactizan (Partisant) đóng tại thị trấn quận lỵ. Chúng tổ chức lại chính quyền xã, thôn, sử dụng một số tên trung thành với Pháp nắm quyền, bổ sung người dân tộc thay người kinh trong một số công việc, chia rẽ kinh thượng với âm mưu “biến cao nguyên thành một vùng thuộc quyền cai trị của người Pháp, chấm dứt sự du nhập của người Việt”⁽²⁾. Mặt khác, chúng ráo riết khủng bố, bắt bớ cán bộ và cơ sở, lùng sục càn quét vùng ven thị trấn, nông thôn nhằm ngăn chặn cách mạng mọc nổi, xây dựng phong trào.

Trước tình hình đó, tại chiến khu Ninh Thuận, Ủy ban kháng chiến tỉnh Lâm Viên chủ trương mở đường dây liên lạc theo hướng hợp pháp, đưa cán bộ lên xây dựng cơ sở cách mạng trong Đà Lạt và vùng ven thị xã. Được sự chỉ đạo của chính quyền và Mặt trận Việt Minh tỉnh, Ủy ban kháng chiến lâm thời quận D’Ran tái lập, chỉ định ông Lê Văn Xương làm chủ tịch, ông Phạm Huy Anh làm phó chủ tịch và một số thành viên, trong đó có thầy trụ trì chùa Giác Nguyên, lấy chùa Giác Nguyên làm trụ sở. Ủy ban kháng chiến quận đã tích cực hoạt động tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, xây dựng phong trào, xây dựng cơ sở cách mạng trong quần chúng.

Những tháng đầu năm 1946, tình hình đất nước rất khó khăn phức tạp. phía Bắc, quân đội Tưởng Giới Thạch cấu kết với bọn tay sai phản động tìm cách chống phá cách mạng; phía Nam, quân Pháp đánh chiếm Nam Bộ và cực Nam Trung bộ. Nhằm tranh thủ thời cơ củng cố lực lượng và phân hóa kẻ thù, Chính phủ ta quyết định ký hiệp ước sơ bộ với Chính phủ Pháp, hội nghị trù bị tổ chức tại Đà Lạt chuẩn bị cho cuộc đàm phán chính thức tại Phông-ten-nơ Blô. Trung ương Đảng ra chỉ thị quán triệt chủ trương ký hiệp định sơ bộ, nói rõ quan điểm của ta, làm cho cán bộ, Đảng viên và nhân dân nâng cao cảnh giác, đề phòng thực dân Pháp bội ước, tiếp tục chuẩn bị mọi mặt cho kháng chiến.

Tháng 4/1946, tỉnh bộ Việt Minh tỉnh Lâm Viên mở hội nghị tại Đá

(1) Quận trưởng Doustin, quận phó Lốtxe (Lousser) thời kỳ 1946-1949, Begnor (1950-1952).

(2) Thông tri công sứ Đồng Nai Thượng ngày 8-7-1947, (tài liệu lưu tại ban tuyên giáo tỉnh ủy Lâm Đồng)

Trắng (Ninh Thuận). Hội nghị bầu ủy ban kháng chiến gồm 13 người do đồng chí Nguyễn Thế Tính làm chủ tịch. Ủy ban kháng chiến tỉnh chuẩn bị lực lượng trở lại xây dựng phong trào Đà Lạt, D’Ran.

Ngày 3/4/1946, đồng chí Trịnh Lý được Ủy ban kháng chiến tỉnh Lâm Viên cử lên hoạt động ở D’Ran đã liên lạc với Ủy ban kháng chiến quận tổ chức mít tinh tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân về nội dung hiệp ước sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946. Nhờ khéo léo tranh thủ vận động, quân Pháp không nghi ngờ và cản trở cuộc mít tinh. Buổi lễ diễn ra trang nghiêm, có trên 600 người tham dự với cờ đỏ sao vàng, băng khẩu hiệu mang nội dung: “Việt Nam độc lập đồng minh muôn năm”, “Hồ Chủ tịch muôn năm”, “Ủng hộ hiệp định ngày 6/3”... Thay mặt Ủy ban kháng chiến lâm thời quận, ông Lê Văn Xương, Chủ tịch Ủy ban đọc diễn văn lên án quân Pháp xâm lược, khẳng định Việt Nam là một nước độc lập có chủ quyền.

Thắng lợi của cuộc mít tinh đã gây ấn tượng mạnh mẽ trong nhân dân, quần chúng càng thêm tin tưởng vào cách mạng nhưng bọn cầm quyền ở Đồng Nai Thượng vô cùng tức tối và phải thừa nhận “diễn biến của buổi lễ mà chính đó một số phần tử cực đoan tổ chức với ý đồ củng cố địa vị của chúng (tức Việt Minh) đã không có lợi cho chính sách của ta “Pháp”⁽¹⁾.

Trong năm 1946, nhiều cán bộ của Liên khu V và Khánh Hòa tăng cường cho Dran như các đồng chí Huỳnh Cự, Trần Bình Sinh, Lê Khắc Nhị, Trần Văn Quang... phong trào ở D’Ran phát triển mạnh, nhiều hoạt động công khai như tuyên truyền vận động quần chúng và mít tinh được tổ chức. Ngày 19 và 25/10/1946, cơ sở của ta đã rải truyền đơn tại Cầu Đất, M’Lơn, thị trấn Càn Rang kêu gọi nhân dân không sử dụng giấy bạc do ngân hàng Đông Dương phát hành sau ngày 6/3, tuyên truyền các chủ trương của Đảng. Hoạt động mạnh mẽ của phong trào cách mạng trong quận làm cho bọn thực dân cầm quyền “ăn không ngon, ngủ không yên” và tìm cách đối phó.

Tháng 10/1946, Ủy ban kháng chiến tỉnh cử cán bộ phối hợp với lực lượng của quận cử 2 cán bộ tiêu diệt tên Đỗ Hữu Ích, tay sai ác ôn từng chỉ điểm bắt nhiều Đảng viên, cán bộ, nhưng việc diệt ác ôn không thành công. Một cán bộ của ta thực hiện nhiệm vụ bị địch bắt, một cán bộ khác trốn thoát nhưng vài ngày sau ra đầu thú khai báo cơ sở tại chùa Giác Nguyên. Bọn địch mở cuộc càn quét, chúng phát hiện danh sách Ủy ban kháng chiến của quận và tài liệu Việt Minh giấu trong tổ đình sắc tứ giác nguyên tự. Nhiều cán bộ chủ chốt của Ủy ban kháng chiến quận bị địch bắt, trong đó có các đồng chí Huỳnh Cự, Trần Bình Sinh, Trần Đình Công (Khuông). Bọn Pháp điên cuồng khủng bố, bắt giam hàng trăm Đảng viên, cơ sở cách mạng trong

(1) Báo cáo của Ruy-Giê (Ruyger) công sứ Đồng Nai Thượng gửi ủy viên cộng hòa miền Nam Trung kỳ tại Nha Trang ngày 9.4.1946 (tài liệu lưu tại ban tuyên giáo tỉnh ủy Lâm Đồng)

quận, chúng dụ dỗ, mua chuộc không được rồi tra tấn dã man nhưng những chiến sĩ cách mạng không đầu hàng, không khai báo. Địch đưa một số cán bộ, cơ sở quần chúng bí mật thủ tiêu ở nhiều nơi trong quận(1).

Khoảng từ cuối năm 1946 đến đầu năm 1947, địch xử bắn một số cán bộ, Đảng viên, quần chúng tại ngã ba quận lỵ D’ran (nay là nơi tưởng niệm các liệt sĩ của thị trấn). Ngày 26/11/1946, chúng đã dã man xử bắn đồng chí Lê Đồng, Lê Giáo, Nguyễn Thiệu (còn gọi là Tư Giai); ngày 25/12/1946 xử bắn các đồng chí Trần Đình Công (Khuông), Nguyễn Ngọc Lân, Văn Trà; ngày 5/1/1947, chúng bắn các đồng chí Huỳnh Cự, Văn Ngọc Oanh, Trần Bình Sinh. Hòa thượng Khế Tín trụ trì chùa Giác Nguyên bị địch bắt và xử bắn tại đồi Châu Sơn(2). Sự hy sinh dũng cảm và khí tiết của các đồng chí Đảng viên cộng sản và quần chúng cách mạng đã đi sâu vào lòng nhân dân các dân tộc ở Đon Dương, khơi dậy chí căm thù không nguôi đối với bọn thực dân tàn bạo. Công lao của những chiến sĩ đã hy sinh vì nước mãi mãi được ghi nhớ trong lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Đon Dương.

Mặc dù bị đàn áp khốc liệt nhưng nhân dân Đon Dương vẫn giữ vững tinh thần cách mạng. Ủy ban kháng chiến và mặt trận Việt Minh tỉnh liên tiếp đưa cán bộ lên móc nối với cơ sở tại chỗ để xây dựng phong trào.

Tại Gia Thạnh (Lâm Hà), trong cách mạng tháng 8/1945 có nhiều cán bộ tham gia khởi nghĩa, thành lập chính quyền nhân dân. Sau khi trở lại chiếm đóng D’Ran, thực dân Pháp đã bắt giam nhiều cán bộ hoạt động tại Gia Thạnh. Tháng 7/1946, đồng chí Lê Dũng ra tù về Gia Thạnh móc nối với cơ sở ở La Ba (Phú Sơn) tiếp tục hoạt động.

Tháng 1/1947, đồng chí Nguyễn Thế Tính, Chủ tịch ủy ban kháng chiến tỉnh Lâm Viên và một số cán bộ cùng một tiểu đội vũ trang lên chỉ đạo nhằm đẩy mạnh phong trào ở Đà Lạt và vùng ven thị xã. Giữa tháng 2/1947, đồng chí Nguyễn Thế Tính và một số cán bộ bị địch bắt nhưng nhờ cơ sở bên ngoài hỗ trợ đã vượt ngục an toàn. Giữa năm 1947, tỉnh Lâm Viên được Phân ban cán sự Cục Nam tăng cường đồng chí Trương Văn Hoàn, Phan Như Thạch và một số cán bộ. Thời kỳ này, các đồng chí chủ chốt của tỉnh đều là Đảng viên và cơ quan lãnh đạo cao nhất là Ủy ban kháng chiến và Mặt trận Việt Minh tỉnh. Cơ quan lãnh đạo tỉnh đóng ở chiến khu Danh thuộc khu II, cách Cầu Đất 10 Km về hướng Đông Bắc.

Sau một thời gian hoạt động ở Gia Thạnh, đồng chí Lê Dũng qua cơ sở ở

(1) Đồng chí Trịnh Lý bị địch bắt và thủ tiêu cuối tháng 4/1946 ở Diom (xã Lạc Xuân)

(2) Tại đồi Châu Sơn có hơn 40 ngôi mộ liệt sĩ, sau ngày thống nhất đất nước, Ủy ban nhân dân huyện đã quy tập về nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Lâm Đồng.

Đà Lạt đã liên lạc được với đồng chí Phan Như Thạch, phó chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh, nhận chỉ thị về xây dựng phong trào Gia Thạnh, Phú Sơn, D'ran và phát triển cơ sở quần chúng dọc đường 21 Bis.

Đầu năm 1947, ông Cao Kỳ Nguyên⁽¹⁾, một nhân sĩ yêu nước từ chiến khu Danh về Lạc Nghĩa xây dựng cơ sở quần chúng từ M'lơn, Lạc Lâm Làng đến thị trấn D'ran. Đồng chí Lê Dũng đã móc nối với ông Cao Kỳ Nguyên, nối thông đường dây liên lạc chỉ đạo của tỉnh từ Đà Lạt, Gia Thạnh đến M'Lơn, Dran; cơ sở quần chúng hình thành và phát triển ở La Ba, Phú Hội, Fi nôm, M'Lơn. Trong năm 1947, nhiều đợt cán bộ từ Bình Thuận lên tăng cường cho Lâm Viên đã liên lạc với ông Cao Kỳ Nguyên, ông là cơ sở tin cậy đề anh em móc nối hoạt động. Cuối năm 1947, địch phát hiện đưa lính từ D'Ran đến vây bắt 5 đồng chí tại rừng Lạc Nghĩa, chỉ có 2 đồng chí thoát được, số còn lại bị hy sinh. Sau sự kiện này, địch bắt ông Cao Kỳ Nguyên giam tại quân D'Ran.

Chiến dịch Thu-Đông năm 1947-1948, thực dân Pháp liên tiếp bị thất bại ở Việt Bắc (cuối 1947) và La Ngà (3/1948) buộc phải rút về thế phòng ngự. Lực lượng vũ trang của ta ngày càng lớn mạnh, phong trào luyện quân lập công sôi nổi. Tuy vậy, ở Lâm Viên và Đồng Nai Thượng địch vẫn tập trung lực lượng càn quét, khủng bố phong trào cách mạng, thực hiện dồn dân, vây làng, phát triển mạng lưới gián điệp, chỉ điểm.

Tháng 3/1948, từ một cơ sở Đà Lạt bị vỡ khai báo vùng Phú Sơn, địch tập trung cảnh sát phối hợp với lính đồn La Ba càn quét vào căn cứ, đánh úp đội công tác, bắt một số cán bộ, cơ sở cách mạng. Đồng chí Lê Dũng bị bắt giam tại nhà lao Dran. Trong năm 1948, hai lượt cán bộ đến hoạt động ở La Ba, một tổ công tác vào liên lạc với cơ sở bị địch bắt, chúng tập trung lực lượng đánh vào chỗ ở của đội công tác, anh em hy sinh gần hết.

Tuy bị địch khủng bố ác liệt nhưng cơ sở cách mạng vẫn giữ vững lòng tin, các đội công tác tích cực đánh địch gây cho chúng hoang mang. Tháng 7/1948, một tiểu đội vũ trang do đồng chí Hoàng Phi Hồ chỉ huy tập kích đồn cảnh sát Cầu Đất, giải thoát cho hàng chục cán bộ trở về bổ sung cho lực lượng của các đội công tác.

Từ giữa năm 1948, địch tăng cường càn quét đánh phá căn cứ, chiến khu và khủng bố phong trào cách mạng bên trong. Ngày 25/9/1948, do sự phản bội của một tự vệ ở đơn vị La Ba dẫn địch vào đánh úp chiến khu của tỉnh, một số đồng chí hy sinh, số khác bị bắt, trong đó có đồng chí Phan Như

(1) Ông Cao Kỳ Nguyên quê Quảng Ngãi, . Ông lên D'ran làm phu từ trước năm 1930, là cựu chánh tổng làng Phú Hội (Đức Trọng). Ông tham gia khởi nghĩa ở Phú Hội. Tháng 12/1945 bị địch bắt, ra tù ông vào chiến khu Lê Hồng Phong (Bình Thuận). Năm 1946 ông về Lạc Nghĩa xây dựng cơ sở quần chúng. Ông Cao kỳ Nguyên có những đóng góp tích cực cho phong trào Dran từ năm 1945-1952.

Thạch, phó chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh Lâm Viên. Đồng chí Nguyễn Thế Tính, chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh và một tiểu đội vũ trang rút xuống Ninh Thuận. Sau trận này, địch thu tài liệu, qua đó chúng truy lùng, bắt bớ, thủ tiêu nhiều cán bộ, cơ sở quần chúng. Phong trào cách mạng ở La Ba và các nơi khác trong quận Dran đứt liên lạc với trên. Ủy ban kháng chiến tỉnh và Mặt trận Việt Minh tỉnh không còn, sự chỉ đạo của ban cán sự Cục Nam với Lâm Viên bị gián đoạn, phong trào cách mạng trong tỉnh tạm thời bị lắng xuống.

Bước sang năm 1949, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giành được thắng lợi trên các chiến trường, tương quan lực lượng thay đổi có lợi cho ta. Tình hình đó buộc địch phải chuyển từ chiến lược đánh nhanh thắng nhanh sang chiến lược giữ thế phòng ngự lâu dài.

Tháng 2/1949, Ban thường vụ Liên Khu ủy V họp đánh giá tình hình đã nhận định: “Các tỉnh Cục Nam không có sự phối hợp hành động và liên hệ chặt chẽ với nhau do gặp khó khăn về liên lạc, không nắm được tình hình, vì vậy không chỉ đạo được phong trào chung; từ công tác Đảng, chính quyền đến chuyên môn mỗi tỉnh đều tùy tiện theo hoàn cảnh của mình”. Để giúp các tỉnh Cục Nam trong công tác, tháng 3/1949 Ban Thường vụ Khu ủy quyết định thành lập Ban cán sự Cục Nam và về chính quyền, thành lập phân ban hành chính kháng chiến Cục Nam gồm các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng. Trên cơ sở đó tháng 4/1949, Ban cán sự Đảng Lâm Viên và Đồng Nai Thượng thành lập, đồng chí Lê Tự Nhiên ủy viên Ban cán sự Cục Nam được cử làm bí thư Ban cán sự Đảng tỉnh Lâm Viên, đồng chí Trần Ngọc Trác (Thu Lâm) làm bí thư Ban cán sự Đảng tỉnh Đồng Nai Thượng.

Đây là một sự kiện chính trị quan trọng đánh dấu bước phát triển của phong trào cách mạng địa phương, tỉnh Lâm Viên, Đồng Nai Thượng có tổ chức Đảng cao nhất lãnh đạo; đường lối, chủ trương của Đảng được vận dụng vào thực tiễn đưa phong trào quần chúng tiến lên những bước mới. Tuy chưa liên lạc được với cán bộ Đảng hoạt động tại chỗ ở Đà Lạt nhưng Ban cán sự Đảng tỉnh Lâm Viên đã tích cực chuẩn bị lực lượng để lên trực tiếp chỉ đạo phong trào.

Tháng 8/1949, Trung đoàn 81 chủ lực Ninh Thuận thành lập đại đội Như Hồ⁽¹⁾. Nhiệm vụ của đơn vị là vũ trang tuyên truyền kết hợp tác chiến hỗ trợ quần chúng xây dựng cơ sở. Địa bàn hoạt động của đại đội là vùng Anh Dũng, Lệ Nghi, Bá Ghe (Ninh Thuận) lên Proh. Tuy vùng này bị địch càn quét đánh phá ác liệt nhưng các đồng chí trong đại đội Như Hồ vẫn khắc phục khó khăn bám dân, bám chiến trường hoạt động.

(1) Bí danh của đồng chí Nguyễn Nhật Thăng, trung đoàn phó quân đội nhân dân, hy sinh năm 1948 tại Cà Ná (Ninh Thuận)

III. Phát triển cơ sở, mở rộng phong trào, kháng chiến thắng lợi (1950-1954).

Thắng lợi về quân sự trong chiến dịch Đông- Xuân và thắng lợi trên mặt trận chính trị, ngoại giao tạo nhiều thuận lợi cho cách mạng Việt Nam tiến lên những bước mới. Bị thất bại trên chiến trường Bắc bộ, quân Pháp tập trung xây dựng chiến lược vùng Tây Nguyên.

Tại Lâm Viên, địch đóng thêm hàng chục đồn bốt lớn dọc đường 11 và Đà Lạt. Trường sĩ quan từ Huế chuyển lên Đà Lạt, trở thành trung tâm đào tạo sĩ quan lớn nhất của Pháp ở Đông Dương. Các khu vực như Fi-an, sân bay Liên Khương, Đại Ninh, Trạm Hành chúng đều tăng thêm lực lượng, tạo thế kềm kẹp nhân dân. Tại huyện Chiến Đấu, Pháp đóng đồn, mỗi đồn do một đến hai sĩ quan Pháp chỉ huy. Ngoài ra chúng tổ chức 2 đội lưu động, một do quận D’Ran, một do đồn Di Linh đảm nhiệm, thường xuyên càn quét, lùng sục các khu vực.

Về chính trị, địch ra sức tuyên truyền xuyên tạc đường lối kháng chiến của Đảng, gieo rắc tư tưởng cầu an, làm giảm ý chí và tinh thần cách mạng của nhân dân. Sau khi lập Bảo Đại làm Quốc Trưởng và trao trả độc lập giả hiệu cho triều đình Huế (1948), ngày 15/4/1950, theo thỏa thuận của chính phủ Pháp, Bảo Đại tách Tây Nguyên thành đơn vị hành chính có quy chế riêng gọi là “Hoàng triều cương thổ”. Tuy Bảo Đại nắm quyền tối cao đối với Tây Nguyên nhưng trên mọi lĩnh vực người Pháp vẫn có quyền định đoạt. Thực dân Pháp và tay sai dùng mọi thủ đoạn mua chuộc, lôi kéo quần chúng, chia rẽ người kinh với người dân tộc, phát triển các tôn giáo, mở các lớp đào tạo chức sắc người địa phương. Mạng lưới gián điệp, chỉ điểm của địch tăng cường hoạt động, tìm cách trà trộn nắm tình hình, giả danh cán bộ lừa gạt nhân dân hòng làm mất uy tín của cách mạng.

Địch tổ chức hệ thống hành chính ngụy quyền theo đặc điểm từng vùng, riêng cho người kinh và người thượng. Chúng đặc biệt nâng đỡ một số tay sai người dân tộc, đặt phó sứ là người dân tộc bên cạnh chánh sứ là người Pháp. Những làng, tổng người dân tộc đều do chức sắc người dân tộc cai quản.

Về kinh tế, thực dân Pháp và chính phủ bù nhìn đặt thêm nhiều thứ thuế mới như thuế chợ, thuế an ninh... tăng cường bắt sưu, phạt vạ, kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển lương thực, hạn chế bán gạo, thực phẩm để phòng đồng bào tiếp tế cho cách mạng, hòng cô lập chiến khu của ta.

Tháng 3/1949, đồng chí Phan Như Thạch lợi dụng địch sơ hở, đã đánh gục tên lính áp tải trở về căn cứ. Đầu năm 1950, đồng chí Phan Như Thạch

được bổ sung vào Ban cán sự Đảng tỉnh Lâm Viên và được cử làm Bí thư thị ủy Đà Lạt mới thành lập. Cuối tháng 1/1950, cùng với một tiểu đội vũ trang theo hướng Krông pha, các đồng chí lên Xuân Thành. Sau khi ra tù, đồng chí Lê Dũng bắt liên lạc với cơ sở Đà Lạt và tiếp tục xây dựng phong trào Gia Thạnh, La Ba. Cơ sở Đà Lạt bị vỡ do có người khai báo, tháng 1/1950 đồng chí Lê Dũng thoát ly ra chiến khu Suối Tía. Tại đây, đồng chí Phan Như Thạch thay mặt Ủy ban kháng chiến và mặt trận Việt Minh tỉnh thành lập đội vũ trang công tác vùng Gia Thạnh-La Ba do đồng chí Đinh Sĩ Uẩn làm đội trưởng, đồng chí Lê Dũng là cán bộ Việt Minh. Đội vũ trang tuyên truyền đã lấy Gia Thạnh làm bàn đạp để mở phong trào ra các vùng phụ cận.

Giữa năm 1950, Liên khu ủy V cử các đoàn công tác vào kiểm tra tình hình của các tỉnh cực Nam Trung bộ. Sau khi nghe đoàn kiểm tra báo cáo tình hình, Liên khu ủy V nhận định “Lâm Viên và Đồng Nai Thượng là chiến trường chính của cực Nam nhưng là chiến trường gây cơ sở” và quyết định sáp nhập hai tỉnh Lâm Viên, Đồng Nai Thượng thành tỉnh Lâm Đồng. Tháng 10/1950, hội nghị hợp nhất hai tỉnh tổ chức ở Ô-rô (Bình Thuận), hội nghị bầu đồng chí Nguyễn Xuân, ủy viên Ban cán sự cực Nam làm bí thư Ban cán sự kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Lâm Đồng.

Quán triệt chủ trương công tác vùng địch hậu, hội nghị đề ra mấy nhiệm vụ lớn: Đẩy mạnh diệt ác trừ gian, củng cố các vùng bàn đạp, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, kiện toàn các cơ quan tỉnh, xây dựng củng cố lực lượng vũ trang, tổ chức các đội vũ trang tuyên truyền với các hình thức gọn nhẹ, bồi dưỡng công tác vận động quần chúng và chính sách dân tộc của Đảng cho cán bộ, Đảng viên.

Sau hội nghị, Ban cán sự Đảng tỉnh chỉ đạo củng cố lực lượng vũ trang, toàn tỉnh Lâm Đồng thành lập 6 đội vũ trang tuyên truyền, mỗi đội có 20 đến 30 người. Việc thành lập các đội vũ trang tuyên truyền là chủ trương đúng đắn, phù hợp với tình hình lúc bấy giờ của tỉnh.

Triển khai nhiệm vụ của trên, đội vũ trang tuyên truyền huyện Chiến Đấu củng cố cơ sở Gia Thạnh, La Ba, tiếp tục mở rộng phong trào vùng đồng bào dân tộc ở Dạ Uynh; cơ sở quần chúng tích cực cung cấp tình hình địch cho ta. Phong trào đang có chiều hướng phát triển thì đến tháng 10/1950 một tên chỉ điểm là cơ sở Gia Thạnh phản bội báo cho quận D’Ran dẫn lính về bao vây. Khi lực lượng vũ trang vào liên lạc, đồng chí Thái Tơ và Quý hy sinh. Chúng bắt một số cơ sở, dồn dân Gia Thạnh về Eo gió (Phú Thuận) và Trại Mát. Phong trào cách mạng Gia Thạnh bị đàn áp nhưng đội vũ trang tuyên truyền do đồng chí Đinh Sĩ Uẩn và Lê Dũng phụ trách vẫn bám được để hoạt

động ở Đa Uynh và La Ba. Từ Đa Uynh đội tiếp tục mở phong trào ra các buôn làng dân tộc lân cận.

Để tăng cường lực lượng cho đội vũ trang ở La Ba, ta chủ trương qua xây dựng cơ sở, vận động rút một số thanh niên bổ sung, chuẩn bị phương án đánh địch đi tuần lấy vũ khí trang bị cho đội. Kế hoạch chưa thực hiện được thì chỉ điểm phát hiện, cảnh sát quận D'Ran lùng bắt số thanh niên có cảm tình với cách mạng. Tuy đã kịp thời rút được một số thanh niên chưa bị bắt tăng cường cho lực lượng của ta nhưng cơ sở bị địch khủng bố, liên lạc gặp khó khăn, phong trào không phát triển được.

Đầu năm 1951, tại M'Lơn, một tổ vũ trang của đại đội Như Hồ có 3 người do đồng chí Lộc chỉ huy bắt được liên lạc với ông Cao Kỳ Nguyên và một số cơ sở do ông tổ chức ở Thạnh Nghĩa, Lạc Lâm Làng, Đồng Thạnh. Các cơ sở được xây dựng ở đây đã tạo thuận lợi để nối liên lạc với đội vũ trang tuyên truyền huyện Chiến Đấu, mở hành lang Đà Lạt-Bá Ghe, giúp cho sự chỉ đạo của tỉnh đối với Đà Lạt thuận lợi hơn.

Được sự ủng hộ của nhân dân, ngày 10 tháng 2 năm 1951, đội vũ trang tuyên truyền huyện Chiến Đấu đã đột nhập buôn R'lom trừng trị tên bang tá K'Xuông, bắt bang tá K'Tăng đưa ra chiến khu giáo dục, sau này K'Tăng trở thành cơ sở cách mạng. Đồng bào dân tộc dân tộc dọc đường 21Bis rất phấn khởi. Tiếp theo ta mở đợt tuyên truyền lên phía Bắc ở các buôn Phi Liêng, Phi Á vận động nắm dân, thu phục tề điệp.

Để hỗ trợ phong trào xây dựng cơ sở, ngày 27/2/1951 đội vũ trang tuyên truyền do đồng chí Đinh Sĩ Uẩn chỉ huy đã đánh đồn Ra-di-ô-pha Công-trắc-tria, trung tâm thông tin phục vụ sân bay Liên Khàng (Liên Khương). Đây là cụm điện đài có một trung đội đóng giữ do viên sĩ quan người Pháp chỉ huy. Một tiểu đội vũ trang của ta áp sát vị trí chiến đấu, lợi dụng sơ hở của địch, khoảng 13 giờ bộ đội nổ súng tấn công. Bị đánh bất ngờ, địch hoang mang không kịp đối phó, sau đó chúng tổ chức lực lượng phản kích quyết liệt. Trận này ta phá hỏng cụm điện đài, thu một số súng và quân trang, diệt 2 tên Pháp, 1 tên nguỵ. Bên ta, đồng chí Hồ Tá Đình, cán bộ khu V tăng cường hy sinh.

Từ giữa năm 1950 đến đầu năm 1951, địch co cụm về Tây Nguyên và đẩy mạnh hoạt động quân sự kết hợp với chính trị. Tại Lâm Đồng, chúng bao vây, càn quét, đánh phá phong trào cách mạng. Tháng 3/1951, tỉnh thành lập đại đội miền Bắc Lâm Đồng. Lực lượng nòng cốt của đơn vị là cán bộ, chiến sĩ đại đội Như Hồ, khoảng 200 người. Ta mở tiếp đợt vũ trang tuyên truyền ở địa bàn Hoạt, Nam Bang, Tà Nung... Rút kinh nghiệm lần trước, khi đến buôn làng nào đội vũ trang tuyên truyền đều tuyên bố giải tán tề, xây dựng chính quyền cách mạng làm cho địch hoang mang, không dám hành quân lùng sục như trước. Vì vậy, ta đã làm chủ các buôn làng vùng dân tộc

phía Bắc và Tây Bắc đường 21 Bis trong một thời gian dài, từ tháng 3 đến cuối năm 1951.

Tháng 7.1951, nhân có đoàn cán bộ khu V bổ sung cho Lâm Đồng, tỉnh tăng cường đồng chí Chế Đăng và đồng chí Chấn về đội vũ trang tuyên truyền huyện Chiến Đấu. Đội vũ trang tuyên truyền có 40 đồng chí, chia thành 4 đội công tác, mỗi đội có một chỉ bộ Đảng do đồng chí đội trưởng làm bí thư, hoạt động chủ yếu trong vùng đồng bào dân tộc: Đội công tác vùng Hoạt, Nam Ban... do đồng chí Dự và Hòa phụ trách; ở Păng- Tiêng, Tà Nung đội đồng chí Chế Đăng bám dân xây dựng cơ sở; đội đồng chí Chấn vùng P'Teng; vùng kinh dọc đường 20 do đồng chí Lê Dũng phụ trách. Một mũi phát triển lên hướng Bắc nối với Đắc Lắc do đồng chí Trung chỉ huy nhưng bị địch phục kích ở R'liên không bắt được liên lạc với tỉnh bạn. Tháng 8/1951, Ban cán sự Đảng Lâm Đồng tiếp tục tăng cường đồng chí Mai Huy Hoàng, ủy viên Ban cán sự cùng một số cán bộ về huyện Chiến Đấu. Đồng chí Mai Huy Hoàng phụ trách đội công tác đường 20. Từ cơ sở đội vũ trang tuyên truyền của huyện Chiến Đấu, ta tiếp tục phát triển lực lượng, mở rộng địa bàn. Do yêu cầu của phong trào, cuối năm 1951, tổ vũ trang do đồng chí Lộc phụ trách được điều động về lại đại đội Như Hồ.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng cách mạng, địch tăng cường các thủ đoạn đối phó. Chúng điều quân từ Buôn mê Thuột, Di Linh phối hợp với bọn Việt binh đoàn Đà Lạt tổ chức càn quét vào Nam Ban, K'Ri-ông-thô, Phi Sua... Sau càn quét, chúng để lại một bộ phận phục kích trong ấp và các ngã đường nghi có cán bộ, chiến sĩ của ta qua lại.

Nhằm chia cắt quần chúng với các đội công tác, địch thường xuyên khủng bố dồn dân từ những khu vực càn quét về các vị trí do chúng kiểm soát, xây dựng lực lượng lính địa phương ở ấp, nhất là các ổ vũ trang vùng dân tộc. Những âm mưu thủ đoạn của địch gây cho ta nhiều khó khăn trong việc mở cơ sở, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc. Tuy vậy, đội công tác đường 20 do đồng chí Mai Huy Hoàng phụ trách có những hoạt động đạt kết quả tốt, xây dựng được đường dây tiếp tế lương thực, thực phẩm cho các đội công tác huyện Chiến Đấu và cơ quan của tỉnh ở Đà Lạt. Tại Định An, ta vận động một gia đình người Pháp tên là Hoét có vợ người Việt Nam là cơ sở cất giấu lương thực, thực phẩm và địa điểm đi lại cho cán bộ chiến sĩ. Từ nhà bà Hoét, suốt trong 3 năm liền, cách mạng nhận được hàng tấn lương thực, thực phẩm và trang bị, thuốc chữa bệnh phục vụ nhu cầu công tác, chiến đấu.

Cùng thời gian diễn biến những sự kiện trên, tháng 9/1951 Ban cán sự cực Nam mở hội nghị kiểm điểm tình hình và đề ra phương hướng nhiệm vụ trong Đông-Xuân 1951-1952. Do xác định Lâm Đồng là chiến trường gây cơ sở, hội nghị đề ra phương châm: “Kiên trì vận động cách mạng, súc tích lực

lượng, đằng đải thời cơ, tiềm hành⁽¹⁾ gây cơ sở”. Theo đó, hội nghị đề ra kế hoạch hoạt động tập trung hướng chính là Đà Lạt, vùng Tây bắc và bàn đạp Anh Dũng (của Ninh Thuận), hướng phụ ở Di Linh, B’Lao, các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận chỉ đạo tập trung chi viện cho chiến trường Lâm Đồng.

Tại chiến khu Thị ủy Đà Lạt, tháng 11/1951, đồng chí Nguyễn Xuân ủy viên Ban Cán sự cực Nam và đồng chí Trần Ngọc Trác (Thu Lâm) ủy viên thường vụ Ban cán sự Lâm Đồng đã mở hội nghị quán triệt chủ trương chuyển hướng hoạt động của ban cán sự cực Nam. Tham gia hội nghị có các đội công tác của huyện Chiến Đấu và thị xã Đà Lạt.

Hội nghị đánh giá thời gian qua, phê phán việc đẩy mạnh hoạt động vũ trang ồ ạt, diệt ác trừ gian lộ liễu làm lộ lực lượng, cơ sở để địch có điều kiện khủng bố gây thiệt hại cho cách mạng, không phù hợp với chiến trường gây cơ sở. Nhận rõ thiếu sót, các đồng chí dự hội nghị tán thành phương châm hoạt động mới. Tuy nhiên, đối với địa bàn vùng ven thị xã và nông thôn, phương thức hạn chế hoạt động vũ trang là chưa phù hợp nên một số cán bộ, chiến sĩ chưa thông suốt, do đó từ chủ trương đến tổ chức thực hiện còn phải trải qua quá trình đấu tranh tư tưởng gay go, phức tạp trong nội bộ để biến thành hành động cụ thể.

Từ xác định hướng chính của Lâm Đồng là vùng Tây Bắc bao gồm thị xã Đà Lạt và huyện Chiến Đấu⁽²⁾, hội nghị bỏ tên đội vũ trang tuyên truyền mà gọi là đội xây dựng cơ sở, đi sâu phát động quần chúng, lấy vùng đồng bào dân tộc làm bàn đạp phát triển ra vùng kinh. Để phù hợp phương thức công tác mới và kịp thời chỉ đạo theo hướng chủ yếu của tỉnh, cuối năm 1951 Ban cán sự Đảng Lâm Đồng thành lập phân ban cán sự vùng Tây Bắc. Đồng chí Trần Ngọc Trác (Thu Lâm) được cử làm bí thư và các ủy viên: Đinh Sĩ Uẩn, Mai Huy Hoàng, Nguyễn Tự.

Thực hiện quyết định của hội nghị tỉnh, đầu năm 1952 huyện Chiến Đấu hình thành 4 đội xây dựng cơ sở hoạt động trong vùng đồng bào dân tộc. Tháng 6/1952, đội công tác khu vực D’ran chính thức được thành lập, lấy phiên hiệu là đội 122, đặt dưới sự chỉ đạo của Ban cán sự Đảng Tây Bắc Lâm Đồng, do đồng chí Đào Khắc Độ, cán bộ khu V tăng cường làm đội trưởng, đồng chí Lê Dũng làm đội phó. Đội chia làm 2 tổ công tác: Đồng chí Đào Khắc Độ chịu trách nhiệm địa bàn M’Lơn, Lạc Lâm Làng, Đồng Thanh; đồng chí Lê Dũng từ Lạc Bình, Lạc Xuân, quận lỵ D’Ran đến Trạm Hành. Khu vực đội 122 làm nhiệm vụ không những mở được cơ sở mà còn là cầu nối quan trọng của đường dây Bá Ghe-Đà Lạt, giúp cho sự chỉ đạo của tỉnh đến phân ban cán sự Tây Bắc thuận lợi, nhiều cán bộ tăng cường

(1) *Tiềm hành là đi chìm, đi bí mật gây cơ sở.*

(2) *Huyện chiến đấu gồm huyện Đức Trọng, Lâm Hà, Đam Rông hiện nay.*

cho Lâm Đồng qua liên lạc với đội 122 để bổ sung cho các nơi. Đội công tác đã xây dựng được tổ chức quần chúng như thanh niên, phụ nữ, du kích ở Lạc Lâm Làng, sinh hoạt gia đình phật tử ở Trại Hành và một số cơ sở ở thị trấn Càn Rang, Lạc Xuân, Lạc Bình, Đồng Thạnh. Cũng thời gian này, đường dây tiếp tế của ông Cao Kỳ Nguyên và bà Nguyễn Thị Xuân đã nối được từ quận lỵ Dran đến M'Lộn, Định An.

Tháng 10/1952, một quần chúng là cơ sở ở Lạc Lâm Làng bị bắt đã phản bội khai báo, cơ sở tại M'Lộn, Lạc Lâm Làng vỡ gần hết, địch lùng bắt ông Cao Kỳ Nguyên nhưng đội xây dựng cơ sở đã kịp thời đưa ông vào chiến khu.

Cảnh sát quận Dran bắt giam bà Nguyễn Thị Xuân, bà là cơ sở cách mạng, trưởng ban tiếp tế của Việt Minh, là cán bộ tuyên truyền của hội phụ nữ tỉnh. Chúng chuyển bà lên giam tại nhà lao Đà Lạt. Trước đòn thù tra tấn dã man của kẻ địch, bà vẫn kiên cường chịu đựng, giữ gìn bí mật cho cách mạng. Bà đã hy sinh anh dũng ngày 24/10/1952 tại nhà lao Đà Lạt.

Trước khí tiết của một quần chúng trung kiên, hàng ngàn người ở Đà Lạt, Đơn Dương đã đưa tiễn bà đến nơi an nghỉ cuối cùng. Đám tang trở thành một cuộc biểu tình tố cáo tội ác của địch. Ngày hôm đó, thị ủy Đà Lạt và đội công tác vùng Tây Bắc làm lễ truy điệu bà Nguyễn Thị Xuân, một phụ nữ cơ sở kiên cường.

Trong năm 1952, phong trào toàn tỉnh có những chuyển biến, cơ sở cách mạng được xây dựng thêm ở các địa bàn nhờ chuyển hướng hoạt động theo phương thức mới. Nhưng một thử thách gay go, gian khổ đặt ra cho cán bộ, chiến sĩ vùng Tây Bắc, đó là cơn bão lớn ngày 20/10/1952 làm thiệt hại mùa màng, tắc đường giao thông, cản trở việc tiếp tế lên Đà Lạt. Nhân dịp này, địch tăng cường kiểm soát lương thực, thực phẩm, lập các hợp tác xã gạo, rau bán cho dân với số lượng hạn chế nhằm ngăn chặn tiếp tế ra chiến khu. Các đội xây dựng cơ sở thiếu nguồn cung cấp, gạo không đủ nấu cháo cho anh em ốm đau. Cán bộ, chiến sĩ phần lớn ăn bắp chuối, củ rừng để chống đói. Nhưng rau rừng cũng không đủ, nhiều thứ rau lạ chưa từng ăn, không ít anh em tình nguyện thử trước để đề phòng ngộ độc, sau đó đơn vị cùng ăn. Vì vậy đồng đội mới gán tên rau, tên người làm một như rau Hồng Phát, rau Thanh Vân... là tên những đồng chí tự nguyện ăn thử rau rừng loại chưa biết tên. Tình cảm đó luôn luôn đọng lại trong ký ức các chiến sĩ cách mạng ở chiến trường Lâm Đồng, ghi nhớ những ngày gian nan kháng chiến.

Trước tình hình thiếu thốn nguồn lương thực, thực phẩm, phân ban cán sự miền Tây Bắc phát động phong trào sản xuất tự túc trong cơ quan và các cơ sở. Ở các địa bàn, cán bộ chiến sĩ đã tích cực trồng rau, đậu, khoai lang... tạo ra sản phẩm khắc phục khó khăn về đời sống. Đồng thời với động viên sản xuất, thực hành tiết kiệm, phong trào đóng góp vật chất giải quyết tình

huống thiếu đói cũng được đặt ra. Nhiều cán bộ chiến sĩ đã tự nguyện đưa tư trang quý như đồng hồ, nhẫn vàng nhờ cơ sở bán lấy tiền mua gạo, thực phẩm gửi vào chiến khu. Tình cảm thương yêu, đùm bọc lẫn nhau trong những ngày khó khăn đã động viên tinh thần chiến đấu, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, chiến sĩ vùng Tây Bắc Lâm Đồng.

Sau chiến thắng của quân và dân ta ở Hòa Bình, Tây Bắc và các chiến trường trong cả nước, cục diện thay đổi ngày càng có lợi cho cách mạng. Thực dân Pháp càng dần sâu vào cuộc chiến tranh phi nghĩa càng thất bại nặng nề. Chi phí cho chiến tranh ở Đông Dương đẩy nước Pháp vào tình thế khó khăn về nhiều mặt buộc phải lệ thuộc vào Mỹ và đồng minh. Nhằm gỡ thế bí, chính phủ Pháp phải thực hiện giải pháp đàm phán với Chính phủ ta. Hồng đạt ý đồ thương lượng trên thế thắng, Pháp cử tướng Na-Va làm tổng chỉ huy quân đội viễn chinh ở Đông Dương. Kế hoạch Na-Va ra đời. Trọng tâm của kế hoạch là bình định vùng tạm chiếm, lấn đánh vùng tự do và cuối cùng tập trung lực lượng quân sự giành thắng lợi quyết định, buộc ta phải nhượng bộ trên bàn thương lượng ở hội nghị Giơ-ne-vơ. Để đạt được ý đồ, Na-va đã điều lực lượng cơ động ở Đông Dương ra chiến trường Bắc bộ, gia tăng ồ ạt các đơn vị quân Pháp tại Việt Nam.

Trên địa bàn Liên khu V và các tỉnh Cực Nam Trung bộ, địch tăng cường hành quân càn quét vào vùng tự do, ráo riết bắt lính, thành lập các đơn vị biệt kích nguy thay thế cho lực lượng cơ động mạnh của Pháp điều ra miền Bắc. Tại Lâm Đồng, chúng tổ chức các tiểu đoàn sơn cước, trung đoàn ngự lâm quân, tiếp tục phát triển lính địa phương là người dân tộc thiểu số.

Về chính trị, chúng rêu rao các luận điệu “trao trả độc lập cho Việt Nam”, “bắt lính cho Bảo Đại”... thành lập các tổ chức phản động mang danh hiệu thanh niên, phụ nữ “cứu quốc”. Chúng tung tay sai, gián điệp, biệt kích lún sâu trong dân để do thám lực lượng và cơ sở cách mạng, tuyên truyền chia rẽ giữa đồng bào kinh và đồng bào thượng.

Về kinh tế, các biện pháp bắt bóc, phạt vạ đã làm cho đời sống nhân dân vô cùng cơ cực. Chúng đặt ra các thứ thuế mới: Thuế rẫy, thuế đốt than... tăng thuế từ 30%-50%. Người dân tộc có “bài chỉ” phải nộp 20 đồng đổi giấy chứng nhận của Bảo Đại.

Đầu năm 1953, phân ban cán sự miền Tây Bắc và thị ủy Đà Lạt mở lớp chính huấn rút kinh nghiệm việc chuyển hướng theo phương châm hoạt động mới. Ngoài nội dung quán triệt tư tưởng, kiểm điểm phê và tự phê bình những tồn tại thiếu sót, hội nghị quyết định xây dựng Đà Lạt và các vùng kinh làm nòng cốt, lấy vùng đồng bào dân tộc phía Tây Bắc làm bàn đạp ngoại vi, xây dựng khu vực Tây Bắc thành căn cứ nhỏ trong lòng địch mà yếu tố chính là bám dân để gây cơ sở, đào tạo cán bộ tại chỗ. Theo hướng đó, các đội xây dựng cơ sở chỉ để lại cán bộ chính trị, cán bộ quân sự rút

xuống Bình Thuận, giảm biên chế cơ quan. Thời gian này, Ban cán sự Cục Nam đã giao Di Linh, B'laio cho Bình Thuận quản lý, Ban cán sự Lâm Đồng tập trung chỉ đạo Đà Lạt và vùng Tây Bắc. Do đó, số cán bộ của Đà Lạt và vùng Tây Bắc còn lại 43 người, riêng Tây Bắc còn khoảng 20 đồng chí, kể cả đội 122 đang hoạt động ở Đơn Dương.

Tháng 2/1953, đội 122 đang hoạt động ở Trạm Hành thì bị bố ráp, vây bắt. Nhờ có báo trước, đội tránh được tổn thất nhưng cơ sở ở Trạm Hành bị khủng bố không dám liên lạc với ta. Trước tình hình đó, đội chuyển xuống liên lạc với cơ sở ở Lạc Xuân, Đồng Thạnh, thị trấn Cà Rang.

Tại quận lỵ D'Ran, đội công tác đã móc nối được với ông Tou Tiang Đôn, quận phó phụ trách dân tộc và một quần chúng làm thư ký quận. Ông Tou Tiang từng tham gia trong cách mạng tháng tám, là thành viên Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Lâm Viên. Từ đó ta nắm được tình hình hoạt động của địch.

Trong năm 1953, nhờ tích cực xây dựng phong trào cách mạng trong quần chúng, cơ sở từ thị trấn D'Ran, Lạc Xuân đến Đồng Thạnh, Lạc Nghĩa (M'Lơn) đã có bước phát triển với chất lượng tốt hơn, cơ sở ở Trạm Hành được phục hồi, tập hợp vào hội cứu quốc hàng trăm hội viên thanh niên, phụ nữ, nông dân.

Chiến trường Lâm Đồng trong năm 1953 là thời kỳ khó khăn cho hoạt động xây dựng cơ sở. Vì phạm vi địa bàn rộng lại phải giảm biên chế nên thiếu cán bộ và lực lượng vũ trang hỗ trợ. Do vậy địch có cơ hội o ép, khủng bố quần chúng; nơi đóng quân của các đội xây dựng cơ sở thường xuyên di chuyển do bị địch lùng sục, càn quét. Đời sống của cán bộ, chiến sĩ gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn vì nguồn tiếp tế từ dân ra căn cứ không thực hiện được. Mặc dù phải trải qua nhiều gian khổ nhưng cán bộ, chiến sĩ vùng Tây Bắc vẫn kiên trì chịu đựng để bám dân, bám cơ sở tuyên truyền vận động quần chúng đấu tranh chống địch bằng nhiều hình thức. Cuối năm 1953, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt vùng Tây Bắc được điều đi chinh huấn hoặc chuyển công tác khác, Phân ban Cán sự Tây Bắc Lâm Đồng không còn tồn tại.

Đầu năm 1954, phối hợp với chiến trường Điện Biên Phủ, quân dân các tỉnh Cục Nam đã tấn công giải phóng nhiều vùng ở Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng. Bộ đội địa phương cùng trung đoàn 812 mở chiến dịch, tiêu diệt các đồn Tánh Linh, La Dày, Gia Bát, hành lang phía Tây Bình Thuận giáp Lâm Đồng và chiến khu Lê Hồng Phong được mở rộng. Bộ đội địa phương Ninh Thuận giải phóng trên 50 thôn, tiêu diệt hàng trăm tên địch, triệt hạ nhiều đồn bốt. Sức tấn công mạnh mẽ và đồng loạt của quân dân các tỉnh Cục Nam đã làm cho kẻ địch hoang mang giao động, bộ máy tê liệt, nguy quyền có nguy cơ tan rã.

Thắng lợi Đông Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử đập tan kế hoạch Na-va đã tạo cơ sở cho hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương sớm đi đến kết thúc. Ngày 20/7/1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết. Nước Pháp và các bên tham dự hội nghị cam kết tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương, ngừng bắn và rút quân đội Pháp về nước. Ở Việt Nam, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời, tiến tới tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Thực hiện sự chỉ đạo của Liên khu ủy V, ban cán sự Cục Nam và tỉnh Lâm Đồng, cán bộ, chiến sĩ các đội xây dựng cơ sở chuyển quân về chiến khu Lê Hồng Phong (Bình Thuận) học tập tinh thần hiệp định, chuẩn bị tập kết ra miền Bắc. Tại Đà Lạt, 32 cán bộ, chiến sĩ các đội công tác xuống M'lon, hành quân theo đường Diom-Proh đến Bá Ghe, về tập trung tại chiến khu Lê Hồng Phong.

Điểm lại sau 2 năm thực hiện nghị quyết của Liên khu V và ban cán sự Cục Nam về hoạt động theo phương châm mới ở vùng địch hậu, phong trào cách mạng của nhân dân Đơn Dương tuy trải qua gian khổ, thử thách nhưng từng bước khôi phục và phát triển đồng đều.

Đơn Dương là vùng tranh chấp quyết liệt, địch thường xuyên không chế với một lực lượng mạnh nhưng cán bộ, chiến sĩ hoạt động trên địa bàn huyện đã không quản hy sinh, luôn gần gũi quần chúng, bám địa bàn xây dựng cơ sở. Vì vậy, từ phong trào vùng kinh đã từng bước phát triển ở vùng đồng bào dân tộc ít người. Thực hiện phương thức hoạt động mới tuy chưa phù hợp với địa bàn nông thôn nhưng cán bộ, chiến sĩ đội công tác vẫn chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo của Đảng, giữ vững đoàn kết, thực hiện đúng chính sách dân vận, chính sách dân tộc, biết khơi dậy tinh thần yêu nước, lòng căm thù giặc trong quần chúng, được nhân dân các dân tộc huyện nhà chở che. Đó là yếu tố tạo nên thắng lợi của phong trào cách mạng địa phương trong những năm cuối cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện chuyển hướng đánh địch theo phương thức mới còn bộc lộ những nhược điểm sau: Là địa bàn nông thôn có điều kiện hoạt động vũ trang, việc quá chú trọng đẩy mạnh đấu tranh chính trị, bí mật gây cơ sở, giảm bớt lực lượng quân sự đã tạo kẽ hở để địch có điều kiện đánh phá, làm mất chỗ dựa, gây thiệt hại cho phong trào. Đối với vùng kinh, cơ sở quần chúng trong thời gian ngắn có phát triển thêm đồng đều nhưng chưa chú trọng đúng mức về chất lượng chiều sâu, do đó để một số cơ sở quần chúng đầu hàng, phản bội làm vỡ phong trào ở một số nơi, hoặc khi bị địch bắt bớ nhiều quần chúng không dám hoạt động trở lại. Đối với vùng dân tộc, việc móc nối xây dựng phong trào có nhiều khó khăn do lực lượng ta mỏng để địch thực hiện được thủ đoạn mua chuộc, lôi kéo và nhen nhóm

các ổ vũ trang vùng dân tộc, o ép đồng bào, hạn chế việc phát triển cơ sở ở địa phương và thực hiện nghị quyết của Ban cán sự Đảng tỉnh.

Trải qua 9 năm trường kỳ kháng chiến gian khổ, hy sinh anh dũng, nhân dân ta đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. Cùng cả nước, nhân dân các dân tộc Đon Dương không ngừng duy trì và phát triển phong trào cách mạng, lập nên những thành tích vẻ vang, góp phần xứng đáng đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở địa phương đến thắng lợi cuối cùng.

Nguyên nhân thắng lợi trước hết là nhờ đường lối đúng đắn, độc lập, tự chủ phù hợp với lòng dân của Đảng. Những chủ trương, đường lối của Đảng được Ban cán sự cực Nam, ban cán sự Đảng Lâm Đồng vận dụng linh hoạt vào tình hình cụ thể đã tạo điều kiện để phong trào cách mạng trong tỉnh nói chung, Đon Dương nói riêng không ngừng củng cố và phát triển.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến có công lao đóng góp to lớn của đồng bào các dân tộc trong huyện. Biết bao tấm gương hy sinh dũng cảm chống kẻ thù, nuôi dưỡng, tiếp tế, bảo vệ cán bộ của các cơ sở quần chúng ở M'lon, Lạc Lâm Làng, D'Ran, Trạm Hành, Cầu Đất... của cơ sở quần chúng hoạt động trong bộ máy của chính quyền địch đã giúp cho cách mạng giữ vững đường dây bí mật trong những ngày gay go quyết liệt. Thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cũng chính là thắng lợi của tình đoàn kết kinh thượng, của các dân tộc anh em sống trên mảnh đất Đon Dương vì sự nghiệp cách mạng.

Đảng bộ và nhân dân Đon Dương vô cùng tự hào vì có những cán bộ, chiến sĩ ưu tú đã vượt qua khó khăn, thử thách, bám dân bám đất, mặc dù đói cơm lạt muối nhưng với ý chí và quyết tâm cao vẫn kiên trì vận động quần chúng đấu tranh chống địch. Tình thương yêu đồng chí sâu đậm, nghĩa lớn đồng bào là yếu tố vun đắp tinh thần cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ, là nguồn động viên mỗi người vượt qua khó khăn, gian khổ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh những thắng lợi đạt được, quá trình vận động cách mạng ở Đon Dương cũng còn bộc lộ một số nhược điểm: Trong thời gian đầu, do hoàn cảnh lịch sử không cho phép, do tính chất cuộc kháng chiến gay go quyết liệt phải rút toàn bộ lực lượng xuống Ninh Thuận, tuy là giải pháp bắt buộc nhưng cũng làm khó khăn cho việc xây dựng thế đứng chân, móc nối cơ sở tại chỗ về sau. Quá trình vận động cách mạng ở địa phương mặc dù có nhiều phức tạp nhưng việc mở phong trào trên địa bàn huyện tiến hành chậm so với các nơi trong tỉnh đã ảnh hưởng đến sự nối thông liên lạc, chỉ đạo của Ban cán sự Cực Nam, Liên khu V với phong trào Đà Lạt, Lâm Viên trong thời kỳ đó. Trong vùng đồng bào dân tộc, công tác móc nối cơ sở, xây dựng cốt cán một mặt gặp nhiều khó khăn, mặt khác do chưa chú trọng đúng mức

nên phong trào phát triển chậm. Trong suốt thời kỳ kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp, cơ quan chỉ đạo của tình ở xa, việc chưa thành lập được tổ chức Đảng cao nhất lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương đã hạn chế kết quả thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, tập hợp lực lượng quần chúng, vì vậy phong trào chưa bảo đảm tính liên tục, vững chắc. Thời kỳ chuyển quân tập kết do chưa lường hết tình hình nên không bố trí cán bộ tạo thế hoạt động hợp pháp tại chỗ, vì vậy việc đưa lực lượng trở lại gặp rất nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến xây dựng phong trào thời kỳ đầu kháng chiến chống Mỹ. Một chặng đường lịch sử đã qua, Đảng bộ và nhân dân Đôn Dương mãi ghi nhớ công lao của đồng bào, đồng chí đã hy sinh đời mình cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc. Đó là truyền thống, cũng là niềm tự hào của nhân dân các dân tộc Đôn Dương trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

PHẦN THỨ HAI NHÂN DÂN ĐƠN DƯƠNG TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (8.1954-4.1975)

CHƯƠNG I GIỮ VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO CÁCH MẠNG ĐỊA PHƯƠNG (7/1954-7/1961)

I. Phong trào đấu tranh đòi hòa bình ở Đơn Dương (tháng 3/1954 đến cuối năm 1955):

Thắng lợi vang dội của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã kết thúc chế độ thống trị tàn bạo của thực dân Pháp trên bán đảo Đông Dương. Ở Việt Nam, hiệp định Giơ-ne-vơ quy định lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời, sau 2 năm (1954-1956) sẽ tổng tuyển cử tự do, thống nhất đất nước.

Thất bại thảm hại của thực dân Pháp là thời cơ để đế quốc Mỹ thực hiện ý đồ hất chân Pháp, tiếp bước can thiệp, biến miền Nam nước ta thành thuộc địa và căn cứ quân sự của Mỹ. Để thực hiện âm mưu đó, chính quyền Mỹ ép chính phủ Pháp và Bảo Đại buộc thủ tướng bù nhìn Bửu Lộc từ chức, đưa Ngô Đình Diệm, người được Mỹ nuôi dưỡng lên thay thế. Đế quốc Mỹ tăng cường viện trợ kinh tế, huấn luyện quân ngũ, nuôi dưỡng bộ máy chính quyền.

Tình hình miền Nam sau hiệp định Giơ-ne-vơ có nhiều phức tạp. Các phe phái, giáo phái, tổ chức chính trị tranh giành nhau ảnh hưởng chính trị và quyền lợi kinh tế. Được sự bảo trợ của Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm lần lượt thanh toán các phe phái đối lập thân Pháp, chuyển sang tập trung đánh phá cách mạng miền Nam, phá hoại hiệp định đình chiến.

Mỹ-Diệm thực hiện chính sách “tổ cộng” nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, tổ chức mạng lưới kìm kẹp đến tận xã, ấp, mở các lớp truy bức tư tưởng, bắt ép quần chúng ly khai Đảng, ly khai cách mạng, từ đó phát hiện bắt bớ cán bộ, Đảng viên và những người yêu nước. Những vụ đàn áp diễn ra nhiều nơi ở miền Nam, giết hại hàng chục ngàn người, trong đó có cán bộ, Đảng viên.

Cách mạng Việt Nam đứng trước yêu cầu bức thiết: Chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

Trước khi hiệp định Giơ-ne-vơ chính thức được ký kết, hội nghị lần thứ 6 (khóa 2) Ban chấp hành Trung ương Đảng họp giữa tháng 6/1954 đã chỉ rõ

đối tượng cách mạng nước ta: “Đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới và hiện nay đang trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân Đông Dương⁽¹⁾”

Trong điều kiện kẻ thù khác trước, thế và lực giữa cách mạng và phản cách mạng đã thay đổi, Đảng ta đề ra phương hướng nhiệm vụ trước mắt “Lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh thực hiện hiệp định đình chiến, củng cố hòa bình, thực hiện tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, thực hiện thống nhất và tranh thủ độc lập”⁽²⁾. Hình thức và phương pháp hoạt động phải hết sức linh hoạt “tranh thủ hợp pháp với nửa hợp pháp, kết hợp công tác hợp pháp với công tác không hợp pháp... mở rộng công tác thành thị, giữ vững phát triển công tác nông thôn”⁽³⁾.

Tháng 9/1954, để phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới, Bộ chính trị Trung ương Đảng quyết định giải thể Trung ương Cục Miền Nam, lập lại xứ ủy Nam Bộ, giữ nguyên Liên khu ủy V và thành lập 4 liên tỉnh ủy trực thuộc Khu ủy, các tỉnh cực Nam Trung bộ được tổ chức thành liên tỉnh 3 do đồng chí Trần Lê, khu ủy viên làm Bí thư Ban cán sự liên tỉnh. Thời kỳ này, tỉnh Lâm Đồng trực tiếp chịu sự chỉ đạo của Liên tỉnh 3, tập trung chủ yếu là chỉ đạo phong trào ở Đà Lạt.

Lâm Đồng là một tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng của Tây Nguyên. Do đó không những dưới thời thực dân Pháp mà sau khi nắm quyền, Mỹ-Diệm đã tập trung xây dựng Lâm Đồng làm chỗ dựa lâu dài. Về hành chính, chúng chia lại địa giới một số quận để tăng cường kiểm soát. Các cơ quan hành chính tại Đà Lạt được cấp tốc củng cố: Tòa thị chính, ty cảnh sát, ngân khố... Tuy triển khai chính sách tổ cộng chậm hơn các tỉnh đồng bằng nhưng ở Đà Lạt và các nơi khác trong tỉnh tính chất không kém phần ác liệt. Dịch sử dụng bộ máy quân đội, cảnh sát, những tên ác ôn, chỉ điểm thực hiện chiến dịch tổ cộng. Nhân dân trong tỉnh bằng nhiều hình thức đấu tranh, hoặc không tham gia tổ cộng hoặc bị cưỡng ép đến lớp tập trung thì không thảo luận, tìm cách tố cáo tội ác của chúng...

Sau hiệp định đình chiến, hầu hết cán bộ, Đảng viên của tỉnh trong đó có những đồng chí hoạt động ở Đon Dương đều tập trung về chiến khu Lê Hồng Phong (Bình Thuận) chuyển quân tập kết.

Trước tình hình nhiệm vụ mới của cách mạng, Liên khu ủy V và liên Tỉnh ủy 3 chủ trương hướng dẫn quần chúng khắc phục khuynh hướng đầu

(1) Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ cứu nước-Tập 1 (1954-1965). NX.B sự thật Hà Nội trang 51.

(2), (3) Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ cứu nước-T1 (1954-1965) NXB Hà Nội 1985 trang 68 và 70.

tranh một chiều, tổ chức canh gác chống địch lòng sục, xây dựng căn cứ miền núi tạo thế đứng chân lâu dài cho phong trào địa phương.

Đơn Dương là một quận miền núi nằm về phía Nam, án ngữ đường lên Đà Lạt, nối liền giao thông với Ninh Thuận, Bình Thuận nên có vị trí chiến lược quan trọng đặc biệt. Tại đây, địch tập trung xây dựng lực lượng lính bảo an, cảnh sát, xây dựng nhiều đồn bót dọc đường 21 Bis, đường 11 từ Dran lên Đà Lạt tạo thế khống chế trong vùng. Bằng thủ đoạn tuyên truyền xuyên tạc, lừa bịp và cưỡng bức, địch đưa hàng ngàn đồng bào thiên chúa giáo, đồng bào dân tộc Nùng ở miền Bắc di cư vào Nam, bố trí các tụ điểm dọc theo đường giao thông và ở các vị trí quân sự quan trọng tại địa phương, hình thành vành đai bảo vệ xung quanh Đà Lạt. Trên đường 21 Bis lập khu di cư Lạc Lâm, Lạc Viên, Lạc Sơn, Châu Sơn; trên đường 11 lập khu Phát Chi gồm toàn đồng bào theo đạo thiên chúa giáo.

Mỹ-Diệm tập trung mở rộng, nâng cấp các công trình giao thông chính: Đường 20, 21Bis đoạn thị trấn Dran-Finôm, sửa chữa các sân bay Liên Khàng, B'Lo để dễ dàng cơ động, sẵn sàng đưa lực lượng quân sự đàn áp khi cần thiết. Các chi khu quân sự ở quận Dran và nhiều đồn bót được củng cố, xây dựng.

Chính quyền Ngô Đình Diệm xây dựng bộ máy hành chính quân sự, sử dụng quân đội, cảnh sát vũ trang, vũ khí trang bị đầy đủ, có hệ thống chặt chẽ từ trên xuống tận ấp. Chúng tiến hành phân loại các đối tượng xã hội, quản lý nhân hộ khẩu, lập thẻ căn cước nhằm mục đích thanh lọc nhân dân, truy tìm cơ sở, cán bộ, Đảng viên và những người tham gia kháng chiến, thực hiện chính sách tố cộng ở địa phương.

Để tăng cường cho Lâm Đồng, Thường vụ Liên Tỉnh Ủy 3 chọn một số cán bộ, Đảng viên chuẩn bị đi tập kết trở lại Đà Lạt làm nhiệm vụ gây cơ sở, xây dựng phong trào cách mạng. Tháng 10/1954, đoàn có 8 người theo đường hợp pháp lên mật khu 86 phía Đông Bắc thị xã Đà Lạt hoạt động. Nhiệm vụ chủ yếu của cán bộ, Đảng viên thời kỳ này là tạo thế hợp pháp, thâm nhập quần chúng, tham gia phong trào của công nhân, lao động đòi quyền lợi, dân sinh dân chủ. Qua đó từng bước đưa phong trào phát triển lên.

Tháng 3/1955, Ban cán sự Đảng Đà Lạt thành lập, đồng chí Đỗ Đạt Khoáng làm bí thư. Ban cán sự chủ trương sớm ổn định tổ chức, xây dựng cơ sở nội thị và phát triển ra vùng ven. Ban cán sự phân công đồng chí Hưu và Sấn trong đoàn cán bộ tăng cường cho Lâm Đồng về Đơn Dương hoạt động, lấy Đồng Thanh làm nơi liên lạc, tiếp nhận thư từ, công văn của cấp trên.

Đơn Dương có nhiều cơ sở quần chúng được xây dựng từ thời kỳ khởi nghĩa giành chính quyền và kháng chiến chống Pháp, nay chưa nối được liên lạc với tổ chức Đảng nhưng một lòng vẫn hướng về cách mạng. Trước tình

hình đó, cuối năm 1954, đồng chí Võ Trọng Yêm cán bộ của Đà Lạt về móc nối với cơ sở quần chúng ở ấp Hòa Bình, chuẩn bị điều kiện phát triển phong trào cách mạng ở đây. Bất chấp sự đàn áp, khủng bố của kẻ thù, trong một thời gian móc nối, xây dựng cơ sở của một số cán bộ, Đảng viên với cơ sở quần chúng ở địa phương, phong trào từ thị trấn D’Ran, Lạc Xuân, Lạc Lâm Làng đến M’Lơn, Bắc Hội tiếp tục được duy trì và phát triển. Trong bộ máy chính quyền quận, ta cài cắm được cơ sở nên nắm được tình hình để đối phó và biết đề báo cho những đồng chí đã bị lộ tung tích kịp thời lánh tránh sự khủng bố của địch.

Tháng 8/1954, nhiều trí thức ở Sài Gòn khởi xướng “Phong trào hòa bình Sài Gòn-Chợ Lớn” nhằm đấu tranh củng cố hòa bình, tổng tuyển cử tự do, thống nhất đất nước. Phong trào nhanh chóng lan rộng ra nhiều địa phương ở miền Trung. Để tạo thế đấu tranh cho quần chúng và hưởng ứng nhân dân Sài Gòn, một số Đảng viên và cơ sở ở Đà Lạt thành lập Ủy ban bảo vệ hòa bình. Tại Dran, các đồng chí Đảng viên và cơ sở quần chúng đã liên lạc tiếp nhận tài liệu tuyên truyền, giải thích các điều khoản của hiệp định đình chiến, tổ chức quần chúng đấu tranh. Phong trào sôi nổi từ Cầu Đất, D’Ran, Lạc Xuân và Lạc Lâm Làng, M’Lơn. Hình thức hoạt động cụ thể là rải truyền đơn, tán phát tài liệu đến nhân dân, binh lính ngục quyền, tuyên truyền nội dung hiệp định Giơ-ne-vơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử, tự do đi lại làm ăn. Truyền đơn được hàng trăm quần chúng và binh lính ngục chuyển tay nhau đọc.

Phong trào đấu tranh “Bảo vệ hòa bình” có chiều hướng phát triển thì bị lộ, địch tập trung đàn áp. Nhiều cơ sở của Đà Lạt bị vỡ lan xuống vùng ven. Tại Đơn Dương một cơ sở làm việc trong cơ quan hành chính quận do thiếu kinh nghiệm hoạt động bí mật đã dùng máy đánh chữ của quận đánh máy tài liệu, địch lần theo dấu vết truy tìm. Chúng bắt 13 cơ sở cách mạng bị tình nghi, trong đó có các ông Dương Tấn Đại, Vương Văn Dậu, Hồ Thời, Nguyễn Tài Khâm, La Ngân, Phan Huy Lượng, Toutiang Đôn, Nguyễn Hộ, Lê Văn Bé, Phan Cang và bà Cao thị Thu. Cảnh sát quân D’Ran lùng tìm đồng chí Võ Trọng Yêm nhưng nhờ được cơ sở bảo vệ nên đã thoát vây, theo đường sang Đức Trọng về Đà Lạt sau đó chuyển xuống Sài Gòn hoạt động.

Địch tập trung tù nhân về quận, bức cung rồi thả ra một số chúng cho là nhẹ tội, đưa số còn lại lên nhà lao Đà Lạt. Tại đây, sau phong trào đòi hòa bình, địch giam giữ trên 200 tù nhân, trong đó có những người bị bắt từ Plây-cu, Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk. Trước đòn roi tra tấn dã man của kẻ thù, những người yêu nước không khuất phục, tiếp tục đấu tranh chống sự hà khắc trong nhà tù, đòi cải thiện chế độ ăn uống. Cuối năm 1955, địch lập tòa án quân sự ở Nha Trang (Khánh Hòa) xét xử những người tham gia phong

trào đòi hòa bình ở Đon Dương, kêu án tù từ một năm đến một năm rưỡi, giam tại khám Chí Hòa và Nha Trang.

Phong trào đấu tranh bảo vệ hòa bình ở Đon Dương chỉ tồn tại trong vòng một tháng (11/1954) nhưng đã khơi dậy được tinh thần yêu nước, nguyện vọng mong muốn hòa bình của nhân dân. Phong trào sớm bị phát hiện và đàn áp là do chủ quan, thiếu kinh nghiệm tổ chức, tập hợp quần chúng. Sau khi địch khủng bố, các cơ sở quần chúng bị nghi vấn, một số ít cơ sở không bị lộ nhưng chưa hoạt động vì thiếu sự liên lạc chỉ đạo. Phong trào cách mạng ở Đon Dương tạm thời lắng xuống.

II. Củng cố lực lượng, chuyển hướng đấu tranh trong tình hình mới (1956-1961).

Sang năm 1956, tình hình cách mạng miền Nam có những khó khăn, phức tạp. Tháng 3/1956, được Mỹ xếp đặt, chính quyền Sài Gòn tổ chức tổng tuyển cử riêng rẽ, bầu quốc hội lập hiến, đến tháng mười cùng năm ban hành hiến pháp mới, bầu Ngô Đình Diệm làm tổng thống. Như vậy, Mỹ-Diệm đã xé bỏ hiệp định Giơp-ne-vơ, phá hoại hiệp thương thống nhất đất nước, biến miền Nam thành thuộc địa và căn cứ quân sự của Mỹ.

Tại Lâm Đồng và các tỉnh Tây Nguyên, chính quyền Ngô Đình Diệm tập trung lực lượng đánh phá phong trào cách mạng, đẩy mạnh chiến dịch tố cộng lên mức độ cao, mở rộng địa bàn hoạt động. Chúng phân loại đối tượng trong nhân dân, tổ chức các lớp tố cộng, cứ 100 người dân địch bố trí từ một đến hai cán bộ tố cộng tăng cường theo dõi giám sát. Đi đôi với chính sách diệt cộng, địch ra sức dụ dỗ, mua chuộc những người có tư tưởng cầu an hưởng lạc và bọn phản động trong các tôn giáo làm tay sai cho chúng. Tại ấp, địch lập từng nhóm liên gia từ 5 đến 10 hộ để dễ kiểm soát lẫn nhau. Chúng tăng cường bắt lính bổ sung cho ngụy quân, củng cố dân vệ, lôi kéo thanh niên vào lực lượng thanh niên chiến đấu ở xã, ấp. Hệ thống hành chính ngụy quyền được sắp xếp, củng cố từ trên xuống cơ sở. Vùng dân tộc, chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện chính sách “Dùng người dân tộc trị người dân tộc”. Địch thường xuyên càn quét, lùng sục các vùng căn cứ cũ, vùng trước đây ta đứng chân hoạt động. Cán bộ, Đảng viên và quần chúng cơ sở bị bắt bớ, tù đày, sát hại... Hoạt động của địch gây nhiều khó khăn cho phong trào cách mạng Đon Dương và trong tỉnh Lâm Đồng.

Trước chuyển biến tình hình ở miền Nam và để hỗ trợ cho phong trào quần chúng đấu tranh chính trị, chống địch đàn áp, khủng bố những người kháng chiến cũ, tháng 5/1956 Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đề ra nhiệm vụ, phương châm trong giai đoạn cách mạng mới. Đối với miền Nam, Bộ chính trị nêu rõ: Tuy tình hình trong toàn quốc hiện nay là đấu tranh chính trị nhưng như vậy không có nghĩa là không dùng vũ trang tự vệ trong hoàn cảnh nhất định... vì vậy cần củng cố lực lượng vũ trang và bán

vũ trang, xây dựng căn cứ cách mạng làm chỗ dựa, xây dựng cơ sở quần chúng vững mạnh làm điều kiện căn bản duy trì và phát triển lực lượng vũ trang.

Riêng vị trí chiến lược Tây Nguyên, giữa năm 1958 Trung ương Đảng ra chỉ thị: Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng không những đối với miền Nam mà còn cả Nam Đông Dương... là nơi có điều kiện tốt để xây dựng căn cứ cách mạng làm chỗ dựa cho phong trào miền Nam... phải giữ gìn và phát triển lực lượng, xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ cách mạng của ta ở miền Nam, phá tan âm mưu xây dựng trung tâm căn cứ của Mỹ-Diệm... Đó là nhiệm vụ trước mắt của Tây Nguyên.

Các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng năm 1956 và 1958 có tầm quan trọng đặc biệt đối với việc chuyển hướng đấu tranh của phong trào cách mạng ở miền Nam và Tây Nguyên.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, Liên khu ủy V tăng cường công tác xây dựng phong trào cách mạng Tây Nguyên, chủ trương phát triển phổ biến hình thức tự vệ vũ trang và hoạt động du kích ở những nơi có điều kiện thuận lợi.

Dưới sự chỉ đạo của Liên khu ủy V, Thường vụ liên tỉnh ba quyết định tăng cường đồng chí Lê Thanh Liêm, nguyên Bí thư tỉnh ủy Khánh Hòa về làm Bí thư Ban cán sự Đảng Đà Lạt. Sau khi củng cố, Ban cán sự Đà Lạt điều một số cán bộ bám xây dựng cơ sở theo dọc đường 20 nhằm duy trì đường dây liên lạc với Sài Gòn. Dựa vào quần chúng và vận dụng nhiều phương thức hoạt động linh hoạt, trong một thời gian ta đã phục hồi các cơ sở cũ, phát triển thêm 10 cơ sở mới ở vùng ven từ Định An đến Hiệp Thạnh, Đại Ninh. Đường dây công tác dọc đường 20 là một trong những hướng sau này phát triển phong trào sang địa bàn huyện Đơn Dương.

Sau khi đã tập trung đàn áp phong trào cách mạng ở các tỉnh đồng bằng miền Trung và Nam Bộ, đầu năm 1957, Mỹ-Diệm mở chiến dịch “Thượng du vận”, mục đích chủ yếu là tiến hành “tổ cộng” ở miền núi Tây Nguyên. Để thực hiện được mục tiêu, chính quyền Ngô Đình Diệm quyết định xóa bỏ chế độ “Hoàng triều cương thổ” của Bảo Đại, tăng cường chính sách tôn giáo hóa cả vùng kinh và vùng dân tộc, thực hiện âm mưu chia để trị, kích động hằn thù nhằm chia rẽ khối đoàn kết kinh thượng, xây dựng bộ máy kèm kẹp chặt chẽ hơn ở nông thôn và thành thị, đẩy mạnh hoạt động quân sự, bao vây cô lập lực lượng cách mạng.

Để củng cố ranh giới hành chính đồng thời tạo thế phòng thủ cho Đà Lạt, năm 1958, chính quyền Ngô Đình Diệm thành lập tỉnh Tuyên Đức, chia D’Ran thành 3 quận: Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương. Quận Đơn Dương gồm quận lỵ Đơn Dương và các xã Lạc Nghiệp, Lạc Lâm, Thạnh Mỹ, Linh gia, Kill Plagnol Thượng.

Như vậy, chính quyền Ngô Đình Diệm đã xây dựng hoàn chỉnh bộ máy hành chính ở Đơn Dương. Quận trưởng chỉ huy chung, có 2 quận phó và một sĩ quan quân sự giúp việc. Toàn quận có 6 xã được nhập lại từ các xã trước đây. Mỗi xã chúng bắt dân bầu hội đồng xã; đại diện xã chỉ định xã phó và người giúp việc gồm cảnh sát, quân sự, dân sự, tài chính. Từng ấp có ấp trưởng và 2 ấp phó, có lực lượng nhân dân tự vệ. Ngoài ra địch còn bố trí một đại đội cơ động của quận sẵn sàng ứng cứu khi cần thiết, một chi công an gồm cảnh sát, an ninh. Như vậy, về cơ bản địch đã tiến hành quân sự hóa bộ máy ngụy quyền. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh của nhân dân Đơn Dương chống địch khủng bố những người kháng chiến, cơ sở cũ cách mạng, đòi được yên ổn làm ăn vẫn diễn ra khắp nơi trong quận.

Trong những năm thực hiện “tố cộng” ở miền Trung, chính quyền Ngô Đình Diệm đã thẳng tay bắn giết, bỏ tù nhiều cán bộ kháng chiến cũ và cơ sở cách mạng. Trước tình hình khủng bố của địch, nhiều gia đình ở Quảng Nam và một số nơi khác phải lánh tránh, vào sống tập trung ở Quảng Lạc và nhiều xã ở Đơn Dương. Đây là những nơi có điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng phong trào cách mạng của Đơn Dương trong những năm kháng chiến chống Mỹ. Cũng thời kỳ này, sau khi củng cố nội thị, phong trào ở Đà Lạt phát triển, mở thêm nhiều cơ sở ven đô, đã có ảnh hưởng trực tiếp đến việc mở hướng đấu tranh, xây dựng cơ sở từ Đức Trọng sang Đơn Dương.

Cuối năm 1957, đồng chí Hứa Thanh Bình từ Quảng Nam vào, sau khi tạo thế sống hợp pháp đã bắt liên lạc với các đồng chí công tác đường 20 nhận nhiệm vụ móc nối cơ sở sang Quảng Lạc (Đơn Dương). Tại đây, cơ sở cách mạng bắt đầu hoạt động nhưng mới ở hình thức thấp như báo cáo tình hình địch cho ta, tổ chức quần chúng vào tổ vận công giúp nhau làm ăn để từ đó từng bước củng cố, vận động quần chúng tham gia cách mạng.

Tình hình miền Nam bước sang năm 1959 có những chuyển biến quan trọng, chính sách gây chiến của đế quốc Mỹ, hành động khủng bố đàn áp của chính quyền Ngô Đình Diệm đã làm cho nhân dân miền Nam vô cùng khổ khổ. Hòa bình, thống nhất đất nước là nguyện vọng thiết tha của toàn dân tộc.

Để đáp ứng yêu cầu bức thiết đó, ngày 15/1/1959 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) mở hội nghị lần thứ 15 xác định đường lối cách mạng trong giai đoạn mới của miền Nam “Giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam”⁽¹⁾. Hội nghị khẳng định: “Con đường của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu

(1) Văn kiện Đảng toàn tập, nxb CTQG. Hà Nội 2002, tập 20, trang 81

hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, lấy đấu tranh chính trị của quần chúng là chủ yếu kết hợp với lực lượng vũ trang đánh đổ sự thống trị của đế quốc và phong kiến, xây dựng nên chính quyền cách mạng của nhân dân”(1).

Tiếp đến, tháng 3/1959 Bộ chính trị ra chỉ thị đối với Tây Nguyên nêu rõ: Xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ vững chắc của cách mạng, tạo bàn đạp nối thông đường hành lang chiến lược từ miền Bắc vào Nam Bộ; Tây Nguyên phải xây dựng những căn cứ cách mạng, đẩy mạnh chiến tranh du kích, mở rộng và làm chủ vùng xung yếu. Hướng chính phải nỗ lực xây dựng là Nam Tây Nguyên.

Cuối năm 1959, Thường vụ liên tỉnh 3 cử đồng chí Lê Văn Hiền (Tám Hiền) lên Đà Lạt phổ biến nghị quyết 15 Trung ương cho một số cán bộ, Đảng viên tại căn cứ Xuân Thành. Nghị quyết của Trung ương Đảng đã giải đáp những quan điểm tư tưởng về đường lối, phương châm, phương pháp công tác, mở ra hướng đấu tranh cách mạng của địa phương trong tình hình mới.

Thực hiện nghị quyết 15, nhân dân miền Nam đã đẩy lên phong trào Đồng Khởi từ Bến Tre lan ra các tỉnh Nam Bộ, Tây Nguyên và một số tỉnh miền trung. Phối hợp với phong trào toàn miền, Ban cán sự liên tỉnh 3 phát động quần chúng nổi dậy phá các khu tập trung của địch, trở về làng cũ xây dựng căn cứ kháng chiến. Trong các năm 1959-1960, các tỉnh từ Khánh Hòa đến Bình Thuận vùng giải phóng được mở rộng với 23 xã, trên 30 ngàn dân thuộc các huyện Bác Ái, Khánh Sơn, Vĩnh Sơn, Tân Linh và một phần Di Linh tỉnh Lâm Đồng. Đồng thời Liên tỉnh 3 tích cực phát triển hướng Tuyên Đức, Lâm Đồng (cũ) nhằm xóa những vùng trắng, nối thông đường hành lang chiến lược Bắc Nam và Nam Tây Nguyên với miền Đông Nam Bộ, tạo thuận lợi cho sự chi viện của hậu phương lớn miền Bắc vào Nam.

Để tăng cường hướng Tuyên Đức, Liên tỉnh 3 bổ sung cán bộ từ miền Bắc tập kết trở về, chia làm 2 mũi lên làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở, phong trào cách mạng.

Mũi thứ nhất do đồng chí Đinh Sĩ Uẩn (Ba Thiệp) phụ trách có 5 đồng chí từ căn cứ Bác Ái (Ninh Thuận) mở hướng vùng đồng bào dân tộc ở các buôn Đồng Mang, Đa Tro, K'si phía Đông Bắc Đà Lạt lên xã Lát (Lạc Dương)

Mũi khác do đồng chí Nguyễn Lâm (Nguyễn Ứng) phụ trách có 3 đồng chí từ Tây Anh Dũng (Ninh Thuận) bắt liên lạc với cơ sở Proh, phát triển về phía Nam Đà Lạt. Mũi đồng chí Nguyễn Lâm tiến hành nắm tình hình vùng K'răng chớ, K'răng gô để làm bàn đạp tiến sang M'lơn nhưng bị địch

(1) Văn kiện Đảng- toàn tập –trang 82.

thường xuyên lòng sục ngăn chặn, gây khó khăn không lên được. Vì vậy, giữa năm 1960, cả hai mũi do đồng chí Nguyễn Lâm và Đinh Sĩ Uẩn phụ trách nhập lại thành một đội do đồng chí Đinh Sĩ Uẩn phụ trách phát triển lên hướng phía Bắc Đầm Ròn, xây dựng cơ sở, bắt liên lạc với lực lượng của Liên tỉnh bốn từ Đắc Lắc phát triển xuống.

Đầu năm 1961, đồng chí Lê Dũng và một tiểu đội vũ trang từ miền Bắc chi viện gồm những cán bộ, chiến sĩ tập kết trở về miền nam chiến đấu, được tăng cường một số cán bộ của tỉnh Ninh Thuận, thành lập đội 80 đứng chân tại phía Tây huyện Anh Dũng (Ninh Thuận) thay mũi đồng chí Nguyễn Lâm xây dựng phong trào huyện Đơn Dương. Nhiệm vụ của đội là tuyên truyền vận động quần chúng, diệt ác, phá kềm, móc nối xây dựng lại cơ sở ở P'roh. Từ P'roh, đội vũ trang phát triển móc nối với cơ sở vùng M'lon, Thạnh Mỹ, Đồng Thạnh nhưng địch kềm kẹp không chế gắt gao nên quần chúng không mạnh dạn liên lạc với ta. Do phát triển hướng này gặp khó khăn, đội 80 tiến xuống phía Nam thuộc xã Tà Năng, Tà In. Ở đây ngày đêm ta vào được, lực lượng vũ trang của ta tước vũ khí, diệt một đồn địch, làm chỗ dựa cho quần chúng đấu tranh và làm bàn đạp tiến lên hướng Đức Trọng.

Đầu năm 1961, tại phía Bắc Đà Lạt, đội công tác của Liên tỉnh 3 bắt liên lạc được với đội vũ trang tuyên truyền của liên tỉnh 4 từ Đắc Lắc phát triển xuống. Hai đội công tác tiếp tục mở rộng phong trào ở hầu hết vùng đồng bào dân tộc hướng Đông Bắc và Tây Đà Lạt, Đức Trọng, nối liền với căn cứ phía Nam Đắc Lắc. Sau bao ngày gian nan, cán bộ, chiến sĩ phải chịu đựng hy sinh thiếu thốn bám dân gây cơ sở, việc nối thông đường hành lang Liên tỉnh ba và Liên tỉnh bốn đã tạo điều kiện đẩy mạnh phong trào cách mạng của hai địa phương, hỗ trợ cho tỉnh Tuyên Đức trong đấu tranh chính trị và củng cố thực lực cách mạng tại chỗ. Kết quả đó còn là điều kiện thuận lợi để từ Đức Trọng phát triển sang xây dựng địa bàn Đơn Dương, nơi bị địch không chế mà các hướng có khó khăn chưa lên được.

Tại Đơn Dương, cuối năm 1960 đầu năm 1961, chính quyền Sài Gòn triển khai xây dựng thủy điện Đa Nhim. Để bảo đảm an toàn việc xây dựng, địch bố trí lực lượng mạnh và tập trung quân bảo vệ. Chúng đóng một đại đội bảo an khu vực đồi Lạc Thiện, dựa ưu thế điểm cao không chế toàn thị trấn, một tiểu đoàn lính cộng hòa tại Quảng Lạc có nhiệm vụ bảo vệ công trình và đốc thúc nhân công, một đại đội lính cộng hòa khác canh gác kho tàng, cơ sở vật chất, bảo vệ chuyên viên kỹ thuật người Nhật tại cư xá Đa Nhim. Quận lỵ Đơn Dương có lực lượng chính quyền quận và lực lượng quân sự hỗ trợ khi xảy ra tác chiến.

Để đẩy mạnh phong trào đang phát triển ở các tỉnh Cực Nam, tạo thuận lợi mở mang, mở vùng tại Tuyên Đức, giữa năm 1961 Liên tỉnh 3 quyết định

đánh quận lỵ Đơn Dương. Việc tập kích địch ở Đơn Dương nhằm mục đích phối hợp với chiến trường toàn miền và rút kinh nghiệm mở đầu cho những trận đánh tiếp theo đạt kết quả cao hơn, tiêu diệt sinh lực địch, thu vũ khí, cơ sở vật chất trang bị cho bộ đội của ta đang khó khăn. Trận đánh thắng lợi còn để gây niềm tin cho quần chúng, tạo đà xây dựng cơ sở. Đánh điểm Đơn Dương có tác dụng làm hoang mang quân địch tại Đà Lạt, Phan Rang vì đây là vị trí ngã ba liên hoàn với thế quân sự ở các địa phương trên.

Đánh quận lỵ Đơn Dương là lực lượng vũ trang của Liên tỉnh ba do đồng chí Mười Trung, ủy viên Ban Thường vụ và một số cán bộ của Liên tỉnh ba chỉ huy. Nửa đêm 15 rạng ngày 16/5/1961, ta nổ súng tấn công. Sau khoảng 30 phút, ta làm chủ trận địa ở một số mũi đánh địch, một số hướng khác do gặp khó khăn không tiếp cận được mục tiêu. Kết quả, bộ đội của Liên tỉnh ba đã tiêu diệt và làm bị thương nhiều tên, bắt sống quận trưởng Trần Lưu Dư, phá hủy một xe jeep, thu 27 súng các loại, đạn dược, tài liệu, phá hỏng một số phương tiện kỹ thuật.

Trận đánh vào quận lỵ Đơn Dương tuy chưa đạt yêu cầu đề ra nhưng mang nhiều ý nghĩa quan trọng. Lần đầu tiên lực lượng vũ trang cách mạng tấn công vào cấp quận ở Tuyên Đức thắng lợi, củng cố thêm lòng tin của quần chúng đối với cách mạng. Nhân dân ven Đà Lạt, nhất là ở Lạc Dương rất phấn khởi, tạo đà hỗ trợ phong trào xây dựng cơ sở trong vùng. Quân địch tinh thần hoang mang, giảm sút. Mười ngày sau chúng mới tiến hành tăng cường lực lượng, cấm người vào ra quận lỵ, tổ chức càn quét ở các khu vực như Đập La, La Bá, Lâm Tuyên và đường 11 lên Đà Lạt. Bên trong, địch củng cố bộ máy, canh phòng cẩn mật hơn.

Phối hợp với cuộc tấn công vào quận lỵ, lực lượng Ninh Thuận cùng đội vũ trang tuyên truyền 80 đột nhập vào M'lon móc nối cơ sở và đón lực lượng của khu nhưng do quân địch ở đây còn mạnh, cơ sở M'lon chưa xây dựng vững, ta tiêu hao một số ít sinh lực địch rồi rút về Proh, Tà Năng. Sau một thời gian đứng chân tại căn cứ, tháng 2/1961, chấp hành mệnh lệnh của Liên tỉnh ba, đội 80 lên sáp nhập với tỉnh Tuyên Đức nhận nhiệm vụ mới, để lại một tổ ba cán bộ làm nòng cốt xây dựng phong trào vùng Proh, Tà Năng.

Những năm đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, phong trào cách mạng ở Đơn Dương gặp nhiều khó khăn, bị địch khống chế, truy lùng gắt gao, tuy được lực lượng Liên tỉnh ba tăng cường, các đội công tác tích cực mở hướng lên Đơn Dương nhưng phong trào vùng kinh vẫn chưa phát triển được. Kiên trì bám trụ, không quản ngại hy sinh, gian khổ, cán bộ chiến sĩ hoạt động ở Đơn Dương đã xây dựng cơ sở, củng cố địa bàn đứng chân, từng bước phát triển phong trào cách mạng vùng dân tộc. Tuy vậy, những tổn thất thời kỳ đầu chống Mỹ của phong trào cách mạng Đơn Dương là vì ta chưa lường hết âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, chưa kết hợp chặt chẽ cơ sở

bên trong với các đội vũ trang tuyên truyền bên ngoài để xây dựng cơ sở, phát triển thực lực cách mạng tại chỗ, đưa phong trào từng bước đi lên.

CHƯƠNG II

TÍCH CỰC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG, ĐẨY MẠNH ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ KẾT HỢP ĐẤU TRANH VŨ TRANG (Tháng 6/1961-1968)

I. Từ phong trào đấu tranh chính trị, đẩy mạnh phát triển cơ sở cách mạng, chống âm mưu dồn dân lập ấp chiến lược của địch (1961-1968):

Sau phong trào Đồng Khởi của nhân dân miền Nam, tình hình cách mạng chuyển biến mạnh mẽ. Thắng lợi giành được từ phong trào Đồng Khởi đã làm thay đổi cục diện chiến tranh, ta từ thế giữ gìn xây dựng lực lượng đã chuyển sang tấn công địch cả về chính trị, quân sự rộng khắp toàn miền. Tại các tỉnh Tây Nguyên và Cực Nam Trung Bộ, phong trào đang trên đà phát triển, nhiệm vụ xây dựng bàn đạp, mở hành lang chiến lược được đẩy mạnh.

Để tập trung sự chỉ đạo đối với vùng Nam Tây Nguyên, một địa bàn quan trọng nối liền miền Đông Nam Bộ có tác dụng bao vây, khống chế Sài Gòn và xây dựng căn cứ phát triển lực lượng làm chỗ dựa cho cách mạng miền Nam, tháng 7/1961, Bộ chính trị Trung ương Đảng quyết định sáp nhập Liên tỉnh ba với tỉnh Đắk Lắk của Liên tỉnh bốn thành lập Khu ủy VI trực thuộc Trung ương cục miền Nam⁽¹⁾.

Tiếp đó, tháng 8/1961 Khu ủy VI quyết định thành lập Tỉnh ủy Tuyên Đức gồm các đồng chí tỉnh ủy viên: Đinh Sĩ Uẩn, Nguyễn Ứng (Nguyễn Lâm), Lê Văn Phận, Nguyễn Xuân Khanh. Một thời gian sau, đồng chí Huỳnh Minh Nhật về làm Bí thư Tỉnh ủy. Phạm vi chỉ đạo của Tỉnh ủy Tuyên Đức là thị xã Đà Lạt và các huyện Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương, lấy phiên hiệu B8. Tỉnh ủy Tuyên Đức có nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ đường giao liên, xây dựng lực lượng cách mạng, xây dựng căn cứ và cơ sở vùng ven Đà Lạt, đưa phong trào cách mạng của Tuyên Đức-Đà Lạt phát triển lên những bước cao hơn, đồng đều với phong trào của chiến trường khu VI.

(1) Khu ủy VI bao gồm các tỉnh Đắk Lắk, Quảng Đức, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Tuyên Đức.

Trong năm 1961, lực lượng quân sự của ta ở chiến trường miền Nam phát triển mạnh mẽ, quân giải phóng càng đánh càng mạnh, đẩy địch vào thế bị động, mất nhiều vùng làm chủ ở nông thôn. Để đối phó với tình hình và hòng làm thay đổi cục diện chiến trường, mở rộng chiến tranh xâm lược, đế quốc Mỹ triển khai chiến lược “chiến tranh đặc biệt” mà quốc sách là “lập ấp chiến lược”. Kế hoạch Stalay-Taylor ra đời, với mưu đồ bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.

Quận lỵ Đơn Dương có vị trí quan trọng án ngữ phía Nam và là ngã ba nối đường hành lang từ đồng bằng Ninh Thuận, Bình Thuận lên Đà Lạt. Ở đây địch tập trung lực lượng quân sự mạnh và coi là một trong những trọng điểm bình định của chúng ở Tuyên Đức.

Sau khi bị lực lượng Liên tỉnh ba đánh vào quận lỵ, cuối tháng 5/1961 địch củng cố các đơn vị chiến đấu ở Đơn Dương và những khu vực thuộc quận D’Ran cũ để tạo thế liên hoàn tác chiến trong vùng. Chúng đưa một tiểu đoàn bộ binh thuộc sư đoàn 23 ngự về chốt giữ ở Phú Thuận. Địch tiếp tục bổ sung quân số cho tiểu đoàn, đại đội lính cộng hòa khu vực thủy điện Đa Nhim và đại đội lính bảo an trên điểm cao đồi Lạc Thiện, thành lập Ty cảnh sát Đa Nhim với nhiệm vụ bảo vệ công trình thủy điện, thanh lọc đội ngũ công nhân xây dựng công trình. Tại các xã dọc đường 21 Bis, chúng tổ chức các trung đội bảo an tăng cường cho phân chi khu M’lơn.

Từ cuối năm 1961 đến đầu năm 1962, địch dồn dân khu vực La Bá, xóm giữa xóm ngoài Quảng Lạc về Ka Đô đồng thời với việc xúc tiến xây dựng thủy điện Đa Nhim. Để làm công trình, chính quyền Sài Gòn tuyển mộ nhân công nhiều nơi nhưng đông nhất vẫn là lao động ở Đơn Dương. Thời kỳ này, công nhân và cơ sở cách mạng có tổ chức các hình thức đấu tranh, chủ yếu là đòi quyền lợi và chống bóc lột. Bọn chủ thầu công trình thủy điện ép công nhân làm việc ngày từ 9 đến 10 giờ, trả lương thấp, kiểm soát chặt chẽ mọi sinh hoạt. Không chịu sự bất công đó, công nhân thành lập ban đại diện đấu tranh buộc chủ phải thực hiện ngày làm việc 8 giờ, trả lương và tăng lương cho những công việc nặng nhọc, độc hại trong hầm lò. Giới chủ chấp nhận yêu sách.

Ka Đô là vùng đất chưa khai thác. Khi chuyển dân vào, địch chia làm 3 khu vực: Quảng Hiệp, Nghĩa Hiệp, Nam Hiệp. Vùng Quảng Hiệp đa số nhân dân ấp Quảng Lạc. Do biết ở đây có nhiều cơ sở cách mạng, chúng phân biệt đối xử. Chính quyền ngụ dân Quảng Hiệp sang Nghĩa Hiệp, cơ sở quần chúng của ta đã vận động nhân dân đấu tranh buộc chính quyền ngụ phải đền bù số tiền di chuyển đúng như những nơi khác, cày ủi số đất cho những hộ còn thiếu, chống âm mưu lấy đất lập đồn điền.

Tại tỉnh Tuyên Đức, vào thời điểm cuối năm 1961, địch hành quân bình định vùng B (Bắc Đà Lạt), ta tiến hành phát động quần chúng giữ dân, vì

vậy sang đầu năm 1962, vùng làm chủ trong tỉnh đã mở rộng từ Đông và Bắc thị xã Đà Lạt đến phía Tây Đức Trọng nối liền với phía Nam tỉnh Đắk Lắk. Phong trào đô thị và vùng ven Đà Lạt dần dần được khôi phục, đường hành lang của tỉnh với Khu ủy VI nối thông. Đó là điều kiện vô cùng thuận lợi cho phong trào của Tuyên Đức tiến lên những bước mới, nhất là trong việc giành dân, lấn đất tranh chấp với địch.

Tuy nhiên, trong năm 1962 địch cũng tập trung thực hiện kế hoạch bình định ở thị xã Đà Lạt và cả 3 quận của Tuyên Đức. Một số nơi chúng xây dựng thí điểm áp chiến lược như Đồi Mới (Đơn Dương), Gia Thạnh (Đức Trọng), Bnơh A (Lạc Dương) và xây dựng áp kiểu mẫu trong các khu tập trung dân ở xã Lát, Du Tơ Nang (Lạc Dương). Địch tăng cường hoạt động quân sự, sử dụng các đơn vị vũ trang càn quét sâu vào căn cứ của ta, dồn dân về vùng do chúng kiểm soát. Đi đôi với lập áp chiến lược, chính quyền ngụy tiến hành phân loại quần chúng, lập sổ đen theo dõi những gia đình tham gia kháng chiến, kiểm soát chặt chẽ các liên gia, cài cắm chỉ điểm, phân hóa chia rẽ nhân dân với cách mạng.

Trước tình hình đó, để kịp thời đánh bại âm mưu của địch, đầu tháng 3/1962, Tỉnh ủy Tuyên Đức họp mở rộng với ban cán sự Tỉnh đội đánh giá phong trào cách mạng địa phương, xác định phương hướng trong thời gian tới. Sau khi phân tích những thuận lợi, khó khăn, hội nghị đề ra nhiệm vụ: Vừa tranh thủ củng cố vùng làm chủ, chống địch dồn dân lập áp chiến lược đồng thời đẩy mạnh hoạt động trong vùng địch kiểm soát, mở rộng vùng ven Đà Lạt. Hội nghị chỉ rõ chủ trương cụ thể ở từng vùng, vận động quần chúng đấu tranh chính trị kết hợp với hoạt động của lực lượng vũ trang tiêu hao sinh lực địch, diệt ác, trừ tà, hỗ trợ cho nhân dân đấu tranh chống dồn dân lập áp chiến lược.

Cuộc đấu tranh chống địch bình định, dồn dân diễn ra vô cùng quyết liệt trên địa bàn tỉnh trong suốt năm 1962. Tuy nhiên, đến giữa năm 1963, địch đã xây dựng tại Đơn Dương một số áp chiến lược kiểu mẫu, dùng lực lượng quân đội, cảnh sát, dân vệ cường bức rào làng lập áp ở Phú Thuận, Hòa Bình, Lạc Xuân, Đồng Thạnh, M'lon... chúng thường xuyên có lực lượng kiểm soát hoạt động của dân trong các áp chiến lược vùng nông thôn, phát hiện trấn áp cơ sở, ngăn chặn quần chúng liên lạc, móc nối với cách mạng. Đi đôi với chính sách dồn dân, lập áp chiến lược, địch còn dùng nhiều thủ đoạn mua chuộc bằng vật chất, chữa bệnh không lấy tiền dưới danh nghĩa từ thiện để tranh thủ lòng dân. Trong vùng đồng bào dân tộc, chúng đào tạo hàng loạt mục sư, thầy giảng đạo tin lành, dùng thần quyền giáo lý đầu độc quần chúng, tuyên truyền xuyên tạc chia rẽ bà con dân tộc với cách mạng. Trước âm mưu thủ đoạn của địch, cuộc đấu tranh của nhân dân Đơn Dương

chống quốc sách “lập ấp chiến lược” đã diễn ra dai dẳng, quyết liệt trong nhiều năm để xây dựng cơ sở, phong trào cách mạng.

Trên phạm vi toàn tỉnh Tuyên Đức, 1963 là năm địch tập trung phản kích ác liệt, vừa gom dân chúng vừa sử dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ lương thực, thực phẩm, ngăn chặn vận chuyển từ nơi này đến nơi khác không để nhân dân tiếp tế cho cách mạng. Biện pháp triệt tiêu về kinh tế của địch làm nhiều nơi trong vùng giải phóng của tỉnh thiếu đói nghiêm trọng, các đơn vị phải ăn rau rừng thay cơm, địa bàn hoạt động của ta bị thu hẹp do địch đánh phá ác liệt.

Trước tình hình đó, tháng 5/1963 Khu ủy VI quyết định giải thể Tỉnh ủy Tuyên Đức, rút gọn bộ máy thành Ban cán sự Tuyên Đức-Đà Lạt. Phạm vi, nhiệm vụ chỉ đạo của ban cán sự tập trung cho phong trào Đà Lạt, trên trục đường 11, 20, 21Bis và một số địa bàn vùng đồng bào dân tộc của tỉnh. Mạng Tây Bắc Đức Trọng giao cho tỉnh Quảng Đức chỉ đạo. Đội công tác do đồng chí Lê Dũng phụ trách từ phía Tây Bắc chuyển về hoạt động gây cơ sở Bắc đường 20, tạo thế đứng chân cho Đà Lạt. Từ địa bàn này các đồng chí phát triển sang hướng Đơn Dương tổ chức móc nối gây cơ sở.

Điểm lại, từ cuối năm 1959 đến cuối năm 1961, sau một thời gian mở vùng xây dựng cơ sở, các đội vũ trang tuyên truyền do đồng chí Nguyễn Lâm, Lê Dũng phụ trách đã cố gắng mở hướng từ phía Tây Ninh Thuận lên Đơn Dương nhưng mới xây dựng được phong trào vùng dân tộc, khu vực đồng bào kinh dọc đường 21 Bis một mặt bị địch càn quét vòng ngoài cản trở, mặt khác do quần chúng bị theo dõi khống chế, nhiều lần lực lượng ta vào móc nối ở M'lon, Đồng Thanh nhưng cơ sở chưa dám mạnh dạn liên lạc. Vì vậy, từ năm 1962 trở đi, việc phát triển phong trào cách mạng trong vùng kinh ở Đơn Dương đứng trước yêu cầu khẩn trương hơn. Năm 1963, được sự chỉ đạo của Ban cán sự Đảng Tuyên Đức-Đà Lạt, một bộ phận công tác đứng chân tại Xuân Trường do đồng chí Nguyễn Lâm phụ trách đã liên lạc, giao nhiệm vụ cho đồng chí Đoàn Hải (Tám Hải) là cán bộ cơ sở xuống định cư khu vực Eo Gió, Phú Thuận (Lạc Nghiệp) để chấp nối xây dựng các cơ sở, trong đó có những cơ sở quần chúng bị mất liên lạc nay trở lại hoạt động như Trương Bửu, Hà Văn Phú, Cao Hòa (Cao Heo). Về sau phát triển thành chi bộ Đảng ở Phú Thuận.

Đầu năm 1964, đội công tác Bắc đường 20 rút đồng chí Hứa Thanh Bình thoát ly và giao nhiệm vụ móc nối liên lạc với cơ sở cách mạng ở Ka Đô, chủ yếu là ấp Quảng Hiệp. Quảng Hiệp là ấp có nhiều gia đình tham gia cách mạng từ thời kỳ chống Pháp và đầu chống Mỹ bị địch khủng bố phải lánh tránh đến Đơn Dương. Việc chọn Quảng Hiệp để xây dựng phong trào có nhiều thuận lợi, ở đây dân đông, địch không khống chế được quần chúng, đường liên lạc ra căn cứ thuận tiện... Sau khi móc nối được cơ sở tại Quảng

Hiệp, đội vũ trang tuyên truyền đường 20 thành lập một mũi công tác gồm các đồng chí Nguyễn Văn Tâm (Sáu Tuấn), Hứa Thanh Bình, đồng chí Kim, trực tiếp hoạt động ở vùng Ka Đô, Bắc Hội. Từ các cơ sở ở Quảng Hiệp, các đồng chí đã phát triển phong trào sang một số cơ sở ở Nghĩa Hiệp. Đường dây Đức Trọng qua Bắc Hội đến Ka Đô đã nối thông liên lạc, tạo thuận lợi cho sự chỉ đạo của Ban cán sự Đảng Tuyên Đức-Đà Lạt đối với địa bàn Đơn Dương. Phong trào cách mạng được xây dựng ngày càng phát triển, cơ sở quần chúng tích cực hoạt động, cung cấp cho ta tình hình địch, nuôi dưỡng cán bộ, dự trữ lương thực, thực phẩm tiếp tế cho cách mạng.

Như vậy, sau khi tích cực thực hiện chủ trương của Ban cán sự Đảng Tuyên Đức-Đà Lạt, phong trào cách mạng vùng đồng bào kinh Đơn Dương đã có bước phát triển, ta xây dựng được cơ sở ở Quảng Hiệp, Phú Thuận, Bắc Hội và một số nơi khác, tập hợp quần chúng vào các tổ chức cách mạng làm nhiệm vụ tiếp tế, bảo vệ cán bộ, chuẩn bị lực lượng tại chỗ cho kháng chiến những năm tiếp theo.

Nhận biết phong trào cách mạng trong huyện đang phát triển, địch thường xuyên đem quân lùng sục nhằm phát hiện cơ sở và đường dây liên lạc từ trong ra căn cứ. Để tạo thế hoạt động hợp pháp, một số cơ sở quần chúng ở Ka Đô đã đấu tranh với giáo hội Phật giáo của quận để thành lập hội gia đình Phật tử. Hội do đồng chí Huỳnh Hạnh làm trưởng ban nghi lễ, đồng chí Huỳnh Minh Xuyên làm huynh trưởng. Hội thực chất là một tổ chức quần chúng cách mạng, hoạt động lấy chùa Giác Ngộ làm nơi hội họp. Hội vận động phần lớn thanh niên trong xã, áp tham gia hoạt động cách mạng, nhiều người thoát ly ra căn cứ.

Từ 1961 đến 1964, qua 4 năm thực hiện bình định, về cơ bản địch đã gom dân lập ấp chiến lược ở các khu vực xung quanh Đà Lạt và các quận Lạc Dương, Đức Trọng, Đơn Dương. Để thực hiện nhiệm vụ mở mang, giành dân, dưới sự chỉ đạo của Ban cán sự Đảng Tuyên Đức-Đà Lạt, tháng 7/1964 lực lượng vũ trang của tỉnh đội đã đột nhập vào nhà máy chè Cầu Đất, ấp Đất Làng, Xuân Sơn (Xuân Trường) bắt bọn tề điệp, giải tán bộ máy kèm, phát động quần chúng gây cơ sở. Trên đường 20, đội vũ trang tuyên truyền đột áp, tấn công vào một trung đội dân vệ và phân ban chi khu nguy tại Fi Nôm, làm cho tề điệp hoang mang, hỗ trợ tích cực cho phong trào cách mạng của Đơn Dương, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân vùng đồng bào kinh tự phá gỡ hàng rào, làm mất tác dụng của ấp chiến lược.

Cùng thời gian này, tình hình xây dựng thực lực cách mạng, xây dựng cơ sở phát triển đồng đều từ vùng kinh đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số, từ Proh, Krăng chớ, Krăng gô đến vùng Loan, Tà Hine, Tà Năng và dọc đường 21Bis. Tại Đrôn (Thanh Mỹ), một ấp có 35 hộ người dân tộc, nhiều lần địch dồn dân ra trục đường 21 Bis nhưng không thực hiện được, chúng lập ấp

chiến lược, phát súng cho dân, đồng bào đã đỡ bỏ áp chiến lược, không nhận súng, làm thất bại âm mưu lập áp chiến lược của địch ở đây. Từ phong trào đấu tranh của quần chúng, ta tuyên truyền vận động xây dựng cơ sở, nhân dân đã kịp thời thông báo tình hình địch cho cách mạng. Tại các ấp ở Lạc Nghiệp, Lạc Xuân, Ka Đô, K'Đơn, Bắc Hội đồng bào đấu tranh với một số chức sắc người dân tộc bao chiếm đất đai. Cuộc đấu tranh diễn ra quyết liệt trong nhiều năm đòi quyền lợi của đồng bào đã thu được kết quả.

Vừa xây dựng vừa củng cố, kết hợp hoạt động vũ trang diệt ác trừ gian với mở mang mở vùng xây dựng cơ sở, phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ nhiều nơi ở Tuyên Đức. Tại một số ấp, các đoàn thể quần chúng được thành lập và đi vào hoạt động, bảo đảm đường dây liên lạc, tiếp tế cho đơn vị ở căn cứ. Bọn tề điệp không còn hung hăng không chế quần chúng như trước. Cùng với phong trào cách mạng trong tỉnh, cơ sở quần chúng ở Ka Đô, Lạc Nghiệp, Xuân Trường được xây dựng đã có tác động hỗ trợ lẫn nhau, tạo thành vùng đứng chân phía Nam thị xã Đà Lạt, giúp cho sự phát triển phong trào cách mạng tiến lên đồng đều trong toàn tỉnh. Cuối năm 1964, thực lực tại chỗ ở Đơn Dương đã có bước phát triển mới.

II. Thành lập ban cán sự Đảng Đơn Dương, tiếp tục phát triển lực lượng và mở rộng địa bàn làm chủ (1965-1967):

Đầu năm 1965 chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” đứng trước nguy cơ thất bại. Trên các chiến trường từ Quảng Trị đến Nam Bộ, quân và dân ta đã tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận lớn sinh lực địch. Hồng cứu nguy cho chế độ Sài Gòn khỏi sụp đổ, đế quốc Mỹ quyết định đưa quân can thiệp trực tiếp vào miền Nam Việt Nam, chuyển từ chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” sang “Chiến tranh cục bộ”. Hơn nửa triệu quân Mỹ, chư hầu ở miền Nam cùng với việc đẩy mạnh chiến tranh phá hoại miền Bắc, đế quốc Mỹ và tay sai thực sự đã đưa cuộc chiến tranh xâm lược lên mức độ khốc liệt trên cả đất nước ta.

Tại chiến trường Tuyên Đức, địch tăng cường lực lượng, đưa các đơn vị pháo binh, biệt kích Mỹ và đại đội công binh Úc đến Đà Lạt, xây dựng trung tâm thông tin Núi Bà, đài ra đa Cầu Đất, mở rộng sân bay Cam Ly. Vùng nông thôn chúng thành lập thêm 12 đoàn bình định, đưa tổng số lên 24 đoàn hỗ trợ cho bộ máy ngụy quyền các cấp. Địch liên tục càn quét, kiểm soát hoạt động của nhân dân trong các ấp chiến lược hòng đẩy các đội công tác của ta ra khỏi địa bàn có cơ sở quần chúng.

Ở Đơn Dương, ngụy quyền tăng cường bộ máy từ quận đến ấp. Mỗi xã chúng bố trí từ một đến hai trung đội dân vệ làm chỗ dựa cho bộ máy kèm. Trên các trục đường 11, 21Bis và khu dân cư chúng xây dựng các cứ điểm do quân ngụy chốt giữ. Ngoài hệ thống hành chính, quân sự, địch còn hình thành các tổ chức chính trị như “Lực lượng cách mạng Việt Nam”, “Đoàn

thanh niên công tác xã hội”, “Đoàn cán bộ y tế” để một mặt lừa bịp, chia rẽ quần chúng với cách mạng, mặt khác dùng bọn này kết hợp với bọn an ninh các xã dò la tình hình nội bộ ta, tìm hiểu cơ sở để đánh phá phong trào cách mạng địa phương. Đi đôi với hoạt động quân sự, gián điệp, biệt kích, địch khống chế bán gạo cho dân, bỏ tiền mua vét lương thực, cấm vận chuyển hàng hóa từ nơi này đi nơi khác. Chính sách bao vây kinh tế của địch đã làm cho đời sống nhân dân nhiều vùng thiếu đói, việc tiếp tế cho cách mạng gặp nhiều khó khăn.

Mặc dù đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn đẩy mạnh chiến tranh bằng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, sau đó là “Chiến tranh cục bộ” nhưng lực lượng vũ trang miền Nam vẫn càng đánh càng mạnh, tương quan lực lượng thay đổi có lợi cho ta. Tại chiến trường khu VI, lực lượng vũ trang mở các chiến dịch Đông Xuân và hè năm 1965 với quyết tâm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, mở rộng vùng làm chủ ở nông thôn, tạo thế và lực mới. Ban cán sự Đảng Tuyên Đức-Đà Lạt chủ trương động viên quân và dân kết hợp đấu tranh vũ trang, chính trị với binh vận, tích cực phá kềm, phá áp chiến lược, tiêu hao và làm tan rã sinh lực địch. Đối với Đơn Dương và các quận đẩy mạnh phong trào quần chúng, xây dựng cơ sở, động viên một bộ phận thanh niên thoát ly tham gia cách mạng.

Thực hiện chủ trương của tỉnh, các đơn vị vũ trang đã tập kích một số nơi, gây cho địch nhiều thiệt hại: Tháng 1/1965 đánh đồn cảnh sát Trại Mát tiêu diệt một tiểu đội, ngày 12/3 tiêu diệt gọn trung đội dân vệ và phá áp chiến lược Hoạt (Đức Trọng), tháng 9/1965 tập trung lực lượng đánh đồn và phá áp chiến lược Tiêng Liêng (Lạc Dương)... Phía Nam Đà Lạt, phong trào của Đơn Dương tiếp tục được xây dựng, phát triển thêm 30 cơ sở quần chúng ở ấp Quảng Hiệp. Đường dây liên lạc, tiếp tế luôn bảo đảm, quần chúng dù bị địch kiểm soát, o ép nhưng vẫn tìm cách dự trữ lương thực, thực phẩm đưa ra ngoài cho cách mạng. Đợt đầu trong năm 1965, qua công tác vận động tại cơ sở, ta đã rút 36 thanh niên, quần chúng giác ngộ ở Ka Đô, Quảng Hiệp bổ sung cho các đội công tác, các cơ quan của tỉnh và huyện.

Để đáp ứng sự phát triển của phong trào cách mạng và yêu cầu chỉ đạo của địa phương, tháng 10/1965 Khu ủy VI quyết định thành lập lại Tỉnh ủy Tuyên Đức, giao mảng Đức Trọng đã cắt về Quảng Đức cho tỉnh. Đối với công tác tổ chức, đây là một sự kiện quan trọng nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở Tuyên Đức, đưa phong trào của tỉnh phát triển lên.

Sau khi thành lập, Tỉnh ủy tiến hành củng cố tổ chức, sắp xếp bộ máy nhằm bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với các địa bàn trong tỉnh. Cuối tháng 12/1965, tỉnh ủy mở hội nghị quán triệt các nghị quyết của Trung ương Đảng, nghị quyết Trung ương cục miền Nam và Khu ủy VI về tình hình Mỹ trực tiếp đưa quân can thiệp vào miền Nam Việt Nam. Hội nghị

đánh giá, kiểm điểm sự lãnh đạo trong năm 1965 và đề ra nhiệm vụ năm 1966.

Về tình hình năm 1965, hội nghị nhận định: Phong trào cách mạng trong tỉnh có bước chuyển biến, lực lượng vũ trang đã tích cực đột áp, phá kềm, đẩy mạnh công tác xây dựng cơ sở vùng ven thị xã Đà Lạt, nhất là ở các đường quốc lộ 11, 20, 21Bis. Tuy ta mở chưa nhiều các trận đánh, số lượng địch bị tiêu hao, tiêu diệt còn ít so với yêu cầu của chiến trường nhưng đã có tác dụng hỗ trợ phong trào quần chúng phá áp, diệt tề làm cho địch hoang mang lo sợ.

Đối với nhiệm vụ năm 1966, hội nghị chủ trương: Tiếp tục tiêu hao sinh lực địch, phá vỡ bộ máy kềm kết hợp với công tác xây dựng cơ sở bên trong, củng cố căn cứ vùng ven Đức Trọng, phát triển phong trào những nơi còn yếu, tạo đường hành lang phía Tây Nam nối với Đà Lạt.

Nhận thấy Đơn Dương phong trào tuy có phát triển nhưng chưa đồng đều với các nơi, tỉnh ủy quyết định tăng cường cán bộ để xây dựng cơ sở, mở rộng địa bàn làm chủ. Giữa năm 1966, đồng chí Chế Đăng, Lê Dũng và một số cán bộ, chiến sĩ được tỉnh tăng cường về hoạt động ở Đơn Dương. Ngày 10/6/1966, hội nghị Tỉnh ủy họp ở chân núi K'rét (Đức Trọng) quyết định thành lập Ban cán sự Đảng Đơn Dương, gồm 3 đồng chí, chỉ định đồng chí Chế Đăng làm bí thư và 2 ủy viên là đồng chí Lê Dũng, Sơn Hải. Sự ra đời của Ban cán sự Đảng có ý nghĩa rất quan trọng, sau mấy mươi năm bị gián đoạn Đơn Dương đã có tổ chức Đảng cao nhất lãnh đạo. Việc thành lập Ban cán sự Đảng là kết quả tất yếu của quá trình bền bỉ cách mạng, vượt qua gian lao thử thách, vừa xây dựng cơ sở, phong trào vừa từng bước hoàn thiện về mặt tổ chức của Đảng bộ Đơn Dương.

Sau khi thành lập, Ban cán sự đề ra một số chủ trương cấp bách trước mắt nhằm mở rộng địa bàn, phát triển lực lượng tại chỗ, chọn hậu cứ đứng chân bảo đảm hoạt động chỉ đạo phong trào. Ban chỉ đạo chia làm 2 bộ phận thực hiện nhiệm vụ.

Tháng 8/1966, đồng chí Lê Dũng được ủy nhiệm của Tỉnh ủy Tuyên Đức cùng một số cán bộ xuống liên hệ nhận lại địa bàn vùng Proh, Tu Tra trước đây Liên tỉnh 3 giao cho Ninh Thuận, đồng thời tiếp nhận một tiểu đội người dân tộc (Rắc Lay), có đồng chí Hoàng Trinh tăng cường cho Đơn Dương; nghiên cứu bố trí vị trí đứng chân cơ quan huyện ở vùng Ya Hoa. Khu vực này là căn cứ thuộc địa bàn huyện Anh Dũng giáp ranh với Đơn Dương, có điều kiện sản xuất tự túc, thuận lợi để móc nối liên lạc với đồng bào dân tộc phía Nam của huyện, từ đó phát triển lên cơ sở vùng kinh.

Đồng chí Chế Đăng phụ trách chung, nắm lại toàn bộ tình hình, củng cố đường dây cơ sở. Từ Ka Đô, đồng chí Chế Đăng cùng một số cán bộ móc nối lại cơ sở ở Phú Thuận do đồng chí Đoàn Hải xây dựng trước đây. Sau

một thời gian ngắn, cơ sở cách mạng đã phát triển đến ấp Hòa Bình, cây số 3 Lạc Xuân, Lạc Bình, trong đó có những quần chúng là cơ sở cũ từ thời kháng chiến chống Pháp hoặc đã hoạt động trong phong trào đòi hòa bình. Đường dây từ Bắc Hội qua Ka Đô đến Lạc Xuân đến Phú Thuận dần dần được nối thông, lực lượng quần chúng cách mạng phát triển.

Tháng 5/1966, một bộ phận 4 đồng chí do đồng chí Phi Sơn, cán bộ an ninh tỉnh đột nhập ấp Đồng Thạnh, tước 11 súng của dân vệ đóng tại ấp, cảnh cáo ấp trưởng trước dân, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng cho nhân dân.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển và mở rộng phong trào, trong năm 1966 Ban cán sự Đảng thành lập các mũi công tác từ 5-6 đồng chí. Sang năm 1967 chính thức thành lập 4 đội công tác vùng kinh và 1 tổ công tác vùng dân tộc. Đội K1 do đồng chí Mai Thanh làm đội trưởng, hoạt động từ Hồ Tiên, Bắc Hội đến các ấp của xã Thạnh Mỹ, từ Suối Thông, Hòa Lạc đến Lạc Lâm Làng, Đồng Thạnh. Đội K2 chịu trách nhiệm từ các ấp La Bui, Lạc Xuân, Lạc Bình, Châu Sơn đến Lạc Thiện, Lạc Quảng, Quảng Lạc (D'Ran); đội K3 do đồng chí Sơn Hải làm đội trưởng, hoạt động ở 3 khóm Càn Rang, Lâm Tuyền, Hòa Bình, Phú Thuận. Đội K4 do đồng chí Nguyễn Văn Luận làm đội trưởng, đảm nhiệm các ấp Nam Hiệp, Nghĩa Hiệp, Quảng Hiệp của Ka Đô. Cuối năm 1967, đồng chí Nguyễn Phú Hộ tăng cường về Đơn Dương được chỉ định làm đội trưởng đội K4. Vùng đồng bào dân tộc thành lập đội KT do đồng chí Hoàng Trinh đảm nhiệm từ vùng Krango, Kranchor đến Diom, B'Kan. Đội công tác có chi bộ Đảng trực thuộc Ban cán sự Đảng huyện, có nhiệm vụ xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang trong ấp, vận động cơ sở quần chúng mua lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh tiếp tế cho căn cứ, nắm tình hình địch báo cho ta.

Sau khi củng cố tổ chức, đề ra chủ trương và phân công địa bàn hoạt động, Ban cán sự Đảng Đơn Dương chỉ đạo các đội công tác bám cơ sở, phối hợp với lực lượng vũ trang của tỉnh diệt ác trừ gian, phát động quần chúng đấu tranh chống địch. Được sự chỉ đạo thống nhất, phong rào cách mạng ở Đơn Dương đã chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng. Ngoài cơ sở cũ đã xây dựng, mỗi đội công tác phát triển thêm từ 5-10 cơ sở quần chúng mới. Phong trào thanh niên gia nhập lực lượng vũ trang cách mạng và bổ sung cho các đội công tác không những chỉ ở Ka Đô mà lan rộng đến các địa bàn trong huyện. Từ hoạt động vũ trang kết hợp với phong trào quần chúng nổi dậy diệt ác, phá kềm đã góp phần làm thất bại âm mưu thủ đoạn của địch ở nhiều xã, ấp.

Mùa khô năm 1966 và 1967, địch ở Tuyên Đức tập trung lực lượng thực hiện kế hoạch tìm diệt và bình định, trọng tâm là bình định vùng nông thôn hòng đẩy lực lượng ta ra xa đô thị và căn cứ của chúng. Để thực hiện kế

hoạch bình định, địch mở rộng càn quét vùng căn cứ, lùng sục tìm diệt các đội vũ trang, phục kích những tuyến đường có lực lượng cách mạng qua lại với sự yểm trợ của máy bay và pháo binh. Kết hợp với bao vây kinh tế, chúng đưa các đoàn bình định về nông thôn, củng cố bộ máy ngục quân, ngục quyền ở cơ sở.

Tại Đơn Dương, địch ráo riết mở các cuộc càn quét ở Phú Thuận, Hòa Bình, khu vực Suối Tre (Ka Đô) ngăn cản ta từ căn cứ đột nhập vào ấp xây dựng cơ sở, nhận tiếp tế. Chúng tiếp tục củng cố các ấp chiến lược, bắt đồng bào rào làng, tăng cường mật báo, gián điệp để phát hiện cơ sở, ngăn lực lượng ta vào liên lạc.

Trước tình hình và diễn biến của phong trào cách mạng, cuối năm 1966 Tỉnh ủy Tuyên Đức mở hội nghị kiểm điểm công tác trong năm, đề ra chủ trương đẩy mạnh tiêu diệt địch, bám dân của lực lượng vũ trang và các đội công tác, đánh vào các đoàn bình định diệt ác phá kềm, xây dựng thực lực cách mạng tại chỗ, chú trọng ở địa bàn tranh chấp, trục giao thông, nhất là đường 20 và 11.

Để phối hợp cùng quân dân trong tỉnh, Ban cán sự Đảng Đơn Dương một mặt ổn định tổ chức, cơ sở và thực lực cách mạng tại chỗ, mặt khác chủ trương vũ trang đột nhập ấp tiêu diệt địch, hỗ trợ phong trào quần chúng, mở rộng vùng làm chủ khi có điều kiện. Hướng Phú Thuận, Lâm Tuyên, Ka Đô các cơ sở quần chúng được củng cố vững chắc. Thông qua các hộp thư mật, cơ sở cách mạng thường xuyên thông báo tình hình để ta chủ động đánh địch hoặc kịp thời đôi phó khi chúng mở các cuộc càn quét. Tại căn cứ cơ quan, ban cán sự tổ chức cán bộ, chiến sĩ sản xuất tự túc, chăn nuôi giải quyết khó khăn về đời sống, bảo đảm công tác và chiến đấu.

Quá trình thử thách trong đấu tranh, một số cốt cán do đội công tác Xuân Trường chấp nối với đồng chí Đoàn Hải ở Phú Thuận trưởng thành và được kết nạp Đảng. Tháng 2/1967, chi bộ Phú Thuận được thành lập, có 3 Đảng viên do đồng chí Đoàn Hải làm bí thư. Chi bộ Phú Thuận hướng dẫn, chỉ đạo các đoàn thể thanh niên giải phóng⁽¹⁾, hội phụ nữ, du kích mật, động viên thanh niên địa phương thoát ly tham gia kháng chiến...chi bộ phối hợp hoạt động với đội công tác và lực lượng vũ trang của huyện đánh địch bằng nhiều hình thức linh hoạt, xây dựng tổ du kích mật gồm 5 người, vận động

(1) Chi đoàn thanh niên giải phóng Phú Thuận có các đoàn viên Đoàn Thị Liên (Liêu) chi đoàn trưởng, Phan Tuấn Kiệt, Đoàn Câu (Thắng), Dương Hữu Minh và một số đồng chí khác.

binh lính chính quyền Sài Gòn bỏ hàng ngũ địch trở về làm ăn. Chi bộ Phú Thuận đã vận động rút 30 thanh niên thoát ly bổ sung cho các đơn vị vũ trang của huyện và tỉnh, xây dựng tổ du kích mật 5 người, cùng bộ đội và đội công tác diệt ác, đánh địch ở tuyến xe lửa Tháp Chàm-Đà Lạt, phá hủy 4 đầu máy. Hoạt động của chi bộ được nhân dân tin nhiệm và làm cho địch lúng túng, nhiều tên ác ôn lo sợ không dám ra mặt chống đối như trước. Âm mưu lập ấp chiến lược khu vực Phú Thuận, Hòa Bình không thực hiện được.

Trong quá trình tồn tại, mặc dù bị địch theo dõi khủng bố nhưng chi bộ Phú Thuận đã có những đóng góp quan trọng cho phong trào cách mạng ở Đơn Dương thời kỳ chống Mỹ. Hoạt động của chi bộ bị địch nghi ngờ, nhiều lần bắt giam đồng chí bí thư chi bộ. Huyện rút đồng chí bí thư ra hậu cứ. Đầu năm 1972 chi bộ Phú Thuận tự giải tán vì Đảng viên thoát ly, không đủ điều kiện duy trì một cơ sở Đảng.

Đơn Dương còn một khu vực rộng lớn nằm về phía Đông Nam thuộc vùng Tà In, Loan, Tà Năng. Ở đây là nơi có vị trí chiến lược quan trọng giáp ranh 4 tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Tuyên Đức, Lâm Đồng (cũ). Trong 2 cuộc kháng chiến, sự chi viện từ đồng bằng lên Tuyên Đức-Đà Lạt phải qua vùng Loan, Tà In. Ngoài vị trí chiến lược về mặt quân sự, Loan, Tà In còn là vùng lương thực, thực phẩm, nếu xây dựng thành căn cứ cách mạng sẽ thuận lợi cho việc tiếp tế, không phải đưa từ Ninh Thuận, Bình Thuận lên Tuyên Đức, giảm bớt khó khăn trong vận chuyển lương thực, thực phẩm.

Tuy là vùng đất thuộc Đơn Dương nhưng do lực lượng của huyện thiếu, hoạt động chủ yếu dọc đường 11, 21Bis, chưa đủ sức xây dựng phong trào khu vực Loan, Tà In. Trước đây, Tỉnh ủy Ninh Thuận giao nhiệm vụ cho huyện Anh Dũng đưa một mũi vũ trang tuyên truyền lên Tà Năng (vùng Ka giăng, ích giăng), huyện Bắc Bình (Bình Thuận) đưa một đội vũ trang hoạt động ở Tà In, La Hoang, Sốp, Ma Am, Kri gio nhưng vì Ninh Thuận, Bình Thuận cũng gặp khó khăn trong việc mở mang, mở vùng ở đồng bằng nên các mũi công tác hoạt động có nhiều hạn chế.

Trước tình hình đó, Khu ủy và quân khu VI quyết định đưa lực lượng lập căn cứ, giải quyết vùng “trắng” của Đơn Dương, tạo bàn đạp nối liền Di Linh (Lâm Đồng cũ) với căn cứ Anh Dũng (Ninh Thuận) và từ Bình Thuận lên Đơn Dương, Đức Trọng, mở đường hành lang của khu từ Ninh Thuận, Bình Thuận nối với Tuyên Đức, Lâm Đồng (cũ)

Để thực hiện chủ trương trên, Thường vụ khu ủy VI động viên lực lượng của các tỉnh giáp ranh tập trung xây dựng căn cứ vùng Loan, Tà Năng, Tà Hine. Di Linh cử đồng chí Hai Trương, Ủy viên Thường vụ Huyện Ủy phụ trách cùng một tiểu đội vũ trang người K’Ho và các đồng chí Ròng Lin, K’quéo tham gia. Lực lượng của Bác Ái (Ninh Thuận) có đồng chí Cha Ma Lé Nghèo, Võ Văn Danh (Tám Thiết) và một số đồng chí khác. Bộ phận của

huyện Anh Dũng do đồng chí Xuân phụ trách và các đồng chí Phong, Bích cùng một tiểu đội bộ đội địa phương. Huyện Bắc Bình (Bình Thuận) cử một tiểu đội là anh em người Hàm Thuận. Quân khu tăng cường một trung đội quân chủ lực do đồng chí Kinh (đại đội trưởng), đồng chí Thọ (trung đội trưởng) và đồng chí Sự chỉ huy. Tổng số lực lượng của quân khu và các tỉnh tập hợp lại có 60 đồng chí. Tháng 12/1966, toàn bộ tập trung về Bắc Bình chuẩn bị mọi mặt để lên đường làm nhiệm vụ.

Sau khi tập trung, lực lượng làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở vùng Đông Nam Đơn Dương, chia thành 3 đội vũ trang tuyên truyền và phân công địa bàn hoạt động. Đội do đồng chí Thọ chỉ huy, đồng chí Thắng chính trị viên mở hướng lên vùng Loạn. Đội của đồng chí Hai Trương, Xuân, Phong, Bích, Ha Lúc hoạt động ở Tà Năng. Đội do đồng chí Cha Ma Lé Nghèo, Võ Văn Danh phụ trách và một số bộ đội địa phương hoạt động chủ yếu vùng Ma Đan, Cầm Pốt, K'rang gọ, Krăng Chớ, Tu Tra lên sát Phú Hội, Phú An (Đức Trọng).

Tháng 10/1967, Khu ủy VI quyết định thành lập Ban cán sự Đảng, đặt tên khu vực Đông Nam Đơn Dương là vùng K67, chỉ định đồng chí Lưu Minh Nghiệp cán bộ ban Dân vận Khu ủy làm bí thư, các đồng chí Cha Ma Lé Nghèo, Võ Văn Danh, Hai Trương, Kinh làm ủy viên Ban cán sự K67.

Sau một năm hoạt động, các đội công tác vùng K67 đã xây dựng cơ sở trong vùng đồng bào dân tộc ở các ấp từ Loạn đến Tu Tra, mỗi ấp có từ 2-3 cơ sở cốt cán, 5-7 cơ sở cảm tình. Riêng Tà In và R'lom chưa vào được vì ở đây có đồn địch do một đại đội chốt giữ, không chế. Những nơi khác, kể cả đêm và ngày lực lượng ta đều bám trụ để phát động quần chúng. Đồng bào các dân tộc ít người sau khi đã giác ngộ đều tích cực ủng hộ cách mạng lương thực, thực phẩm, cùng cán bộ chiến sĩ vận động một số binh lính đồn Tà In giao nộp vũ khí, trở về buôn làng sinh sống. Trong vùng ta làm chủ, nhiều quần chúng người dân tộc đã tình nguyện tham gia cách mạng, có người phấn đấu trở thành cán bộ, Đảng viên hoặc được đào tạo chuyên môn y tế phục vụ nhân dân địa phương. Vừa tích cực xây dựng cơ sở, hoạt động vũ trang tiêu diệt bọn ác ôn hỗ trợ phong trào quần chúng, các đội công tác vùng K67 còn vận động nhân dân xóa bỏ các tập tục lạc hậu, từng bước xây dựng cuộc sống mới cả về tinh thần lẫn vật chất.

Vùng K67 là nơi tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch. Trong thời gian hoạt động ở đây, các đồng chí Ròng Lin, An, Bình, Tiến, Đăng đã anh dũng hy sinh trong lúc làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở hoặc bị địch tập kích vào căn cứ. Do vị trí giáp ranh, thời gian đầu mới thành lập, K67 được sự chỉ đạo trực tiếp của Khu Ủy, sau đó giao lại cho tỉnh Bình Thuận rồi tỉnh Tuyên Đức. Đầu năm 1970, vùng K67 giao về huyện Đơn Dương quản lý, đồng chí Cha Ma Lé Nghèo, Võ Văn Danh (Tám Thiết) phụ trách.

Cũng trong năm 1967, hướng phía Bắc dọc đường 11 và 21Bis, Ban cán sự Đảng Đơn Dương chủ trương tích cực dùng lực lượng vũ trang đột nhập ấp, đẩy mạnh hơn nữa xây dựng phong trào cơ sở. Thực hiện sự chỉ đạo của Ban cán sự, các đội công tác đã đột nhập vào Lâm Tuyên, Lạc Xuân, Suối Thông B, Bắc Hội trừng trị bọn ác ôn, bắt một số tên cải tạo. Ngày 19/5/1967, đơn vị 870 chặn đánh đại đội 304 của địch trên đường hành quân, tiêu diệt 21 tên, làm bị thương nhiều tên khác, số còn lại bỏ chạy tán loạn. Suốt trong năm 1967, đại đội 830 công binh của tỉnh liên tục bám đường 11 và đường xe lửa Phan Rang-Đà Lạt, dùng mìn đánh các đoàn tàu và xe vận tải ở cả đường sắt, đường bộ gây thiệt hại lớn về binh lực và vật chất cho địch. Trước sức tấn công của ta, bọn địch nhất là lực lượng bình định nông thôn, dân vệ rất hoang mang, giao động.

Cuối năm 1967, Khu ủy và Quân khu VI chủ trương đẩy mạnh phong trào hoạt động du kích vũ trang, đồng thời chỉ đạo các đơn vị bộ đội dùng chiến thuật đánh tập trung để giữ vững và phát triển thế tiến công địch, phá kế hoạch càn quét và bình định của chúng. Khu ủy chọn tỉnh Lâm Đồng (cũ) làm điểm, tăng cường tiểu đoàn 145 và 186 hoạt động dọc đường 20 từ B'Laô đến Di Linh. Nhiệm vụ của hai tiểu đoàn chủ lực là bảo vệ căn cứ quân khu, đường hành lang Ninh Thuận, Bình Thuận đến Lâm Đồng (cũ) nối với Tuyên Đức.

Từ chủ trương trên, Khu ủy và Quân khu quyết định tiêu diệt đồn Tà In, một cứ điểm mạnh án ngữ đường chi viện của Khu VI lên Tuyên Đức, Lâm Đồng (cũ). Sau khi đã nghiên cứu tình hình địch, cán bộ quân khu, ban chỉ huy tiểu đoàn 186 và Ban cán sự Đảng K67 họp bàn phương án tác chiến, phối hợp hiệp đồng. Đêm 9/2/1967, tiểu đoàn 186 nổ súng tập kích cứ điểm Tà In tiêu diệt gọn một đại đội bảo an. Sau trận đánh, tiểu đoàn được lệnh trụ lại đánh chặn viện binh địch.

Cay cú vì bị mất cứ điểm quan trọng, sáng ngày 10/12/1967, địch dùng máy bay trực thăng chở một đại đội biệt kích đổ quân tái chiếm Tà Hine. Tiểu đoàn 186 đánh trả, bắn rơi một máy bay trực thăng chở 4 tên chỉ huy, trong đó có tên tỉnh phó nội an tỉnh Tuyên Đức, tên này trước đây là quận trưởng Đơn Dương mới được đề bạt.

Bị thua đau, ngày 1/1/1968, địch dùng lực lượng quân Mỹ tiến đánh núi Pô, nơi trú quân của tiểu đoàn 186 hòng tiêu diệt lực lượng ta. Với công sự, hầm hào đã chuẩn bị, củng cố, tiểu đoàn đánh lui nhiều đợt tấn công của địch, gây tổn thất nặng nề cho quân Mỹ, buộc chúng phải rút lui.

Tiếp đến, với khí thế chiến thắng,, được lệnh quân khu, trong tháng 1/1968 tiểu đoàn 186 đánh đồn R'Lom, tiêu diệt cứ điểm. Vùng K67 gồm 3 xã với 6000 dân đã hoàn toàn giải phóng. Đường hành lang từ khu VI lên Đơn Dương- Tuyên Đức nối thông,

Việc giải phóng vùng K67 có ý nghĩa quan trọng là tạo điều kiện để Khu ủy và quân khu tăng cường chi viện cho các tỉnh miền núi thuận lợi, đưa cán bộ lên công tác dễ dàng, tiện việc tiếp tế lương thực,, thực phẩm từ đồng bằng Ninh Thuận, Bình Thuận cho Tuyên Đức, Lâm Đồng (cũ).

Tính đến cuối năm 1967, sau một năm rưỡi kể từ khi thành lập Ban cán sự Đảng Đơn Dương, phong trào cách mạng đã phát triển rộng từ Xuân Trường đến Lạc Nghiệp, Lạc Xuân, Ka Đô, Thanh Mỹ, Bắc Hội. Các đội công tác và cơ sở quần chúng tích cực đưa phong trào tiến lên những bước mới, thực lực cách mạng được củng cố ở cả vùng kinh và dân tộc; từ K67 đến dọc đường 21 Bis nối với tỉnh đã thông suốt về giao thông liên lạc, những chủ trương, nhiệm vụ mà hội nghị tỉnh ủy Tuyên Đức đề ra cuối năm 1966 đã được Ban cán sự Đảng, quân và dân Đơn Dương triển khai có kết quả. Tại hội nghị Tỉnh ủy họp cuối năm 1967 ở căn cứ Đức Trọng, sau khi đồng chí Chế đăng bí thư Ban cán sự Đảng Đơn Dương báo cáo tình hình, đồng chí Trần Lê bí thư Khu ủy nhận xét: “Tuy Đơn Dương mở phong trào sau nhưng mạnh mẽ, phát triển nhanh chóng, bảo đảm chất lượng, tạo thế tấn công đồng đều trong toàn tỉnh Tuyên Đức”. Cùng với quân dân tỉnh nhà, quân dân Đơn Dương đã sẵn sàng bước vào cuộc tấn công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.

III. Quân và dân Đơn Dương trong cuộc tấn công và nổi dậy mùa xuân 1968.

Trước khi nhân dân miền Nam bước vào cuộc tấn công và nổi dậy mùa xuân 1968, đế quốc Mỹ đã đưa chiến lược “Chiến tranh cục bộ” lên đỉnh cao, tăng cường đánh phá miền Bắc bằng không quân, hải quân, ồ ạt đưa lính Mỹ, chư hầu vào miền Nam Việt Nam, nâng tổng số quân Mỹ-Ngụy lên hơn 1 triệu tên. Nhưng với ý chí và quyết tâm của nhân dân ta, địch liên tiếp bị đánh những đòn đau. Thất bại nặng nề buộc Mỹ-Ngụy phải chuyển từ thế tiến công sang phòng ngự bị động.

Cuối năm 1967, Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng họp và nhận định: Địch đã bị thất bại cả về chiến lược, chiến thuật; lực lượng chính trị ở miền Nam lớn mạnh hơn bất kỳ thời kỳ nào; ta đang nắm quyền chủ động trên các chiến trường... Từ cơ sở nhận định đó, Bộ chính trị quyết định mở cuộc tấn công và nổi dậy đồng loạt ở miền Nam, đánh mạnh vào ý đồ xâm lược của đế quốc Mỹ.

Tại Tuyên Đức, thời gian này quân địch trong tỉnh có khoảng 600 lính cộng hòa, 3500 tên phòng vệ dân sự, 18 đoàn bình định nông thôn. Lực lượng vũ trang của tỉnh gồm 2 đại đội bộ binh, 1 trung đội công binh, 1 trung đội đặc công và 2 đại đội biệt động của Đà Lạt, 2 đại đội bộ binh của huyện Đức Trọng và Lạc dương. Về hướng Tây, tỉnh đã xây dựng Đức Trọng thành địa bàn đứng chân, giải quyết được vấn đề tiếp tế, bảo đảm

hành lang, tạo điều kiện giao thông liên lạc giúp cho sự chỉ đạo của tỉnh thông suốt với Đà Lạt và các huyện. Tình hình nội thị Đà Lạt có những thuận lợi cơ bản, nhất là phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ của quần chúng trong các năm 1966, 1967 và hoạt động của lực lượng vũ trang có hiệu quả, gây cho địch nhiều thiệt hại, làm cho chúng hoang mang giao động.

Ở Đơn Dương, với phương châm kiên trì bám dân xây dựng cơ sở, tích cực tiêu hao sinh lực địch, phát động quần chúng đấu tranh phá kềm, phong trào cách mạng phát triển đều khắp các xã. Phía Đông và Đông Bắc, cơ sở quần chúng ở Phú Thuận, Hòa Bình, xã Xuân Trường phối hợp với hoạt động của các đội công tác, các đơn vị bộ đội của tỉnh và quân khu đã tạo khả năng không chế địch trên đường 11; phía Đông Nam lực lượng cách mạng làm chủ vùng K67 giáp giới từ Di Linh kéo dài đến Tu Tra, Proh. Chuẩn bị bước vào chiến dịch, ngoài các đội công tác, quân khu tăng cường thêm đại đội 815 hoạt động trên địa bàn huyện. Những thuận lợi đó là điều kiện để quân dân Đơn Dương bước vào cuộc tấn công nổi dậy Xuân 1968.

Thực hiện kế hoạch phối hợp cùng toàn miền Nam, Khu ủy và Quân khu chọn 2 thị xã Phan Thiết, Đà Lạt làm trọng điểm của Khu VI trong cuộc tấn công nổi dậy. Căn cứ vào nhiệm vụ, Khu ủy VI quyết định thành lập Đảng ủy mặt trận do đồng chí Vũ Anh Ba, Ủy viên Ban Thường vụ Khu ủy làm bí thư, đồng thời tăng cường tiểu đoàn 186 và 145 cho chiến trường Đà Lạt. Dưới sự chỉ đạo của Khu ủy, Tỉnh ủy Tuyên Đức chủ trương tập trung lực lượng vũ trang của tỉnh và huyện cùng các đơn vị tăng cường tấn công vào thị xã Đà Lạt, phân công cán bộ tỉnh xuống chỉ đạo các hướng, giao vùng nông thôn cho các đội công tác đảm nhiệm. Thời gian cuộc tấn công ấn định vào đêm giao thừa tết Mậu Thân (30.1.1968). Mục tiêu đánh địch là tiểu khu Tuyên Đức, dinh Tỉnh trưởng, Tỉnh đoàn bảo an, Ty công an, Trường võ bị Đà Lạt...

Trong lúc triển khai các hướng, công tác chuẩn bị diễn ra khẩn trương nhưng do thời gian gấp, các đơn vị 186, 145 tăng cường cho Đà Lạt chưa hành quân đến kịp, Đảng ủy mặt trận quyết tâm bằng bất cứ giá nào cũng phải huy động lực lượng tập trung đánh địch, hoàn thành nhiệm vụ trên giao. Tỉnh đã điều động bộ đội địa phương các huyện bổ sung, kiên quyết thực hiện phương án tác chiến đã định. Đơn vị 815 của huyện Đơn Dương khẩn trương hành quân tăng cường cho thị xã Đà Lạt, phối hợp với đội biệt động 850, trung đội 870 có nhiệm vụ tấn công hướng Đông Nam đánh vào khu vực Trại Hầm, Nha địa dư, ga xe lửa...

Tại Đơn Dương, địch đóng thêm một sò đồn bót ở các vị trí quan trọng như đường giao thông, các yếu khu Dran, M'lơn, Xuân Trường, đài ra đa Cầu Đất, Proh. Trước giờ tấn công, đồng chí Chế Đặng, Bí thư Ban cán sự

Đon Dương về nhận lệnh, đến khu tam giác gặp đồng chí Nguyễn Lâm, Bí thư Huyện Ủy Lạc Dương, truyền đạt lại tinh thần nghị quyết của Tỉnh Ủy. Đại ý: Thời cơ đã đến, kế hoạch triển khai như đã bàn ở các hội nghị tỉnh ủy lần trước, cần theo dõi tình hình, nắm chắc thời cơ, phối hợp hành động, tổ chức lực lượng, phối hợp với các địa phương trong tỉnh nổi dậy giành chính quyền.

Được quán triệt ý đồ tác chiến và trên tinh thần sẵn sàng thực hiện cuộc tấn công nổi dậy theo kế hoạch của tỉnh, đồng chí Chế đăng, Bí thư Ban cán sự triệu tập hội nghị xác định mục tiêu, hạ quyết tâm, chỉ đạo các đội công tác nhanh chóng triển khai trên các hướng, trực tiếp phổ biến nhiệm vụ cho đội K1, K2 hoạt động khu vực Ka Đô, Thanh Mỹ; động viên nhân dân chuẩn bị lương thực thực phẩm sẵn sàng tiếp tế cho các đơn vị vũ trang vào giải phóng Đà Lạt. Đồng thời viết thư giao cho cơ sở theo đường hợp pháp chỉ đạo đội K3 phối hợp với chi bộ Phú Thuận phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, chủ động tấn công địch theo thời gian quy định.

Địa bàn tập trung tấn công địch chủ yếu là Ka Đô, Quảng Hiệp, nơi đây có phong trào cách mạng phát triển lại gần hậu cứ đứng chân của huyện. Chiều 30 tháng chạp (30/1/1968), đội công tác K4 do đồng chí Nguyễn Phú Hộ phụ trách đã triển khai lực lượng chốt giữ và đốt cầu cây số 13, đường xuống bên phà cây số 14 để phòng địch từ quận lỵ Đon Dương, phân chi khu M'Lơn (Thanh Mỹ) theo đường 21Bis vào giải tỏa Ka Đô. Đồng thời với việc triển khai phương án tác chiến, Ban cán sự Đảng chỉ đạo đội công tác K4 phát động quần chúng nổi dậy thành lập chính quyền cách mạng.

Phối hợp cùng quân dân trong tỉnh, đúng thời điểm giao thừa tết Mậu Thân, nhân dân Quảng Hiệp nổi dậy giành chính quyền. Sáng mùng một tết Mậu Thân (31.1.1968), ấp Nghĩa Hiệp, Nam Hiệp và những nơi khác ở Ka Đô được giải phóng. Đồng chí Nguyễn Phú Hộ, ủy viên ban cán sự Đảng huyện, đội trưởng đội công tác K4 tuyên bố thành lập chính quyền cách mạng tự quản, cử ông Phan Văn Ngọc làm chủ tịch, đồng chí Lê Thị Dường (Năm Chùa) làm phó chủ tịch, đồng chí Nguyễn Đức Nhật (On) làm phó Chủ tịch phụ trách an ninh. Đồng chí Tạ Nghiêu phụ trách trung đội du kích kiêm xã đội trưởng. Trung đội du kích có 40 người, được trang bị 3 súng trường, mìn, lựu đạn. Một cuộc mít tinh được tổ chức tại ấp Quảng Hiệp để chính quyền ra mắt quần chúng trong khí thế hào hứng, phấn khởi của nhân dân Ka Đô. Các đoàn thể quần chúng được thành lập và hoạt động công khai.

Đồng loạt nổi dậy cùng Ka Đô, nhiều nơi khác như Phú Thuận (Lạc Nghiệp), Lạc Xuân các đội công tác đã vũ trang đánh địch, tổ chức quần chúng và giao nhiệm vụ cho cơ sở treo cờ Mặt trận dân tộc giải phóng, rải truyền đơn, vận động binh lính bỏ hàng ngũ địch trở về với cách mạng.

Trước khí thế của cuộc tấn công và nổi dậy, bọn địch ở quận Dran vô cùng hoang mang giao động. Tại Thanh Mỹ, chúng bỏ đồn rút về quận ly, chỉ để lại một số tên trông coi doanh trại. Bọn địch ở quận co cụm không dám phản ứng. Tuy nhận biết tình hình địch đang vô cùng hoảng hốt nhưng do nhiệm vụ chủ yếu là tập trung cho chiến trường Đà Lạt, lực lượng ta có hạn không thể tấn công giải phóng toàn quận nên Ban cán sự Đảng Đơn Dương gửi thư kêu gọi địch đầu hàng, thư do đồng chí Nguyễn Phú Hộ, đội trưởng đội công tác K4 viết ngày mùng 2 tết gửi tên quận trưởng ngụy Dran, kêu gọi địch đầu hàng, giao chính quyền cho cách mạng. Mặc dù trong tâm trạng hoang mang cực độ nhưng vì ở Đà Lạt và một số nơi khác chiến sự giữa ta và địch diễn ra giằng co, quyết liệt, bọn địch ở Đơn Dương vẫn ngoan cố không chịu đầu hàng.

Sau khi giải phóng Tà In và R'Lom, tiểu đoàn 186 của quân khu nhận nhiệm vụ tăng cường cho chiến trường Đà Lạt. Khoảng 17 giờ ngày mùng 2 tết đơn vị hành quân qua Ka Đô. Chính quyền xã và đội công tác đã vận động nhân dân tiếp tế lương thực, thực phẩm cho bộ đội. Do yêu cầu nhiệm vụ và thời gian quá gấp tiểu đoàn không dừng lại đóng quân, nhân dân bày sẵn hoa quả, bánh tết, thuốc lá... ở các bàn từ đường số 0 đến đường số 7 để anh em mang theo. Tuy thời gian ngắn ngủi nhưng hơn 400 cán bộ, chiến sĩ tiểu đoàn đã được sống trong tình quân dân cá nước. Thật cảm động khi các mẹ, các chị đồng viên bộ đội nhận quà bánh trên đường đi đánh giặc. Tình cảm đó biểu hiện tâm lòng của người dân Đơn Dương đối với cán bộ, chiến sĩ cách mạng chiến đấu trên mảnh đất Tuyên Đức, Khu VI gian lao mà anh dũng.

Hòa cùng khí thế tiến công và nổi dậy, hưởng ứng cuộc vận động của Ban cán sự Đảng, thanh niên Ka Đô và nhiều xã đã lên đường nhập ngũ. Đầu xuân 1968, riêng Ka Đô có 120 người thoát ly; Phú Thuận và một số xã khác nhiều quần chúng gia nhập lực lượng vũ trang hoặc vào căn cứ đi kháng chiến. Tại chiến trường Đà Lạt, mặc dù chưa được huấn luyện nhưng anh em Đơn Dương đã chiến đấu rất dũng cảm, lập thành tích xuất sắc.

Để kịp thời phục vụ bộ đội đang chiến đấu ở Đà Lạt, chính quyền xã Ka Đô và đội công tác K4 đã vận động quần chúng ủng hộ hàng chục tấn lương thực, hàng tiêu dùng thiết yếu; dân công của xã đã không nề hà gian lao, nguy hiểm vận tải gạo, hàng hóa chuyển lên khu vực Hồ Tiên dự trữ cho chiến trường đánh giặc. Trong đoàn dân công, ngoài lực lượng thanh niên còn có các mẹ, các bác mặc dù tuổi cao sức yếu vẫn cùng con cháu chuyển hàng, nêu tấm gương nhiệt tình cho lớp trẻ noi theo.

Sau 12 ngày đêm chiến đấu, lực lượng vũ trang của tỉnh đã tấn công nhiều vị trí quan trọng và cơ quan đầu não của địch ở Đà Lạt. Chiến sự diễn ra ngày càng quyết liệt, các đơn vị bộ đội, đội công tác được sự tiếp tế, nuôi

duỡng, chăm sóc của nhân dân đã bám trụ đánh trả nhiều đợt phản kích của địch. Bị bất ngờ và hoảng sợ trước sức tấn công của quân dân Tuyên Đức, Đà Lạt, địch vội điều động một tiểu đoàn lính cộng hòa, một tiểu đoàn lính biệt động, một biệt đoàn cảnh sát phối hợp cùng lực lượng tại chỗ tăng cường phòng thủ xung quanh thị xã và bảo vệ chặt chẽ vị trí xung yếu trong nội thị.

Với ý chí tấn công liên tục, quyết tâm tiêu diệt địch, đêm 17.2.1968 các đơn vị bước vào đợt hai của chiến dịch, đồng loạt nổ súng tấn công mục tiêu trên các hướng ở Đà Lạt. Tuy vậy, trong 5 ngày đánh vào thị xã, quân ta không chiếm được các mục tiêu đã định vì địch tăng cường lực lượng phản kích. Trước tình hình đó, cuối tháng 2.1968, Đảng ủy Mặt trận và Tỉnh ủy Tuyên Đức chủ trương để lại một phần ba lực lượng tiếp tục đánh địch trong thị xã, đưa phần lớn các đơn vị vũ trang ra hoạt động vùng nông thôn nhằm thu hút, phân tán địch khỏi Đà Lạt để tiêu diệt. Đại đội 815 rút về Đơn Dương, tiếp tục công tác, chiến đấu.

Sau khi được thành lập, chính quyền cách mạng xã Ka Đô cùng đội công tác K4 tích cực xây dựng các phương án phòng thủ, tổ chức canh gác, cài mìn, đặt chông, chuẩn bị đánh địch. Những cố gắng đó cùng với bảo đảm bí mật lực lượng đã giúp ta giữ vững vùng giải phóng Ka Đô một tháng, là nơi giữ chính quyền cách mạng lâu nhất của Tuyên Đức trong cuộc tiến công nổi dậy mùa Xuân 1968. Trên đà thắng lợi, cơ sở quần chúng ở Ka Đô, Lạc Xuân, ấp Phú Thuận, Hòa Bình, Quảng Lạc (Lạc Nghiệp)... được củng cố, hoạt động dưới hình thức công khai nửa hợp pháp. Phong trào chiến tranh du kích phát triển, đã phối hợp cùng bộ đội, các đội công tác đánh địch có hiệu quả.

Cùng quân dân trong tỉnh, cuộc tấn công nổi dậy xuân Mậu Thân ở Đơn Dương đã góp phần lập nên nhiều chiến công. Dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự Đảng huyện, phong trào quần chúng kết hợp với tấn công quân sự đã tạo ra sức mạnh tổng hợp, làm cơ sở để nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ, xây dựng chính quyền cách mạng. Phong trào của nhân dân Đơn Dương qua cuộc tấn công và nổi dậy mùa Xuân 1968 đã phát triển lên một bước mới, cơ sở quần chúng được củng cố vững vàng hơn trước. Những đóng góp to lớn về sức người, sức của của nhân dân Đơn Dương đầu xuân Mậu Thân đã góp phần cùng cả nước và tỉnh nhà làm nên chiến thắng vẻ vang, đập tan chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ.

Sau khi quân chủ lực của ta rút về nông thôn, địch củng cố lực lượng tiến hành lần chiếm những nơi đã mất. Giữa tháng 2.1968, chúng đem quân đánh chiếm Xuân Trường; cuối tháng, tăng lực lượng ta đông, địch tập trung một tiểu đoàn có 2 xe bọc thép và pháo binh yểm trợ từ đường 20 tấn công vào Ka Đô. Trận đánh diễn ra ở cầu cây số 13, đồng chí Cang tiểu đội

trưởng của đại đội 815 bị một tên địch nắp vào thành ta ly bắn, đã anh dũng hy sinh. Do quân địch đông gấp nhiều lần, trang bị vũ khí đầy đủ, chính quyền và cơ sở cách mạng Ka Đô thoát ly ra căn cứ tiếp tục hoạt động. Đợt này ở Quảng Hiệp có gia đình các ông Thái On, Nguyễn Đức Nhật (On), Nguyễn Đình Xanh, Tư Cang, Huỳnh Xiêm, Tạ Nghiêu, Năm Liên; ở Nghĩa Hiệp có gia đình ông Phạm Ngọc Ân. Chiếm được Ka Đô, địch để lại một đại đội bảo an và một đoàn bình định nông thôn. Cùng thời gian đó tại Lạc Xuân và một số nơi khác địch cũng tăng cường các đoàn bình định, tiến hành gom dân, phân loại đối tượng, không chế, khủng bố quần chúng và cơ sở.

Tại vùng K67, địch dùng bộ binh, máy bay, pháo binh bắn phá khu giải phóng, dồn hết đồng bào dân tộc ra ven đường 20, 21Bis, thực hiện vùng trắng ở các xã Loan, Tà Năng. Chúng mở các cuộc càn quét giáp ranh giữa Ninh Thuận, Bình Thuận với Đơn Dương, rải bom cháy phá hoa màu ở hậu cứ của ta. Cuộc chiến đấu giữa ta và địch sau xuân Mậu Thân tấn công và nổi dậy diễn ra quyết liệt, địch đánh chiếm lấy lại một số nơi do lực lượng ta ít không giữ được. Ban cán sự K67 vừa làm công tác vận động nhân dân, vừa đấu tranh với địch nên đã giữ lại vài chục hộ dân ở Chà Rạc, K'ri Do bám trụ làm chỗ dựa cho lực lượng cách mạng.

Để tăng cường sự lãnh đạo của huyện, tháng 4.1968 Tỉnh ủy quyết định chuyển Ban cán sự Đảng Đơn Dương lên thành lập Huyện ủy, số lượng Huyện ủy viên có 7 đồng chí do đồng chí Chế Đăng làm bí thư, các đồng Huyện ủy viên gồm có Lê Dũng, Hoàng Trinh, Sơn Hải, Nguyễn Phú Hộ, Trần Hà, Lê Tạc. Cùng thời gian này huyện đội Đơn Dương được thành lập, đồng chí Trần Hà làm huyện đội trưởng, đồng chí Lê Tạc chính trị viên. Việc thành lập huyện đội Đơn Dương tạo sự thống nhất chỉ đạo về mặt quân sự, giúp cho lực lượng vũ trang có điều kiện đánh địch tập trung, có hiệu quả. Huyện ủy cũng điều chỉnh, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, tăng cường cán bộ chủ chốt cho các đội công tác để phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới, đồng chí Nguyễn Phú Hộ làm đội trưởng đội công tác K1, K2.

Trong năm 1968, tiểu đoàn 186 từ Di Linh chuyển quân về Ka Đô đã phối hợp với lực lượng của huyện tập kích đồn Quảng Hiệp, tiêu diệt đại bộ phận địch đóng ở đây, thu toàn bộ vũ khí. Thắng lợi của ta làm cho địch rất hoang mang; lòng tin của nhân dân vào lực lượng vũ trang càng tăng thêm. Sau khi đồn Quảng Hiệp bị đánh, địch sử dụng 3 tiểu đoàn trong đó có một tiểu đoàn lính Mỹ càn vào hậu cứ của cơ quan huyện. Chúng kết hợp các cụm pháo 105 ly ở M'Lơn, Đa Nhim và pháo 175 ở Đức Trọng, đưa đại đội pháo 105 ly có 3 khẩu di chuyển đến P'roh bắn cấp tập vào khu vực hậu cứ rồi dùng bộ binh tấn công. Tiểu đoàn 186 kết hợp với lực lượng của huyện chống càn thắng lợi, tiêu diệt nhiều tên địch. Cũng trong đợt hoạt động mùa

hè, đại đội 815 tổ chức đánh địch tại cây số 3 cầu Lạc Xuân, tiêu diệt nhiều tên khiến chúng chỉ dám hoạt động ban ngày, đêm rút về thị trấn ẩn náu. Tiểu đội công binh (A17) tăng cường chặn địch trên đường hành quân. Các đội công tác đột nhập ấp, vừa xây dựng cơ sở, vừa trừng trị bọn ác ôn, bắt một số tên đưa về căn cứ giáo dục. Khi địch đưa đoàn binh định về bắt dân lập ấp chiến lược, các đội công tác đã vận động quần chúng đấu tranh, cùng đơn vị 815 dùng súng bắn tỉa tiêu diệt địch, tạo cơ sở để quần chúng chống lại âm mưu rào làng lập ấp của chúng. Để thuận tiện liên lạc với Khu ủy và giải quyết vấn đề lương thực đang gặp khó khăn, tháng 9.1968 cơ quan tỉnh và một số đơn vị vũ trang chuyển về đóng tại hậu cứ của Đon Dương. Trong tháng này, Huyện ủy mở hội nghị kiểm điểm, đánh giá tình hình và đề ra phương hướng hoạt động mới. Sau khi phân tích âm mưu thủ đoạn của địch, Huyện ủy chủ trương: Tiếp tục tấn công địch ở căn cứ và trên đường chúng hành quân càn quét, đẩy mạnh việc diệt ác, phá kềm, tấn công bọn binh định nông thôn, phòng vệ dân sự, tạo thế cho quần chúng ở các ấp nổi dậy đấu tranh chống địch.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, lực lượng vũ trang được cơ sở cung cấp tình hình đã liên tục tấn công gây cho địch nhiều thiệt hại. Tháng 10.1968, đại đội 815 đột nhập ấp Ta Li, ta phải dùng xà gạc (dao của đồng bào dân tộc) chặt đứt hàng rào thứ ba ở cửa mở, đánh vào trung đội nghĩa quân tiêu diệt 16 tên, bắt sống 10 tên, thu một số vũ khí. Tiếp đến tấn công tiêu diệt trung đội ở Suối Thông A. Tháng 12.1968, cùng đội công tác K2, đại đội 815 lại đột nhập, đánh trung đội binh định ở cây số 3 cầu Lạc Xuân, tiêu diệt 10 tên, thu vũ khí. Trong trận này, đồng chí Tuy, xạ thủ B40 hy sinh.

Vào những tháng cuối năm 1968, bên cạnh việc tăng cường hoạt động có hiệu quả của quân và dân trong huyện, địch đã tập trung lực lượng chống trả quyết liệt. Chúng bổ sung quân, mở nhiều cuộc càn quét, tổ chức tuần tra canh gác nghiêm ngặt, phát triển lực lượng dân vệ, thám báo biệt kích, cài mìn trên những tuyến đường ta thường qua lại, phục kích đánh tạt từng bộ phận nhỏ, gây khó khăn và thiệt hại khi lực lượng bộ đội, các đội công tác vào ấp liên lạc, móc nối cơ sở. Tuy vậy, trong năm 1968, vượt qua khó khăn thử thách, quân và dân Đon Dương vận dụng sáng tạo sát hợp chủ trương của Đảng vào thực tiễn tình hình, giành được những thành tích quan trọng, phá vỡ thế ổn định của địch, làm cho hàng ngũ chúng hoang mang giao động, gây niềm tin cho quần chúng và cơ sở, thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho ta. Chất lượng hoạt động của lực lượng vũ trang và phong trào quần chúng cả bên trong, bên ngoài đều được nâng lên và có phát triển mới.

Điểm lại tình hình sau 4 năm (1965-1968) chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ-Ngụy, Đảng bộ, quân và dân Đon Dương mặc dù phải trải

qua một thời kỳ đấu tranh gay go, gian khổ, ác liệt nhưng đã giành được những thắng lợi to lớn, lực lượng cách mạng từng bước trưởng thành, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra. Trong thời gian đó, trên toàn chiến trường miền Nam, địch tập trung quân Mỹ, chư hầu, ngụy quân, trang bị vũ khí hiện đại, với nỗ lực cao nhất hòng làm thay đổi cục diện chiến tranh, sử dụng nhiều âm mưu thâm độc nhằm đạt cho được những mục tiêu của chúng. Bằng phương châm lấy ít đánh nhiều, lấy yếu chống mạnh, kết hợp đấu tranh vũ trang với chính trị, binh vận, quân dân trong huyện đã không ngừng phát triển thực lực cách mạng, giải quyết nhiều vấn đề cơ bản về hậu cần tại chỗ, xây dựng củng cố tổ chức và phong trào. Vận dụng chiến thuật đánh địch linh hoạt, bộ đội địa phương kết hợp với các đội công tác, cơ sở quần chúng tổ chức đánh nhỏ tiến đến đánh lớn, tấn công vào các cứ điểm kiên cố của địch, buộc chúng phải giữ thế phòng ngự nhiều nơi, làm cho bộ máy kèm ở cơ sở mất khả năng khống chế, o ép quần chúng, tạo điều kiện để nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ.

CHƯƠNG III

QUÂN VÀ DÂN ĐƠN DƯƠNG ĐẤU TRANH CHỐNG LẠI CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH” CỦA ĐỊCH, NẮM VỮNG THỜI CƠ TIẾN LÊN GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG (1969-1975)

I. Củng cố thực lực cách mạng tại chỗ, làm thất bại chương trình bình định ở địa phương (1969-1972).

Thất bại trong “Chiến tranh cục bộ” đã buộc đế quốc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chấm dứt không điều kiện việc đánh phá miền Bắc, chấp nhận đàm phán với ta tại hội nghị Paris. Thắng lợi to lớn và toàn diện của nhân dân hai miền Nam Bắc năm 1968, nhất là của quân dân miền Nam xuân Mậu Thân đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới, thúc đẩy phong trào đòi chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình, rút quân Mỹ về nước của nhân dân tiến bộ Mỹ. Bị động, lúng túng và để gờ thế lún sâu vào “đường hầm không lối thoát”, đầu năm 1969 đế quốc Mỹ triển khai học thuyết Ních-xon và tiến hành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Bản chất của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” là bằng viện trợ vũ khí, trang bị hiện đại cộng với bộ máy nguy quân nguy quyền thay thế, Mỹ tìm cách rút quân khỏi miền Nam Việt Nam nhưng vẫn duy trì được chủ nghĩa thực dân mới ở nước ta. Để thực hiện được mục tiêu chiến lược, chính quyền Mỹ chú trọng triển khai kế hoạch “bình định và phát triển”, coi đó là “trụ cột”, “xương sống” của chiến lược “Việt Nam hóa”.

Thắng lợi của quân và dân ta ở chiến trường khu VI, nhất là sau cuộc tấn công nổi dậy mùa xuân 1968 đã thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển có nhiều thuận lợi. Để triển khai hướng hoạt động mới, tháng 11.1968 Khu ủy mở hội nghị kiểm điểm tình hình và đề ra chủ trương: Nắm vững thời cơ, đẩy mạnh tấn công địch ở cả thành phố, vùng ven, vùng yếu nông thôn, phá tan âm mưu “quét và giữ” của chúng, quyết tâm giành cho được vùng ven thị, vùng yếu nông thôn.

Tại Đơn Dương và các địa phương khác trong tỉnh, đầu năm 1969 địch tiếp tục dồn dân vùng sâu, vùng xa đường giao thông, dồn bót về nơi tập trung do chúng kiểm soát, âm mưu cắt đứt liên lạc giữa lực lượng bên ngoài với cơ sở cách mạng bên trong. Để củng cố bộ máy kèm, tăng cường lực lượng bổ sung cho những nơi yếu, địch đưa các đoàn bình định, các đơn vị lính bảo an xuống ấp, sử dụng bọn mật báo, điệp ngầm theo dõi hoạt động của cơ sở và lực lượng ta từ bên ngoài vào móc nối nhận tiếp tế. Chúng tiến hành bình định có trọng điểm các xã trên đường 11, các ấp Lạc Xuân, Lạc Bình dọc đường 21Bis, Quảng Hiệp, Nghĩa Hiệp (Ka Đô). Đây là những nơi

tranh chấp giữa ta và địch, trong đó có một số ấp đã được đưa lên giành quyền làm chủ. Tại vùng K67, địch dồn toàn bộ đồng bào dân tộc về các khu tập trung ở Ka Đô, Proh, Thạnh Mỹ. Ngoài ra chúng còn tổ chức lực lượng cơ động chuyên đánh phá vùng ven, sử dụng biệt kích, thám báo tập kích hậu cứ, kho tàng, gài mìn phục kích nơi ta thường qua lại. Thủ đoạn của địch đã gây thương vong cho cán bộ, chiến sĩ trên đường đi làm nhiệm vụ. Đầu năm 1969, đồng chí Cao Hòa (Cao Heo), đảng viên chi bộ Phú Thuận (Lạc Nghiệp) thoát ly tham gia lực lượng vũ trang, trong chiến đấu bị thương nặng, khi bị địch bao vây đã dùng lựu đạn ép vào người, chờ địch đến gần để cho nổ diệt nhiều tên địch. Tấm gương sáng của đồng chí Cao Hòa đã để lại trong lòng đồng đội sự cảm phục sâu sắc.

Quyết tâm thực hiện nghị quyết của Khu ủy (11/1968) về nắm vững thời cơ tập trung lực lượng tấn công địch vùng nông thôn, bước sang năm 1969 quân dân Đơn Dương liên tiếp đánh địch ở các địa bàn Lạc Nghiệp, Lạc Xuân, Thạnh Mỹ. Bằng nhiều hình thức linh hoạt như phục kích, diệt đồn, bắn tĩa, dùng nhiều loại vũ khí, bom mìn tự tạo, chiến sĩ lực lượng vũ trang của huyện đã tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Trong chiến đấu, các đồng chí Trần Sướng, Nguyễn Đình Xanh là những đồng chí sử dụng mìn của địch đánh địch, lập nhiều chiến công.

Ngày 16.1.1969, đại đội 5 tiểu đoàn 145 phối hợp với đại đội 815 đánh đồn Thạnh Mỹ để hỗ trợ phong trào quần chúng và cơ sở cách mạng còn mỏng do địch kìm kẹp. Khu vực Thạnh Mỹ là một vị trí quan trọng, địch đóng một đại đội bảo an có nhiệm vụ khống chế đường FiNôm đi quản lý Đơn Dương, sẵn sàng cơ động ứng cứu vùng xung quanh khi cần thiết. Do dùng súng DKZ bắn 3 quả, đạn không trúng mục tiêu nên bị lộ, địch chủ động phản kích, ta đánh không dứt điểm. Trận này, địch bị tiêu diệt một số tên, bộ đội thu một số vũ khí và phương tiện chiến tranh của địch. Trận đánh không đạt kết quả cao, phía ta có 9 đồng chí cán bộ, chiến sĩ của đơn vị thương vong.

Tháng 2 năm 1969, đại đội 815 phối hợp với một bộ phận của tiểu đoàn 145 đột áp Lộn Mít diệt 5 dân vệ, thu vũ khí. Tiếp đến đại đội 815 đánh ấp Lạc Sơn; Đơn vị chia 2 mũi tấn công vào khu vực nhà thờ, diệt 16 tên bảo an, thu 6 súng. Trận này phía ta 3 đồng chí hy sinh, bị thương 6 đồng chí.

Tháng 3.1969, lực lượng vũ trang trên địa bàn huyện đánh địch ở nhiều vị trí. Tiểu đoàn 145 dùng mìn Clây mo kết hợp với binh lực đánh vào trận địa pháo Da Nhím đại đội bảo an bảo vệ công trình thủy điện. Cùng thời gian này, đại đội 815 đánh đồn gác cầu Eo Gió-Phú Thuận; đội công K3 đột áp Phú Thuận; các đội công tác hoạt động trên đường 21Bis tiến hành đột nhập các ấp Lạc Bình, Lạc Xuân, Quảng Hiệp, Bắc Hội rải truyền đơn, diệt ác ôn,

hỗ trợ và tạo thế làm chủ cho phong trào quần chúng. Các trận đánh này tuy chất lượng diệt địch chưa cao nhưng làm cho chúng hoang mang, hoảng sợ.

Đầu tháng 4.1969 Tỉnh ủy Tuyên Đức mở hội nghị kiểm điểm rút kinh nghiệm, kịp thời khắc phục tồn tại, quyết tâm mở rộng địa bàn vùng ven Đà Lạt và nông thôn, gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang của tỉnh lớn mạnh, sẵn sàng phối hợp với chiến trường Khu VI đưa phong trào quần chúng tiến lên giành quyền làm chủ toàn diện về mọi mặt.

Quán triệt tinh thần hội nghị tỉnh ủy, các đơn vị vũ trang của huyện vừa chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, khắc phục khó khăn trong hoàn cảnh chiến trường ác liệt, vừa khẩn trương củng cố lực lượng, huấn luyện nâng cao trình độ kỹ chiến thuật, sẵn sàng chiến đấu.

Sang tháng 5.1969, ta tấn công phân chi khu Thạnh Mỹ lần thứ 2. Do bị đánh lần trước, địch rút kinh nghiệm chuyển vị trí đóng quân lên đồi cao (nay gọi là đồi 82), tăng cường thêm pháo, cối, hỏa lực bộ binh. Tiểu đoàn 145 chia 3 mũi chiếm lĩnh trận địa pháo, phân chi khu và đại đội đóng dã ngoại khu vực dốc (Bà Ký). Vì tiếp cận mục tiêu bị lộ, địch chủ động đề phòng, mũi đánh vào đại đội dã ngoại diễn ra ác liệt. Trận đánh vào phân chi khu Thạnh Mỹ đạt hiệu quả không cao, ta bị tổn thất, quân địch đông, có xe bọc thép yểm trợ, đơn vị rút lui để bảo toàn lực lượng.

Trong năm 1969, cục diện chiến trường miền Nam có lợi cho cách mạng. Để tạo thế hợp pháp đấu tranh chính trị với địch, Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời, thay mặt nhân dân miền Nam đàm phán tại hội nghị Paris. Ngày 6.6.1969, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời của tỉnh Tuyên Đức và huyện Đơn Dương được thành lập trên địa bàn huyện. Ông Toutiang Đôn, một nhân sĩ yêu nước người dân tộc được bầu làm phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng Lâm thời Tỉnh.

Những tháng giữa năm 1969, lực lượng vũ trang Đơn Dương liên tục tấn công các ấp chiến lược gây cho địch nhiều thiệt hại. Đêm 12.6.1969, tiểu đoàn 145 đột áp Suối Thông A, là nơi có đường hào sâu và hàng rào bao quanh, đánh vào đoàn binh định nông thôn và bọn phòng vệ dân sự. Do có khó khăn vì địch phòng thủ kiên cố, trận đánh không dứt điểm nhưng đơn vị đã bảo vệ được cho đội công tác K1 tuyên truyền vận động quần chúng, không chế bọn ác ôn. Trong tháng 7.1969, khi vào ấp Thạnh Nghĩa, 6 đồng chí của đại đội 815 gặp địch đang chuẩn bị hành quân càn quét khu vực Hồ Tiên đã nổ súng đánh đại đội bảo an. Nhờ giữ được yếu tố bí mật bất ngờ, trận này ta tiêu diệt 12 tên, buộc địch phải hủy bỏ cuộc hành quân. Trong trận đánh này, đồng chí Trần Thị Thu, cán bộ huyện đội anh dũng hy sinh.

Liên tiếp trong tháng 7 và 8, lực lượng vũ trang phối hợp với các đội công tác đột áp Nam Hiệp, Nghĩa Hiệp, Suối Thông B, Thạnh Nghĩa, Lạc Xuân, Phú Thuận vừa tuyên truyền phát động quần chúng nổi dậy giành

quyền làm chủ, vừa diệt ác trừ gian, bắt giáo dục một số tề điệp làm cho địch vô cùng hoang mang, nhiều tên đêm phải lên ngủ ở quận lỵ hoặc dựa vào đồn bốt để tránh sự trừng phạt của cách mạng.

Cũng từ năm 1969, để giải quyết khó khăn về đời sống, bảo đảm hoạt động lâu dài, Huyện ủy chủ trương vận động một số tư sản, chủ xưởng, đồn điền, nhà thờ đóng góp hoặc bán lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu của cơ quan huyện, các đội công tác, đơn vị vũ trang. Nhiều chủ xưởng ủng hộ nhưng cũng có nơi gây khó khăn.

Trong lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đang trên đà thắng lợi thì ngày 2.9.1969 Bác Hồ kính yêu của dân tộc ta từ trần. Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân với niềm tiếc thương vô hạn đã đẩy lên phong trào biếu đau thương thành hành động cách mạng. Đảng bộ, nhân dân các dân tộc Đơn Dương bằng nhiều hình thức đã tổ chức lễ tang. Không những ở căn cứ cách mạng mà ngay cả trong vùng địch kiểm soát đồng bào cũng lập bàn thờ truy điệu Bác. Tưởng nhớ công ơn Bác Hồ và hưởng ứng lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương Đảng, Huyện ủy phát động phong trào thi đua giết giặc lập công. Các đơn vị vũ trang và đội công tác tích cực hoạt động đánh địch bằng nhiều hình thức tập kích, đột áp, chặn các đoàn xe, dùng vũ khí tự tạo, gài mìn đường bộ, đường sắt gây cho địch nhiều thiệt hại. Ngày 16.9, tiểu đoàn 145 tấn công đồn Krăng gọ, đánh vào đại đội hỗn hợp gồm lính bảo an và dân vệ, thu một số súng cối, M79, trung liên, một máy PRC 25. Đầu tháng 10, đại đội 815 và huyện đội phối hợp đánh ấp Suối Thông A. Ở đây do nhiều lần bị tập kích, địch canh gác cẩn mật và phòng thủ kiên cố. Trận đánh diễn ra ác liệt, địch tập trung pháo bắn chi viện. Kết quả ta đã tiêu diệt, làm bị thương khoảng 40-50 tên, gây tổn thất cho đại đội bảo an, trung đội pháo. Vào thời điểm này, địch tập trung huấn luyện dân vệ toàn tỉnh, tập trung đông ở Suối Thông A đã bị ta đánh thiệt hại nặng, trận đánh đạt hiệu quả cao.

Cùng với việc tăng cường hoạt động vũ trang, giữa năm 1969, thực hiện chỉ thị của Trung ương cục miền Nam, Đảng bộ huyện đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chi bộ 4 tốt, nâng cao năng lực lãnh đạo của cơ sở Đảng và Đảng viên. Qua thử thách, đấu tranh cách mạng, Đảng bộ ngày càng được củng cố. Vì vậy, tuy địch tập trung đánh phá ác liệt trên địa bàn xã, ấp nhưng phong trào cách mạng trong huyện vẫn đứng vững, hiệu quả tấn công địch đạt cao. Hoạt động của quân và dân Đơn Dương trong năm 1969 đã đẩy lùi âm mưu bình định cấp tốc, làm thất bại kế hoạch “quét và giữ” của địch. Ở nhiều nơi như Lạc Xuân, Lạc Bình, Đồng Thạnh, Lạc Lâm Làng, Phú Thuận... địch không thực hiện được ý đồ dồn quân bắt lính, bộ máy ngụy quyền ở cơ sở mất tác dụng khống chế nhân dân, binh lính và bọn ác ôn, tề điệp hoang mang, giảm sút tinh thần. Đầu năm 1970, Khu ủy VI quyết định

sáp nhập Ban cán sự K67 vào Huyện ủy Đơn Dương. Ban cán sự K67 có các đồng chí Lưu Minh Nghiệp, Võ Văn Danh (Tám Thiết), Cha Ma Lé Nghèo, Tạ Yên Phúc, Ama Việt. Quân khu tăng cường tiểu đoàn 200 C của quân khu cho huyện. Đêm 31.1.1970 tiểu đoàn 200 C phối hợp với đại đội 815 đánh chi khu, chi cảnh sát quận Đơn Dương và Hội đồng xã Lạc Nghiệp. Kết quả, ta phá hủy chi cảnh sát, tiêu diệt gần 100 tên gồm bảo an, cảnh sát và 1 tên thiếu tá cố vấn Mỹ. Số địch sống sót bỏ chạy, trong đó có tên quận trưởng. Cũng trong đêm 31.3, đội công tác K2 do đồng chí Chúng làm đội trưởng, vũ trang vào ấp Lạc Thiện đánh bọn phòng vệ dân sự, thu 10 súng các loại; Đội công tác K1 do đồng chí Việt làm đội trưởng vũ trang vào ấp Bắc Hội, thuyết phục tiểu đội dân vệ gác cầu Fi Vàng giao nộp 6 súng, giáo dục bọn này trở về gia đình làm ăn.

Thực hiện chỉ thị 36 của Trung ương Cục và nghị quyết đầu năm 1970 của Khu ủy, Tỉnh ủy Tuyên Đức quyết định mở đợt hoạt động Xuân Hè, lấy tên là đợt TK-70⁽¹⁾, quyết tâm đẩy mạnh hoạt động quân sự, chính trị, mở rộng vùng làm chủ ở nông thôn, vùng ven thị xã.

Phối hợp cùng quân dân trong tỉnh, lực lượng vũ trang và các đội công tác liên tiếp tổ chức đánh địch trên địa bàn huyện. Ngày 30.4.1970, đại đội 815 tập kích trung đội bảo an tại Suối Thông B, diệt 10 tên. Tiếp đó, từ cuối tháng 5 đến đầu tháng 6 đội công tác K1 và đơn vị 815 liên tục đánh vào các ấp Suối Thông B, bắt bọn tề điệp, tuyên truyền vận động quần chúng, xây dựng cơ sở cách mạng. Để giải tỏa cho phân chi khu Thanh Mỹ, địch phải đưa lính ở chi khu Đơn Dương vào viện trợ và để lại một đại đội bảo an chốt giữ. Trong những tháng tiếp theo, các đội công tác phối hợp chặt chẽ với bộ đội địa phương đột nhập vào ấp Phú Thuận, Lạc Xuân, Nghĩa Hiệp, Thanh Nghĩa đánh bọn bình định nông thôn, phòng vệ dân sự.

Trong chiến dịch TK, quân và dân tỉnh Tuyên Đức đã tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phần lớn bộ máy kèm ở cơ sở tan rã. Tổng kết chiến dịch, ta tấn công 23 mục tiêu, diệt gần 1000 tên địch, phá hủy 17 xe tăng quân sự. Các đơn vị vũ trang với cách đánh đặc công, có quyết tâm cao, hiệp đồng tác chiến chặt chẽ, phối hợp giữa tấn công quân sự và phong trào nổi dậy của quần chúng, đã giành được thắng lợi to lớn, có ảnh hưởng không những đối với phong trào cách mạng địa phương mà lan rộng đến các chiến trường trong khu và toàn miền.

Sau thắng lợi của đợt hoạt động Xuân Hè 1970, đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Đức lần thứ nhất tiến hành từ ngày 10 đến 13 tháng 7 năm 1970. Trong báo cáo kiểm điểm, đại hội nhất trí nhận định: Qua 9 năm kể từ ngày

(1) TK là chiến dịch tập kích chiến lược. Chiến dịch được mở từ cuối tháng 3 đến cuối tháng 6.1970.

thành lập, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, quân và dân tỉnh nhà đã nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, vượt qua gian khổ ác liệt, giữ vững phong trào, chủ động tấn công, góp phần cùng quân dân miền Nam tiêu diệt nhiều sinh lực địch, đánh bại âm mưu bình định của chúng.

Theo yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, Đại hội đề ra phương hướng: Đẩy mạnh tấn công vũ trang, chính trị, binh vận của tất cả các lực lượng bên trong và bên ngoài, ở cả thành thị và nông thôn, trọng tâm là phá ấp, phá kềm, giành dân, mở vùng, làm thất bại chương trình bình định của địch.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh là một sự kiện chính trị có ảnh hưởng trực tiếp đến phong trào cách mạng của địa phương, trong đó có phong trào ở Đơn Dương.

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh, tháng 8 năm 1970, Huyện ủy Đơn Dương mở Đại hội đại biểu lần thứ nhất tại hậu cứ. Về dự Đại hội có 50 đại biểu đại diện cho các chi bộ của lực lượng vũ trang, chi bộ đội công tác, chi bộ trong vùng địch tạm chiếm. Đại hội huyện Đảng bộ đã kiểm điểm công tác thời gian qua, kể từ khi thành lập Ban cán sự Đảng ở huyện, đề ra phương hướng nhiệm vụ trong những năm tới. Đại hội bầu Ban chấp hành gồm đồng chí Chế Đăng làm bí thư, đồng chí Nguyễn Phú Hộ Ủy viên Ban thường vụ làm thường trực Đảng và các đồng chí Trần Hà, Lê Tạc, Hoàng Trinh, Mai Thanh, Phùng Quốc Tịnh (Bình).

Trước phong trào quần chúng ngày càng phát triển, để tập hợp lực lượng thanh niên, Huyện ủy quyết định thành lập Huyện đoàn thanh niên giải phóng với khoảng 60 đoàn viên do đồng chí Trần Kim Nhật làm bí thư kiêm đội trưởng đội công tác K4.

Về lực lượng vũ trang, sau khi được tỉnh tăng cường số lượng, đại đội 815 có 80 đồng chí, để phù hợp với tình tác chiến, đại đội 815 chia tách thành 2 đơn vị là 415 và 814, mỗi đơn vị có 40 đồng chí. Sau khi được củng cố, Huyện ủy phân công hoạt động của các đơn vị như sau: Đại đội 815 đứng chân khu vực tam Giác (Hồ Tiên), chịu trách nhiệm tuyến đường 21 Bis và 11; đại đội 814 phía Nam sông Đa Nhím cùng đại đội 830 công binh của tỉnh hoạt động vùng Càn Rang, Eo Gió, Phú Thuận lên Xuân Trường. Cùng phối hợp với các đơn vị vũ trang, các đội công tác đẩy mạnh móc nối xây dựng cơ sở, củng cố những nơi bị mất liên lạc.

Về chính trị, chỉ đạo của Huyện ủy từ K67 đến các xã Nam sông, dọc đường 21Bis đã có sự tập trung, thống nhất, tạo sức mạnh cho quần chúng đấu tranh chống địch, củng cố thực lực cách mạng ở cơ sở.

Nhằm xúc tiến chương trình bình định đặc biệt, kể từ sau chiến dịch TK của ta tấn công vào Đà Lạt, địch tăng cường các thủ đoạn đánh phá phong trào cách mạng bên trong. Ở nông thôn, chúng tiến hành bình định có trọng

điểm, sau đó mở rộng ra các vùng xung quanh theo phương thức vết dầu loang. Tại Đơn Dương, địch đẩy mạnh vũ trang cho lực lượng phòng vệ dân sự, đưa thám báo, biệt kích lùng sục hậu cứ, phá nương rẫy sản xuất của cơ quan huyện. Chúng dùng máy cưa, xe be có lính đi kèm cày ủi sâu vào khu vực Tam Giác (Hồ Tiên), vào địa bàn trú quân của các đội công tác, tạo vành đai trắng ngăn cách ta đột nhập vào ấp, chặn nguồn tiếp tế của quần chúng và cơ sở cách mạng. Địch phát triển hệ thống mật vụ, dân vệ kèm chặt, kiểm soát việc đi lại làm ăn của nhân dân. Hoạt động của địch gây nhiều khó khăn cho ta.

Trước tình hình đó và để chủ động nguồn hậu cần tại chỗ, huyện ủy tổ chức lực lượng sản xuất ở hậu cứ, có lúc lên đến 25 người, gồm các đồng chí ở các đơn vị bộ đội và đội công tác chuyển về tuyến sau. Bên cạnh đó ta còn vận động đồng bào các dân tộc trong huyện ủng hộ lương thực, thực phẩm, thu thuế của các đồn điền, nhà thầu khai thác gỗ. Vì vậy, các đơn vị có điều kiện vượt qua khó khăn, thiếu thốn, bám địa bàn thực hiện nhiệm vụ trên giao.

Thực hiện chỉ thị 01 của Trung ương cục miền Nam và nghị quyết số 14 của Khu ủy VI, tháng 3.1971 Tỉnh ủy họp và ra nghị quyết nêu rõ: Tập trung mọi khả năng, đẩy mạnh đánh phá kế hoạch bình định của địch, trước mắt đánh sụp lực lượng kèm cơ sở, giành quyền làm chủ ở ấp, xã, phá vỡ hệ thống phòng thủ của địch ở nông thôn... tạo thế và lực mới ở cả 3 vùng, tiến tới cao trào tấn công, nổi dậy rộng khắp, cùng toàn khu, toàn miền thay đổi cục diện chiến trường.

Những tháng đầu năm 1971, đại đội 814, 815 liên tục vũ trang vào các ấp Nam Hiệp, Nghĩa Hiệp (Ka Đô), Phú Thuận, Hòa Bình (Lạc Nghiệp) vừa tiêu diệt lực lượng kèm, tề điệp, mật báo vừa phục kích đánh bọn dân vệ trong ấp; các đơn vị còn vận dụng cách đánh theo phân đội nhỏ, tháo gỡ bom mìn địch cài để đánh lại chúng. Tháng 5.1971, địch tập trung một đại đội bảo an của chi khu, có 2 pháo 105 ly yểm trợ, đóng quân ở ấp Nghĩa Hiệp chuẩn bị càn quét vùng hậu cứ cơ quan huyện. Để phá vỡ ý đồ của chúng, đại đội 815 dùng một tiểu đội bí mật tập kích vào ban đêm, phá hỏng một khẩu pháo, diệt 5 tên, buộc địch phải dỡ bỏ cuộc càn.

Tháng 7.1970, theo yêu cầu nhiệm vụ, đồng chí Nguyễn Nghĩa Phương được điều về làm bí thư Huyện ủy Đơn Dương, đồng chí Ché Đặng chuyển lên Tỉnh ủy. Những tháng cuối năm 1971, các đơn vị vũ trang phối hợp với các đội công tác tiếp tục tấn công địch, khiến chúng hoang mang, giao động. Tháng 11.1971, đại đội 815 sử dụng một trung đội đánh vào ấp Nghĩa Hiệp do trung đội dân vệ người Nùng đóng giữ, tiêu diệt một tiểu đội; đại đội 830 cùng đội công tác K2 đột nhập ấp Hòa Bình vũ trang tuyên truyền và diệt

một ác ôn, bắt một số nhân dân tự vệ cảm hóa tại chỗ rồi thả về, tạo điều kiện cho cơ sở cách mạng hoạt động.

Mặc dù trong năm 1971, địch tăng cường nòng ra đánh phá hậu cứ ác liệt hơn trước nhưng lực lượng vũ trang của huyện vẫn tích cực chủ động tấn công, phá hỏng 24 xe be, 3 máy ủi, tiêu diệt sinh lực địch, không cho chúng tạo vành đai trắng ngăn lực lượng cách mạng vào tiếp xúc, móc nối với dân, bảo vệ hành lang thông suốt. Hoạt động mạnh về quân sự đã tạo điều kiện cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Nhiều nơi nhân dân không để địch cài mìn, đòi bồi thường thiệt hại do chúng gây ra.

Cuối năm 1971, Tỉnh ủy Tuyên Đức mở hội nghị đánh giá tình hình và đề ra phương hướng cụ thể cho năm 1972: Tăng cường hoạt động của lực lượng vũ trang kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị, binh vận, đẩy mạnh tấn công trên diện rộng, làm thất bại một bước quan trọng âm mưu bình định, làm tan rã bộ máy kèm ở cơ sở của địch, khôi phục các ấp làm chủ của ta.

Sang năm 1972, địch chủ trương quân sự hóa bộ máy nguy quyền đến ấp. Chúng tập trung lực lượng ngoan cố thực hiện chương trình bình định với nhiều âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt. Ở cơ sở, địch ráo riết củng cố bộ máy kèm, đưa một số tên ác ôn về làm ấp trưởng những nơi xung yếu mà chúng cho là có “ổ Việt cộng” như Quảng Hiệp, Nghĩa Hiệp (Ka Đô), Bắc Hội (Thanh Mỹ), xây dựng mỗi ấp một tiểu đội dân vệ xung kích có trang bị vũ khí mạnh. Từng ấp địch sắp xếp một ấp trưởng và 2 ấp phó, nắm chắc lực lượng dân vệ, an ninh, mật báo, quản lý chặt chẽ, giám sát việc đi lại của nhân dân. Chúng tiến hành phân loại đối tượng, thực hiện nhiều thủ đoạn thâm độc như ghi tên vào danh sách đảng dân chủ, gắn danh hiệu mật báo có bí số nhằm bôi đen và ly gián quần chúng với cách mạng, phân hóa nội bộ nhân dân.

Thực hiện chủ trương đánh phá kế hoạch bình định, Huyện ủy một mặt tiến hành củng cố lực lượng vũ trang, khắc phục khó khăn sẵn sàng chiến đấu; mặt khác tập trung các đơn vị và đội công tác đánh vào bộ máy kèm của địch ở các ấp dọc đường 21Bis, khu vực Nam sông.

Ngày 22.4.1972, tổ 8 đồng chí của đại đội 815 đón đánh bọn dân vệ đi càn và gỡ mìn do chúng cài quanh ấp, diệt gọn một tổp địch ở Quảng Hiệp. Đêm 7.5, các đơn vị vũ trang và đội công tác đột nhập ấp Hòa Bình, Phú Thuận rải truyền đơn, dùng cơ sở cách mạng vận động chuyển hóa bộ máy nguy quyền. Cũng trong tháng 5, đội K1, K2 bí mật liên lạc với cơ sở và xây dựng thêm cơ sở mới ở ấp Lạc Xuân, Bắc Hội, Đròn. Nhân dân ấp Lạc Bình, Lạc Xuân đấu tranh kiên quyết không để địch dòn dân, kiểm soát và khống chế cơ sở.

Cũng trong năm 1972, địch mở những cuộc càn quét có phi cơ, pháo binh yểm trợ đánh phá hậu cứ ta. Tại Thanh Mỹ, chúng sử dụng đại đội 4

tiểu đoàn 266 địa phương quân và 3 trung đội dân vệ hành quân thăm dò vùng giáp ranh. Ban đêm, địch đưa các nhóm dân vệ xung kích ém phục, gài mìn xung quanh ấp. Những thủ đoạn của địch gây nhiều khó khăn cho ta, một số đội công tác tổn thất khi đang làm nhiệm vụ, cơ sở bên trong không liên lạc trực tiếp được với bên ngoài mà phải thông qua hộp thư mật.

Càng thất bại trên chiến trường Mỹ-Ngụy càng lòng lộn đánh phá phong trào cách mạng địa phương, đồn quân bắt lính bổ sung cho các đơn vị chủ lực ngụy, kiểm soát chặt chẽ hoạt động của quần chúng. Trong năm 1972, nhiều đợt bắt lính diễn ra ở các xã, có nơi như Lạc Lâm địch bao vây trong 3 ngày, một số thanh niên vào nhà thờ trốn lính đã bị bắn chết một người.

Cuối năm 1972, chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ đứng trước nguy cơ bị phá sản. Cuộc chiến tranh xâm lược kéo dài đã đẩy nước Mỹ lâm vào tình trạng thiếu hụt về kinh tế, rối ren về chính trị, xã hội. Trong lúc đó phong trào đấu tranh của nhân dân Mỹ, nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới đòi chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam phát triển rộng khắp. Không còn con đường nào khác, đế quốc Mỹ buộc phải chấp nhận dự thảo hiệp định do chính phủ ta đưa ra tại hội nghị Paris (ngày 8.10.1972).

Nhưng với bản chất hiếu chiến và ngoan cố, bọn địch ở Đôn Dương vẫn đẩy mạnh các hoạt động nhằm thực hiện âm mưu chiếm đất, giành dân, mở rộng vùng chúng kiểm soát. Địch tập trung củng cố đồn bót, tăng cường hành quân càn quét lấn chiếm vùng ta làm chủ. Chúng đặt các trạm quân sự trên trục lộ, củng cố chi khu Đôn Dương, thành lập phân chi khu ở mỗi xã.

Thực hiện “Kế hoạch thời cơ”⁽¹⁾ của toàn miền Nam, từ tháng 10.1972 lực lượng vũ trang liên tục đột nhập ấp, cấm cò Mặt trận dân tộc giải phóng ở các địa bàn trong huyện, vận động quần chúng đấu tranh giành đất giành dân, nổi bật là hoạt động của các đơn vị 814, 815, 830 kết hợp với các đội công tác đột vào ấp Phú Thuận, Nam Hiệp, Suối Thông A, B.

Đêm 28.10.1972, đại đội 815, đội công tác K4 và lực lượng cơ quan huyện ở hậu cứ vũ trang vào Ka Đô cấm cò, xây dựng cơ sở, thực hiện chủ trương giành đất giành dân với địch. Quân ngụy có pháo binh ở phân chi khu Thạnh Mỹ bắn chi viện bao vây đánh trả quyết liệt. Do lực lượng vũ trang của ta quá ít đã được lệnh rút lui, bộ phận ở hậu cứ và đội K4 không ra kịp bị địch chặn đường phải trụ lại. Chúng đưa thêm quân vây chặt gọi hàng nhưng cán bộ, chiến sĩ đã dũng cảm chiến đấu. Trận này ta thương vong 8 đồng chí.

Chiều ngày 19.11.1972, khoảng lúc 16 giờ, đại đội 815 đánh vào trung đội nghĩa quân đang hành quân từ Nghĩa Hiệp đến Quảng Hiệp, diệt 3 tên,

(1) Kế hoạch thời cơ là tranh thủ vận động nhân dân, cùng lực lượng vũ trang nổi dậy giành dân, giành đất, tranh chấp với địch.

làm bị thương 1 tên. Đây là trận đánh tiêu hao sinh lực địch, phá kèm. Sau trận này, bọn nguy khiếp sợ, không còn hung hăng như trước nữa.

Điểm lại sau 4 năm (1969-1972) chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, Mỹ-Ngụy đã đẩy mạnh chương trình bình định lên mức độ cao trên địa bàn huyện, liên tiếp hành quân càn quét ra vùng ta làm chủ, kèm chặt xã, ấp, ngăn chặn tiếp tế và liên lạc từ trong ra ngoài. Trước tình hình đó, lực lượng ta ít lại phải trải ra đánh địch trên diện rộng nên đã gặp không ít khó khăn, tổn thất. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, quân dân Đơn Dương không ngừng phấn đấu vượt qua thử thách, cùng nhân dân trong tỉnh và toàn miền Nam đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, buộc Mỹ phải ký kết hiệp định Paris chấm dứt sự can thiệp trực tiếp vào miền Nam Việt Nam.

II. Chống địch lấn chiếm, chuẩn bị lực lượng, đón thời cơ giải phóng huyện Đơn Dương (1973-1975).

Chiến thắng to lớn và liên tiếp về quân sự ở cả 2 miền Nam, Bắc buộc đế quốc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, ký kết hiệp định Paris vào ngày 27.1.1973. Thắng lợi của hiệp định Paris đánh dấu bước ngoặt lịch sử làm thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho cách mạng nước ta, tạo ra khả năng sớm hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất tổ quốc.

Chờ đón hiệp định được chính thức ký kết và có hiệu lực thi hành, các tầng lớp nhân dân lao động ở Đơn Dương rất phấn khởi, không khí hòa bình lan rộng. Qua báo đài công khai, nhân dân biết rõ thất bại của Mỹ và tay sai; công tác tuyên truyền kịp thời của ta làm cho đồng bào hiểu thêm chính sách hòa hợp dân tộc của Đảng, của Mặt trận dân tộc giải phóng, niềm tin càng được củng cố. Trong khí thế đó, đêm 27.1.1973 quân và dân Đơn Dương đồng loạt vũ trang tuyên truyền chiến thắng, cắm cờ giành đất; đơn vị 815, đội công tác K3, K2, K4 rải truyền đơn ở Phú Thuận, Lạc Xuân, Ka Đô.

Với bản chất hiếu chiến và xâm lược, Mỹ tiếp tục sử dụng nguy quyền Sài Gòn hòng thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, duy trì chủ nghĩa thực dân mới. Mỹ viện trợ vũ khí, phương tiện chiến tranh và tiền của, chính quyền Sài Gòn thực hiện kế hoạch bình định lấn chiếm, tạo vành đai phân tuyến nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng.

Sau hiệp định Paris được ký kết, bọn địch ở Đơn Dương vẫn ra sức đẩy mạnh các hoạt động quân sự, lấn chiếm đất đai, thanh lọc kèm kẹp nhân dân. Chúng củng cố chi khu quận lỵ Đơn Dương, phân chi khu Thạnh Mỹ, đồn M’Lơn, tăng khả năng khống chế Ka Đô và vùng Nam sông, liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét cơ quan hậu cứ của huyện, cày ủi địa hình khu Tam Giác Hồ Tiên nhằm tạo vành đai ngăn lực lượng của ta bên ngoài với cơ sở bên trong. Địch đưa thêm nhiều tên ác ôn về làm ở ấp, xã, liên gia trưởng với mưu đồ ổn định nội bộ, sắp xếp lực lượng để kèm kẹp nhân dân, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý.

Trong năm 1973, các đơn vị vũ trang và đội công tác của huyện gặp khó khăn do quân số giảm sút qua chiến đấu chưa có điều kiện bổ sung. Mặt khác, địch tăng cường khủng bố, bắt bớ cơ sở gây tổn thất cho phong trào. Các đơn vị vũ trang và đội công tác nhiều lần đột nhập áp bị phục kích, vướng mìn. Ngày 5.3.1973, đội công tác K3 và một tổ vũ trang của đại đội 814 vào ấp Phú Thuận, khi hoàn thành nhiệm vụ trên đường trở về căn cứ bị địch phục kích, một số hy sinh.

Trước tình hình đó, tháng 3.1973 Huyện ủy triệu tập các đơn vị vũ trang, các đội công tác về hậu cứ học tập, phổ biến nhiệm vụ của Khu ủy, Tỉnh ủy. Sau khi quán triệt tinh thần phải đề cao cảnh giác, chống hữu khuynh, máy móc trong việc thi hành hiệp định, hội nghị đề ra một số nhiệm vụ cụ thể là tiếp tục tấn công địch về chính trị, binh vận, có vũ trang hỗ trợ; đồng thời đẩy mạnh sản xuất ở hậu cứ, chuẩn bị lương thực, thực phẩm bảo đảm cho công tác, chiến đấu và hỗ trợ đồng bào vùng căn cứ đang bị mất mùa, thiếu muối, vải mặc...

Thực hiện chủ trương của huyện, lực lượng vũ trang đã đẩy mạnh các hoạt động tấn công địch. Trong tháng 9 và 10.1973, đại đội 815 liên tục đánh chặn, ngăn lực lượng địch ở phân chi khu Thạnh Mỹ vào chặt cây, cày ủi địa hình, bảo vệ hành lang khu vực Tam Giác (Hồ Tiên), phá một số phương tiện xe be, máy ủi. Tại căn cứ, phong trào sản xuất tự túc phát triển, sản phẩm thu được cùng với lương thực, thực phẩm của cơ sở bên trong tiếp tế tạm thời bảo đảm đời sống của cơ quan, đơn vị công tác và trợ giúp một phần cho dân ở hậu cứ vượt qua nạn đói.

Đầu năm 1973, Tỉnh ủy điều động đồng chí Vũ Tâm, tỉnh ủy viên dự khuyết về thay đồng chí Nguyễn Nghĩa Phương làm bí thư huyện ủy Đơn Dương. Suốt trong năm 1973-1974 địch liên tiếp càn quét, đánh vào cơ quan lãnh đạo của Huyện ủy và nơi trú quân của các đơn vị. Tháng 6.1974, địch càn vào hậu cứ, đồng chí Vũ Tâm và một số cán bộ lãnh đạo huyện hy sinh. Để củng cố tổ chức, Tỉnh ủy Tuyên Đức quyết định rút gọn Huyện ủy Đơn Dương thành ban cán sự Đảng, chỉ định đồng chí Nguyễn Phú Hộ làm quyền bí thư.

Do địch càn quét ác liệt, quân số các đại đội còn lại ít, huyện tiến hành sáp nhập các đơn vị 814, 815 thành đại đội 815, chuyển vị trí đóng quân về khu Tam Giác Hồ Tiên. Nhân dân vùng căn cứ và một số đồng chí ở các đơn vị được đưa về khu Nam Sơn, căn cứ của Quân khu VI. Các đội công tác cũng chuyển về bám địa bàn Hồ Tiên hoạt động. Sau ổn định tổ chức, lực lượng vũ trang tiếp tục đánh địch lấn chiếm, bảo vệ cơ quan Ban cán sự.

Cuối năm 1974, để phù hợp với sự chỉ đạo, Tỉnh ủy Tuyên Đức quyết định giải thể Ban cán sự Đảng huyện Đơn Dương, thành lập Ban cán sự Đảng khu Tam Giác, chỉ định đồng chí Nguyễn Lâm, Ủy viên Ban thường

vụ Tỉnh ủy làm bí thư, đồng chí Nguyễn Phú Hộ phó bí thư và các đồng chí Trần Mười, Quý. Sau khi đồng chí Nguyễn Lâm chuyển công tác, đồng chí Phan Công Chúng được bổ sung vào ban cán sự. Ban cán sự khu Tam Giác chỉ đạo các xã Xuân Trường, Xuân Thọ và trực tiếp chỉ đạo mọi mặt ở Đơn Dương.

Để phù hợp với điều kiện hoạt động, các đội công tác được sáp nhập lại thành 3 đội. Đội K1 được sáp nhập từ đội K1 và K4, do đồng chí Huỳnh Minh Xuyên làm đội trưởng. Đội K2 và K3 nhập lại thành đội K2 do đồng chí Phan Công Chúng làm đội trưởng. Đội công tác Xuân Trường đồng chí Phạm Báng làm đội trưởng. Về sau còn có đội công tác KT từ K67 về hoạt động ở Đơn Dương.

Đội công tác K1 hoạt động trong điều kiện khó khăn do lực lượng ít, địa bàn rộng. Tháng 10.1974, địch đánh vào nơi trú chân của đội. Cùng với một tổ của đại đội 815 đội đã chiến đấu và bảo toàn lực lượng. Được sự chỉ đạo của trên và bám địa bàn hoạt động, đội đã móc nối xây dựng các cơ sở, mở đường dây liên lạc phía Nam, Bắc sông Đa Nhim. Đến giữa năm 1974, đội đã khôi phục lại một số cơ sở cũ ở Đ'Ròn, Suối Thông B, Bắc Hội, Nghĩa Hiệp, Quảng Hiệp (Ka Đô), xây dựng mới một số cơ sở ở Suối Thông A, Suối thông C. Những tháng cuối năm 1974 đầu năm 1975, đội thường xuyên đột áp tuyên truyền.

Về lực lượng vũ trang, đại đội 815 có nhiệm vụ đánh địch hỗ trợ các đội công tác và chống địch càn quét khu vực Tam Giác Hồ Tiên. Đại đội cùng các đội công tác bám địa bàn các ấp Lạc Bình, Lạc Xuân, Đ'Ròn, suối Thông B đánh bọn phòng vệ dân sự, hạn chế việc chúng bung ra cài mìn, phục kích. Cũng trong năm 1974, ta xây dựng được một số cơ sở trong hàng ngũ địch ở Lạc Xuân, móc nối hoạt động một số cơ sở ở Lạc Lâm Làng. Cuối 1974, đội công tác Xuân Trường đột áp Xuân Sơn diệt tên ấp trưởng ác ôn, làm bọn dân vệ lo sợ không dám đi tuần tra lùng sục trong thôn.

Sau 2 năm kể từ khi hiệp định Paris được ký kết (1973-1974), địch tăng cường lực lượng đẩy mạnh đánh phá cơ sở bên trong và càn quét ra hậu cứ gây cho ta nhiều tổn thất, thực lực cách mạng tại chỗ bị thu hẹp, đơn vị vũ trang, đội công tác sáp nhập lại. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Tuyên Đức, quân dân Đơn Dương đã vượt qua khó khăn thử thách, tiếp tục củng cố tổ chức, duy trì phong trào cách mạng, bảo vệ hậu cứ và hành lang, giữ vững đường dây liên lạc giữa huyện và tỉnh, tạo thế và lực sẵn sàng cùng nhân dân trong tỉnh thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn mới của cách mạng.

Bước vào chiến dịch Đông-Xuân 1974-1975, quân dân 2 miền liên tiếp giành được những thắng lợi to lớn. Tại miền Nam, địch mất nhiều vị trí chiến lược quan trọng, kế hoạch lấn chiếm bình định cơ bản bị thất bại. Về quân sự, ta đã xây dựng các quân đoàn sẵn sàng đánh những đòn quyết định

trên chiến trường. Công tác hậu cần và mạng giao thông chiến lược từ Bắc vào Nam đã kéo dài đến Tây Nam Bộ. Những thuận lợi đó làm cho khả năng giải phóng miền Nam, thống nhất tổ quốc đang trở thành hiện thực.

Trong thời điểm lịch sử đó, hội nghị Bộ chính trị họp từ ngày 30.9 đến 8.10.1974 đã đánh giá tình hình và đề ra chủ trương mới. Bộ chính trị nhận định: Chúng ta đã tạo nên những yếu tố chiến lược quan trọng để tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn, thời cơ chiến lược đã chín muồi để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. Hội nghị quyết định phương án giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975-1976, động viên lực lượng và sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, phấn đấu với tinh thần quyết chiến, quyết thắng cao nhất để hoàn thành nhiệm vụ.

Trên cơ sở nghị quyết tháng 10, cuối tháng 12.1974 đầu tháng 1.1975 Bộ chính trị tiếp tục bổ sung phương án giải phóng miền Nam. Hội nghị khẳng định: Ta đã có điều kiện đầy đủ về quân sự, chính trị và thời cơ chiến lược thuận lợi để giải phóng miền Nam; Đồng thời dự kiến phương án tranh thủ thời cơ quyết tâm giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Ở chiến trường khu VI, Khu ủy chủ trương tập trung lực lượng tấn công nhằm tạo ra bước ngoặt đánh bại kế hoạch lấn chiếm của địch, xây dựng và phát triển phong trào đô thị lên một bước, tạo sự tương quan lực lượng có lợi cho ta.

Vào cuối năm 1974 đầu năm 1975, tình hình chung trong toàn tỉnh Tuyên Đức còn nhiều khó khăn, lực lượng ta ít lại phải trải ra hoạt động trên diện rộng, trong lúc địch tập trung càn quét, lấn chiếm vùng căn cứ, gây trở ngại cho việc liên lạc, tiếp tế.

Quyết tâm thực hiện chiến lược của Đảng, cuối năm 1974, Tỉnh ủy họp và xác định: Khắc phục khó khăn, xây dựng sự đoàn kết nhất trí cao, tập trung sức đánh bại một bước quan trọng kế hoạch bình định của địch, giữ vững địa bàn làm chủ, kết hợp chặt chẽ hoạt động vũ trang với công tác binh vận và phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Trên cơ sở tấn công bóc gỡ các đồn bốt địch, phát triển lõm chính trị, tiến lên đánh yếu khu, giành quyền làm chủ những vị trí quan trọng.

Kế hoạch thực hiện chiến dịch Đông-Xuân 1974-1975 của tỉnh chia làm 2 giai đoạn: Từ cuối năm 1974 đến tháng 2.1975 và từ tháng 3 đến tháng 4.1975. Đồng thời theo nhiệm vụ trên giao phối hợp với Lâm Đồng (cũ), tỉnh Tuyên Đức tập trung lực lượng giải phóng khu vực từ Đa Me đến Phú Sơn trên đường 21Bis, tạo điều kiện cho chủ lực làm bàn đạp tiến lên giải phóng Tuyên Đức.

Thời gian này tại Đơn Dương, chiến thắng của ta ở các chiến trường tuy có làm cho địch hoang mang nhưng chúng vẫn ngoan cố tìm cách đối phó; địch tăng cường lùng sục, gài mìn, đồn đốc việc tuần tra canh gác, bố trí lực

lượng cơ động chiến đấu. Chúng cố tình bung bít tin chiến thắng của ta, bắt bớ những người nghi vấn, thực hiện lệnh giới nghiêm, cấm đi lại vào ban đêm.

Để khắc phục địch khổng chế, o ép quần chúng, đồng thời phối hợp với kế hoạch của tỉnh, Ban cán sự Đảng khu Tam Giác chỉ đạo các đội công tác và đơn vị vũ trang của Đơn Dương bám địa bàn, chủ động đánh địch lấn chiếm. Tại Thanh Mỹ, đội công tác K1 cùng một tổ của đại đội 815 đặt chướng ngại vật, gài mìn trên đường 21Bis đoạn Bắc Hội-Thanh Mỹ. Cuối tháng 1.1975, địch dùng xe reo, xe ủi phát quang khu Tam giác Hồ Tiên bị ta chặn đốt 2 xe reo, 1 máy ủi. Chúng đưa đại đội 44 của tiểu đoàn 66 địa phương quân lên cản và kéo xe về bị mìn ta cài nổ, làm chết và bị thương nhiều tên.

Cuối đợt 2 theo kế hoạch hoạt động của tỉnh, ngày 26.3.1975, Ban cán sự Đảng khu Tam Giác triệu tập cuộc họp gồm các đồng chí đội trưởng đội công tác, chỉ huy đơn vị vũ trang về căn cứ phổ biến nhiệm vụ. Hội nghị quán triệt: Thời cơ có nhiều thuận lợi cho ta, địch đang thất bại ở chiến trường toàn miền Nam, phương châm hành động lúc này là khẩn trương triển khai lực lượng bám địa bàn, bằng mọi hình thức tuyên truyền, vận động nhân dân đấu tranh không để chồng, con, em là ngụy quân tham gia tiếp viện cho chiến trường. Đại đội 815 cùng với đội công tác K1, K2 tiếp cận địa bàn ở các khu vực Phú Thuận, Hòa Bình, Lạc Xuân, Ka Đô đến Đ'Ròn (Thanh Mỹ), Bắc Hội. Đại đội 810 được tỉnh điều về cùng đội công tác Xuân Trường hoạt động ở Xuân Sơn, Đất Làng dọc đường 11.

Diễn biến sôi động của chiến dịch Hồ Chí Minh ở Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng... có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình Đơn Dương và trong tỉnh. Sáng ngày 28.3.1975, ta giải phóng Bảo Lộc. Tiếp đến, các đơn vị bộ đội của tỉnh phối hợp với bộ phận chuẩn bị chiến trường của Quân khu VI giải phóng hoàn toàn tỉnh Lâm Đồng (cũ) vào ngày 31.3.1975.

Trong tâm trạng hoang mang cực độ và ở vào thế bị bao vây cô lập, tối ngày 31.3.1975 toàn bộ lực lượng địch tại Đà Lạt rút chạy theo đường 11 xuống Phan Rang, trước khi quân chủ lực của ta kịp đến. Theo chân bọn địch Đà Lạt, sáng ngày 1.4.1975 binh lính ngụy quyền ở Đơn Dương cũng theo đường 11 di tản xuống Phan Rang.

Trước tình huống khẩn trương và phát triển nhanh chóng của chiến trường, lực lượng ta ở khu Tam Giác dù chưa nhận được sự chỉ đạo của tỉnh nhưng vẫn bám địa bàn chờ lệnh. Sáng 1.4.1975, đại đội địa phương quân và bộ phận nhân dân tự vệ Cầu Đất bỏ súng, không chiến đấu. Đội công tác Xuân Trường, đại đội 810 đã kịp thời phát triển chiếm áp Xuân Sơn và chiều hôm đó có thêm lực lượng thanh niên tham gia đã tiếp quản và làm chủ toàn bộ xã Xuân Trường. Đồng chí Phạm Báng, đội trưởng đội công tác thay mặt

lực lượng vũ trang tuyên bố Cầu Đất, Xuân Trường được hoàn toàn giải phóng, kêu gọi đồng bào giúp đỡ cách mạng.

Sau khi địch rút chạy khỏi Đơn Dương, địa bàn bỏ trống, chưa có đơn vị vũ trang đến giải phóng, cơ sở cách mạng ở Lạc Xuân đã kịp thời liên lạc với bộ phận của Ban cán sự Đảng khu Tam Giác thông báo tình hình. Được tin, ta nhanh chóng tổ chức tiếp quản. Phối hợp với Lạc Xuân, cơ sở quần chúng tại Lạc Nghiệp dùng xe ô tô đón lực lượng cách mạng tiến vào quận lỵ Đơn Dương. Đúng 8 giờ sáng ngày 2.4.1975, tại trung tâm quận cờ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được kéo lên, báo hiệu ngày giải phóng quê hương, đánh dấu bước đường đấu tranh cách mạng đầy hy sinh gian khổ của nhân dân Đơn Dương đã hoàn toàn thắng lợi.

Sáng ngày 3.4.1975, các đội công tác tiếp quản Ka Đô, Thạnh Mỹ. Chính quyền cách mạng được thành lập ở các địa phương trong huyện. Riêng Lạc Lâm đồng bào di tản mấy ngày sau mới về nên ngày 5.4 chính quyền mới được thành lập. Thực hiện nhiệm vụ trước mắt, chính quyền cách mạng tổ chức lực lượng bảo đảm an ninh, kêu gọi binh lính và ngụy quyền trình diện, hướng dẫn nhân dân từng bước ổn định sản xuất, đời sống, triển khai lực lượng du kích bảo vệ các công trình quốc gia như thủy điện Đa Nhim, nhà máy điện, cầu cống trên đường quốc lộ... không để các phần tử gây rối phá hoại, giữ gìn trật tự an ninh xã hội.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đầy gian khổ hy sinh của dân tộc ta đã kết thúc thắng lợi. Qua 21 năm cùng nhân dân cả nước bèn bĩ đấu tranh, ngày 2.4.1975 quân dân Đơn Dương hân hoan chào đón giờ phút giải phóng quê hương, bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới trong hòa bình hạnh phúc.

BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Bốn mươi lăm năm, một chặng đường đấu tranh cách mạng đầy gian nan thử thách, nhân dân các dân tộc huyện Đơn Dương đã không ngừng phấn đấu lập nên nhiều chiến công hiển hách. Trong quá trình hình thành, phát triển và đấu tranh cách mạng, đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của các tầng lớp nhân dân huyện Đơn Dương trải qua nhiều biến đổi sâu sắc. Từ khi có sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Đơn Dương ý thức đầy đủ sức mạnh của mình, một lòng tin tưởng tuyệt đối vào đường lối đúng đắn của Đảng, vượt qua mọi gian khổ, hy sinh, cùng cả nước hoàn thành công cuộc chống thực dân, đế quốc, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng quê hương, đất nước.

Từ thực tiễn đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đơn Dương, rút ra những bài học kinh nghiệm sau đây:

Một là: Phải phát huy sức mạnh toàn dân, xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc bền vững.

Đơn Dương từ xưa đã là nơi hội tụ cư dân của nhiều vùng đất nước, cả đồng bào kinh và đồng bào các dân tộc ít người cùng chung sống. Tuy mang nét riêng về phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo nhưng đều là những người bị chế độ phong kiến, thực dân, đế quốc đè nén nên luôn mang sẵn truyền thống đấu tranh chống áp bức, bóc lột, bất công, chí căm thù thực dân, đế quốc, có lòng yêu nước, yêu quê hương nồng nàn. Quá trình đấu tranh cải tạo thiên nhiên và chống kẻ thù xâm lược, nhân dân Đơn Dương luôn nêu cao tình đoàn kết, yêu thương đùm bọc lẫn nhau, kiên cường, bất khuất đấu tranh chống kẻ thù chung. Khối đại đoàn kết các dân tộc của nhân dân Đơn Dương là nhân tố tạo nên sức mạnh vững chắc, được thử thách, phát huy, qua đấu tranh cách mạng càng thêm bền vững.

Trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung, trải qua chiến tranh, chịu sự đàn áp tàn khốc của thực dân, đế quốc nhưng nhân dân Đơn Dương vẫn kiên trì chịu đựng gian khổ, hy sinh, không quản ngại hiểm nguy, chớ che nuôi dưỡng cách mạng. Biết bao đồng bào, người mẹ, người chị bị địch bắt bớ, tù đầy, tra tấn dã man nhưng thà hy sinh thân mình, một lòng theo Đảng, kiên quyết không chịu khai báo, bảo vệ cán bộ và cơ sở cách mạng của Đảng. Những tấm gương bất khuất đó đã tiêu biểu cho tinh thần cách mạng của nhân dân các dân tộc Đơn Dương, thể hiện được khối đại đoàn kết toàn dân, tạo thành sức mạnh chiến thắng mọi kẻ thù hung ác.

Hai là: Phải tăng cường mối quan hệ khăng khít giữa Đảng và nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân là yếu tố quyết định để vượt qua khó khăn, gian khổ, thử thách, hoàn thành mọi nhiệm vụ cách mạng được giao.

Trải qua hai cuộc kháng chiến gian lao mà anh dũng ở vùng đất thuộc chiến trường khu VI, nơi kẻ thù tập trung lực lượng và phương tiện chiến tranh đánh phá ác liệt phong trào cách mạng, Đảng viên, cán bộ, các lực lượng vũ trang và nhân dân luôn giữ vững tình đoàn kết gắn bó, thủy chung. Được nhân dân chở che đùm bọc, sống trong lòng dân, biết dựa vào dân, bao thế hệ Đảng viên, cán bộ, chiến sĩ hoạt động ở chiến trường Đôn Dương đã nêu cao tinh thần hy sinh, quyết tâm bám địa bàn, bám dân xây dựng cơ sở, tạo thế và lực tại chỗ, phát triển mạnh mẽ lực lượng cách mạng. Tình đoàn kết quân dân là động lực cổ vũ cán bộ, chiến sĩ vượt qua mọi gian khổ, hoàn thành nhiệm vụ được giao, là cơ sở để đề ra phương châm hoạt động phù hợp, vận dụng nhiều cách đánh có hiệu quả, giành thắng lợi trong hoàn cảnh khó khăn của chiến trường khu VI.

Ba là: Biết vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng, linh hoạt trong phương châm hoạt động, vận dụng hợp lý vào tình hình thực tiễn ở địa phương, tích cực phát huy sức mạnh của lực lượng vũ trang, quyết tâm giành thắng lợi trong mọi tình huống.

Là vùng đất tiếp giáp giữa đồng bằng Cực Nam với miền núi Tây Nguyên có vị trí quan trọng về chiến lược quân sự, do đó từ thực dân Pháp đến đế quốc Mỹ, địch tập trung lực lượng xây dựng Đôn Dương thành cứ điểm mạnh kèm kẹp nhân dân, phong tỏa phong trào cách mạng. Cuộc đấu tranh của nhân dân Đôn Dương chống kẻ thù xâm lược diễn ra quyết liệt, dai dẳng trong tất cả các thời kỳ. Đảng bộ, quân và dân Đôn Dương đã tích cực vận dụng sáng tạo, linh hoạt phương châm, phương thức hoạt động thích hợp nhằm xây dựng, củng cố lực lượng, bảo đảm đánh địch trong mọi tình huống. Ở vào hoàn cảnh bị địch bao vây, xa sự chỉ đạo của hậu phương lớn nhưng từ thực tiễn chiến trường, tổ chức Đảng ở Đôn Dương đã chỉ đạo phương châm hoạt động là kết hợp đấu tranh chính trị với quân sự, lấy sức mạnh quần chúng làm động lực, lấy dân làm gốc kết hợp với vận dụng đúng đắn đường lối của Đảng trong xây dựng cơ sở, phát triển lực lượng cách mạng từ vùng dân tộc đến vùng kinh, củng cố lực lượng từ ít đến nhiều, từ yếu đến mạnh, dùng các đội vũ trang tuyên truyền mở đường móc nối xây dựng cơ sở bên trong và ngay trong lòng hậu phương của địch. Chính nhờ kết hợp phương châm, phương pháp hoạt động thích hợp nên phong trào cách mạng ở Đôn Dương đã liên tiếp giành thắng lợi, dù kẻ thù có lực lượng đông và thực hiện nhiều âm mưu thâm độc.

Bốn là: Không ngừng tăng cường năng lực và sức chiến đấu của tổ chức Đảng, xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương.

Do đặc điểm và nhiều yếu tố khách quan, tổ chức Đảng ở Đôn Dương có thời gian dài bị gián đoạn. Trước năm 1945, tuy số lượng Đảng viên ít, chỉ

đạo trên địa bàn rộng, cơ sở Đảng đầu tiên của huyện đã đi sâu vào quần chúng phát động phong trào, nắm vững thời cơ, lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền thành công trong cách mạng tháng Tám. Tổ chức Đảng tuy còn nhỏ bé nhưng uy tín của Đảng đã sâu đậm trong lòng dân. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và thời kỳ đầu chống đế quốc Mỹ xâm lược, tuy không hình thành được tổ chức Đảng nhưng luôn có các đồng chí Đảng viên hoạt động ở Đơn Dương, đưa đường lối, chủ trương của Đảng đến với quần chúng. Khi có điều kiện, Đảng bộ Đơn Dương được nhanh chóng thành lập để lãnh đạo phong trào. Đảng luôn là ngọn cờ dẫn đường, là niềm tin của nhân dân, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi trong quá trình đấu tranh cách mạng.

Tiếp tục phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng, đảng bộ và nhân dân Đơn Dương quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thử thách, giữ vững khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng trước mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, xây dựng quê hương Đơn Dương ngày càng giàu đẹp, cuộc sống ấm no hạnh phúc.
